

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ ỨNG DỤNG
BỘ MÔN KỸ NĂNG MỀM



KỸ NĂNG

TƯ DUY SÁNG TẠO

*(Bậc Đại học chương trình Chất lượng cao, Đặc biệt, Quốc tế và Đại trà;
dùng cho cả bậc Cao đẳng chương trình Chất lượng cao, Đại trà
học phần kỹ năng Tư duy hiệu quả)*

Chủ biên: ThS. Trần Hữu Trần Huy
Thành viên biên soạn:

ThS. Lại Thế Luyện
ThS. Nguyễn Thị Trường Hân
ThS. Nguyễn Đông Triều

Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2019

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, thực trạng vấn đề tuyển dụng tại đa số các doanh nghiệp cho thấy: hầu hết sinh viên mới ra trường có tỉ lệ thành công khi xin việc là rất thấp. Bên cạnh những thiếu thốn nhất định về kiến thức chuyên ngành, một lý do quan trọng phải kể đến đó chính là việc thiếu các kỹ năng mềm cần thiết để hòa nhập và thành công trong công việc. Đáp ứng nhu cầu lớn lao đó, Bộ môn Kỹ năng mềm ra đời nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng thiết yếu để các bạn có được nhiều lợi thế cạnh tranh hơn trong quá trình học tập cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này. Trong những kỹ năng đó, có thể nói, tư duy hiệu quả và sáng tạo là một kỹ năng vô cùng quan trọng.

Tập bài giảng các bạn đang cầm trên tay sẽ chia sẻ những nội dung cốt lõi của tư duy hiệu quả và sáng tạo, từ những vấn đề lý luận căn bản đến những hướng dẫn cụ thể để hình thành và phát triển các kỹ năng giúp bạn có thể suy nghĩ hiệu quả hơn và sáng tạo trong học tập, trong công việc và cuộc sống. Vận dụng tốt các kỹ năng này, bạn sẽ nhận thấy sự cải thiện rõ rệt trong tư duy, trong giao tiếp và hoạt động nhóm.

Để học tốt và ứng dụng được những kiến thức này, bên cạnh việc tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động tại lớp, sự tự học và tham khảo của các bạn để hoàn tất các bài tập tình huống được đưa ra trong tài liệu là một yêu cầu không thể thiếu.

Dựa trên nhiều nguồn tham khảo đáng tin cậy, chúng tôi đã cố gắng tìm ra cách tiếp cận mới để tập bài giảng không rơi vào “lối mòn”. Tuy nhiên, do có nhiều quan điểm khác nhau về cấu trúc cũng như nội dung của Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo, và do lần đầu ra mắt nên tài liệu khó tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận những ý kiến đóng góp quý báu của quý thầy cô, các bạn sinh viên và bạn đọc nói chung để tài liệu này được hoàn thiện hơn trong những lần cập nhật sau.

Việc biên soạn bài giảng được phân công như sau:

Phần 1: ThS. Trần Hữu Trần Huy, ThS. Nguyễn Thị Trường Hân, ThS. Nguyễn Đông Triều

Phần 2: ThS. Lại Thế Luyện, ThS. Nguyễn Đông Triều, ThS. Nguyễn Thị Trường Hân, ThS. Trần Hữu Trần Huy

Phần 3: ThS. Nguyễn Thị Trường Hân, ThS. Nguyễn Đông Triều.

Mọi thư từ góp ý xin được gửi về: Bộ môn Kỹ năng mềm - Viện Nghiên cứu Kinh tế ứng dụng – Trường Đại học Tài chính Marketing.

Nhóm biên soạn tài liệu

PHẦN 1

TỔNG QUAN VỀ TƯ DUY SÁNG TẠO

A. MỤC TIÊU

Sau khi học xong phần này, sinh viên có thể:

- Giải thích được bản chất của sáng tạo và tư duy sáng tạo.
- Nhận thức được vai trò của tư duy sáng tạo đối với sự phát triển của bản thân trong học tập, trong công việc cũng như trong cuộc sống.
- Phân tích các rào cản của tư duy sáng tạo.
- Nhận diện các đặc điểm của những người sáng tạo.
- So sánh sáng tạo và trí thông minh.
- Đánh giá điểm mạnh, điểm hạn chế trong tư duy của bản thân, từ đó xây dựng kế hoạch để cải thiện khả năng tư duy theo hướng sáng tạo hơn cũng như rèn luyện những thói quen cho sự sáng tạo.

B. NỘI DUNG

SUY NGHĨ KHÁC BIỆT

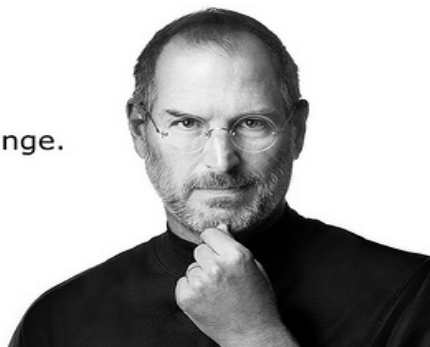
*Nhà vật lý từng đạt giải Nobel, Albert Szent-Gyorgyi có một câu nói rất hay: “**Khám phá bao gồm việc nhìn những điều mọi người đều nhìn thấy và nghĩ ra một điều gì đó khác biệt**”.*



Như theo cách nói của nhiều người: “Trong một thế giới phẳng, cái gì tạo nên sự khác biệt thì cái đó có giá trị”. Nói cách khác, để trở nên sáng tạo hơn, tất cả những gì chúng ta cần làm là “nhìn những điều mọi người đều nhìn thấy” và “nghĩ ra một điều gì đó khác biệt”.

You Thought Different,
Nourished creativity,
And sowed seeds of change.

Steve Jobs
1955-2011



Nhưng tại sao chúng ta không “nghĩ ra một điều gì đó khác biệt” thường xuyên hơn? Roger Von Oech, tác giả của cuốn sách “Cú đánh thức tinh trí sáng tạo” đã đưa ra những lý do sau:

Thứ nhất: Chúng ta nghĩ chúng ta không phải sáng tạo trong mọi công việc. Chúng ta luôn có những thói quen nhất định trong cuộc sống. Trong hoạt động của con người, những thói quen đó là những điều không thể thiếu. Không có chúng, cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên hỗn loạn và con người không thể đạt được nhiều thành tựu như hiện nay. Sống với lối suy nghĩ thường nhật cho phép chúng ta làm được rất nhiều việc mà không phải băn khoăn về chúng.

Thứ hai, chúng ta không được dạy để làm như vậy. Hệ thống giáo dục của chúng ta là trò chơi công phu “đoán xem giáo viên đang nghĩ gì”. Nhiều người được dạy rằng những ý tưởng xuất sắc nhất nằm trong đầu người khác.

Tuy nhiên, đôi khi chúng ta cần phải sáng tạo và tạo ra những con đường mới để đạt được mục tiêu của mình. Khi điều này xảy ra, hệ thống lòng tin của chính chúng ta có thể ngăn chúng ta làm như vậy. Và đây chính là lý do thứ ba. Hầu hết chúng ta đều có thái độ khóa chặt tư duy của chúng ta và khiến chúng ta tư duy “đơn điệu hơn”. Những thái độ đó cần thiết cho hầu hết những việc chúng ta làm nhưng lại trở thành vật cản khi chúng ta cố gắng sáng tạo.

“Mỗi ngày là một mặt trời mới”. Câu nói trên của Heraclitus vẫn rất đúng trong thời đại ngày nay. Nó mô tả một thế giới không ngừng thay đổi, nơi những sự vật mới xuất hiện sẽ thay thế cho những sự vật cũ. Và hầu hết mọi người đều biết rằng tư duy sáng tạo là kỹ năng sống còn trong thế giới biến đổi ấy.

Kỹ năng tư duy nói chung, kỹ năng tư duy sáng tạo nói riêng, là một trong những kỹ năng có giá trị nhất mà ngày nay mà chúng ta có thể học. Trong khi ở quá khứ, người ta làm việc dựa vào kỹ năng cơ bắp, thì ngày nay ta làm việc dựa trên kỹ năng tư duy. Chúng ta đang sống trong thời đại thông tin, đó là lý do khiến trí não thay thế cơ bắp, và sức mạnh tư duy có thể thay thế sức mạnh tay chân.

Dù bạn làm việc trong ngành nghề nào, hay là bạn thích loại công việc như thế nào, bạn luôn cần phải ứng dụng các kỹ năng tư duy vào công việc bạn làm. Bạn phải sử dụng nó trong việc ra quyết định, thu thập, sử dụng và phân tích thông tin; cùng hợp tác với người khác để giải quyết vấn đề; đóng góp ý tưởng đổi mới sáng tạo hay nghĩ ra cách cải tiến công việc của bản thân mình.

Việc hiểu biết về bản chất của sáng tạo và tư duy sáng tạo sẽ giúp bạn tự đánh giá những điểm mạnh, điểm hạn chế trong tư duy của bản thân, từ đó có thể xây dựng kế hoạch để cải thiện khả năng tư duy theo hướng sáng tạo hơn.

1. KHÁI NIỆM TƯ DUY SÁNG TẠO

1.1. Khái niệm tư duy

1.1.1. Các định nghĩa tư duy

Dưới góc độ sinh lý học, tư duy được hiểu là một hình thức hoạt động của hệ thần kinh thể hiện qua việc tạo ra các liên kết giữa các phần tử đã ghi nhớ được chọn lọc và kích thích chúng hoạt động để thực hiện sự nhận thức về thế giới xung quanh, định hướng cho hành vi phù hợp với môi trường sống.

Dưới góc độ tâm lý học, tư duy là một hiện tượng tâm lý, là hoạt động nhận thức bậc cao ở con người. Tư duy là một quá trình tâm lý phản ánh những thuộc tính bản chất, những mối liên hệ và quan hệ bên trong, có tính chất qui luật của sự vật, hiện tượng trong hiện thực khách quan.

Tư duy không những giải quyết được những nhiệm vụ trước mắt mà còn có thể giải quyết cả những nhiệm vụ trong tương lai. Tư duy tiếp nhận thông tin và cải tạo sắp xếp thông tin, làm cho những thông tin này có ý nghĩa hơn trong hoạt động của con người.

Cơ sở sinh lý của tư duy là hoạt động của vỏ đại não. Hoạt động tư duy đồng nghĩa với hoạt động trí tuệ. Mục tiêu của tư duy là tìm ra các triết lý, lý luận, phương pháp luận, phương pháp, giải pháp trong các tình huống hoạt động của con người. [24]

1.1.2. Phân loại tư duy

Có nhiều cách phân loại tư duy, sau đây là một số cách phân loại phổ biến:

Theo GS.VS Nguyễn Cảnh Toàn, GS.TS Nguyễn Văn Lê và nhà giáo Châu An, tư duy được chia ra làm các loại sau:

- Các loại tư duy cơ bản, phổ biến: tư duy logic (dựa trên luật bài trung và tam đoạn luận), tư duy biện chứng và tư duy hình tượng.
- Xét về mức độ độc lập, tư duy được chia thành 4 bậc: tư duy lệ thuộc, tư duy độc lập, tư duy phê phán (phản biện), tư duy sáng tạo.
- Xét đặc điểm của đối tượng để tư duy, tư duy được chia ra làm 2 loại: tư duy trừu tượng và tư duy cụ thể.

Theo GS.TS Nguyễn Quang Uẩn và nhiều tác giả nghiên cứu về tâm lý học đại cương, tư duy được phân loại như sau:

- Xét về mức độ phát triển của tư duy có thể chia tư duy làm 3 loại: Tư duy trực quan – hành động (con người giải quyết nhiệm vụ bằng những hành động cụ thể, thực tế); Tư duy trực quan – hình ảnh (tư duy phụ thuộc vào hình ảnh của đối tượng đang tri giác); Tư duy trừu tượng (giải quyết nhiệm vụ dựa trên việc sử dụng các khái niệm, các kết cấu logic, được tồn tại và vận hành nhờ ngôn ngữ).
- Xét theo hình thức biểu hiện của nhiệm vụ và phương thức giải quyết vấn đề, có: Tư duy thực hành (nhiệm vụ được đề ra một cách trực quan, dưới hình thức cụ thể, phương thức giải quyết là những hành động thực hành); Tư duy hình ảnh cụ thể (giải quyết nhiệm vụ dựa trên những hình ảnh trực quan đã có); Tư duy lý luận (nhiệm vụ đề ra dưới hình thức lý luận, và giải quyết nhiệm vụ đòi hỏi phải sử dụng những khái niệm trừu tượng, những tri thức lý luận).

1.1.3. Các cấp độ tư duy

Theo nhà giáo dục Mỹ Benjamin S. Bloom, tư duy của con người gồm 6 cấp độ, thường được gọi tắt là Thang Bloom (1956) hay Bảng phân loại Bloom (Bloom's Taxonomy):

Cấp độ 1: Biết (Knowledge) – có thể nhắc lại những tài liệu đã học trước đó bằng cách gợi nhớ các sự kiện, thuật ngữ và khái niệm cơ bản.

Cấp độ 2: Hiểu (Comprehension) – chứng tỏ việc hiểu vấn đề và ý tưởng thông qua khả năng sắp xếp, so sánh, diễn giải trình bày các ý chính.

Cấp độ 3: Vận dụng (Application) – Giải quyết các vấn đề bằng cách vận dụng những kiến thức đã học, các sự kiện, phương pháp và quy tắc theo những cách khác nhau.

Cấp độ 4: Phân tích (Analysis) - nghiên cứu và phân chia thông tin thành từng phần thông qua việc xác định động cơ và lý do; tạo ra các lập luận và tìm ra các luận cứ để hỗ trợ cho việc khái quát hóa.

Cấp độ 5: Tổng hợp (Synthesis) – biên soạn và tổng hợp thông tin lại với nhau theo những cách khác nhau, đề xuất những giải pháp thay thế.

Cấp độ 6: Đánh giá (Evaluation) – Trình bày và bảo vệ ý kiến bằng cách đưa ra những phán đoán về thông tin, tính hợp lý của các ý kiến hoặc chất lượng công việc dựa trên các tiêu chí, chuẩn mực.

Nhận thấy thang trên chưa thật sự hoàn chỉnh, vào giữa thập niên 1990, Lorin Anderson, một học trò của Benjamin Bloom, đã cùng một số cộng sự đề xuất sự điều chỉnh (Pohl, 2000) như sau:

Cấp độ 1: Nhớ (Remembering): Có thể nhắc lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó. Ví dụ: Viết lại một công thức, đọc lại một bài thơ, mô tả lại một sự kiện, nhận biết phương án đúng.

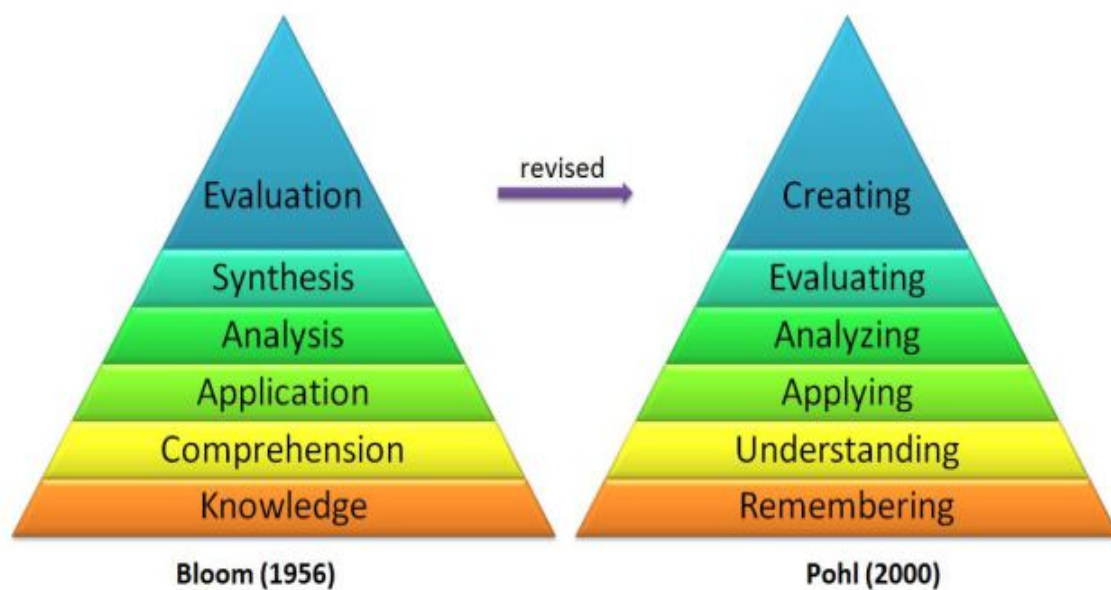
Cấp độ 2: Hiểu (Understanding): Nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ, khái quát. Ví dụ: Giải thích một định luật, phân biệt cách sử dụng các thiết bị, viết tóm tắt một bài báo, trình bày một quan điểm.

Cấp độ 3: Vận dụng (Applying): Áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống, điều kiện mới. Ví dụ: Vận dụng một định luật để giải thích một hiện tượng, áp dụng một công thức để tính toán, thực hiện một thí nghiệm dựa trên qui trình.

Cấp độ 4: Phân tích (Analyzing): Chia thông tin thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể. Ví dụ: Lý giải nguyên nhân thất bại của một doanh nghiệp, hệ thống hóa các văn bản pháp qui, xây dựng biểu đồ phát triển của một doanh nghiệp.

Cấp độ 5: Đánh giá (Evaluating): Đưa ra nhận định, phán quyết của bản thân đối với thông tin dựa trên các chuẩn mực, tiêu chí. Ví dụ: Phản biện một nghiên cứu, bài báo; đánh giá khả năng thành công của một giải pháp; chỉ ra các điểm yếu của một lập luận.

Cấp độ 6: Sáng tạo (Creating): Xác lập thông tin, sự vật mới trên cơ sở những thông tin, sự vật đã có. Ví dụ: Thiết kế một mẫu nhà mới, xây dựng một công thức mới, sáng tác một bài hát; xây dựng hệ thống các tiêu chí để đánh giá một hoạt động; đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế; xây dựng cơ sở lý luận cho một quan điểm; lập kế hoạch tổ chức một sự kiện mới.



(Nguồn: Internet)

Có ba sự thay đổi đáng lưu ý trong sự điều chỉnh này so với Thang Bloom: (1) cấp độ tư duy thấp nhất là Nhớ thay vì Biết, (2) cấp Tổng hợp được bỏ đi và đưa thêm Sáng tạo vào mức cao nhất, (3) các danh động từ được thay cho các danh từ. Sự điều chỉnh này sau đó đã nhận được sự ủng hộ bởi đa số các cơ sở giáo dục, nhất là các trường đại học – nơi đề cao các hoạt động giúp phát triển năng lực sáng tạo của người học. (Trích trong bài viết “Thang cấp độ tư duy Bloom” của TS. Lê Văn Hào – Trường ĐH Nha Trang).

Như vậy, có thể thấy, sáng tạo là cấp độ tư duy cao nhất của con người. Việc phát triển tư duy sáng tạo cho người học đang được đề cao trong các trường học ở nước ta hiện nay, đặc biệt là sinh viên các trường cao đẳng, đại học.

1.2. Khái niệm sáng tạo và tư duy sáng tạo

1.2.1. Định nghĩa về sáng tạo và tư duy sáng tạo

Theo từ điển triết học, sáng tạo là quá trình hoạt động của con người tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần, mới về chất. Các loại hình sáng tạo được xác định bởi đặc trưng nghề nghiệp như khoa học, kỹ thuật, văn học nghệ thuật, tổ chức, quân sự... Có thể nói sáng tạo có mặt trong mọi lĩnh vực của thế giới vật chất và tinh thần (Phan Dũng).

Cái chính yếu của sáng tạo là sự mới mẻ của nó, và bởi thế chúng ta không có tiêu chuẩn qua đó có thể xét đoán nó (Carl Roger).

Nhà tâm lý học Nga L.X. Vugôtski khẳng định: “Sự sáng tạo thật ra không phải chỉ có ở nơi nó tạo ra những tác phẩm lịch sử vĩ đại, mà ở khắp nơi nào con người tưởng tượng, phối hợp, biến đổi và tạo ra một cái gì mới, cho dù cái mới ấy nhỏ bé đến đâu đi nữa so với những sáng tạo của các thiên tài”. Trong đời sống hàng ngày, xoay quanh chúng ta, sáng tạo là một điều kiện cần thiết của sự tồn tại và tất cả cái gì vượt qua khuôn khổ cũ và chứa đựng dù chỉ một nét của cái mới, thì nguồn gốc của nó đều do quá trình sáng tạo của con người. [19]

Sáng tạo còn có nghĩa là **tạo ra giá trị mới**, giá trị mới đó có ích hay có hại là tùy theo quan điểm người sử dụng và đối tượng nhận hiệu quả của việc sử dụng. Ở đây, ta luôn coi giá trị mới là có ích cho đối tượng nhận hiệu quả của việc sử dụng [24].

Theo GS.TS Phạm Thành Nghị, sáng tạo có thể được coi là quá trình tiến tới cái mới, là năng lực tạo ra cái mới, sáng tạo được đánh giá trên cơ sở sản phẩm mới, độc đáo và có giá trị. [14, trang 28]

Theo TS. Huỳnh Văn Sơn, sáng tạo gồm 3 thuộc tính cơ bản [19]:

- **Tính mới mẻ:** Sáng tạo phải tạo ra cái gì đó mới mẻ, có thể là mới đối với cá nhân hoặc mới đối với xã hội.

- **Tính độc lập – tự lập:** Tính độc lập – tự lập tồn tại trong cả tư duy và hoạt động. Nó không phải là tính cá nhân hay sự đơn độc mà vẫn có thể có sự phối hợp của nhiều cá nhân dù rằng mỗi cá nhân vẫn giữ sự độc lập của chính mình trong sự phối hợp.

Ở đây, bất kì một cá nhân nào hay tổ chức nào – nhóm sáng tạo ra ý tưởng, khám phá ra ý tưởng cũng bắt đầu từ việc phải độc lập suy nghĩ và tác chiến. Nhờ vào tư duy độc lập thì sáng tạo lấy nó làm tiền đề để nảy sinh giải pháp mới.

- **Tính có lợi:** Sáng tạo phải tạo ra cái mới nhưng cái mới ấy phải đảm bảo tính hiện thực, phục vụ cho lợi ích của con người và xã hội.

Từ các quan điểm trên về sáng tạo, chúng tôi xin đưa ra cách hiểu về sáng tạo được sử dụng trong tài liệu này:

“Sáng tạo có thể được tiếp cận dưới góc độ quá trình hoạt động của con người, hoặc được tiếp cận dưới góc độ nhân cách. Sáng tạo được hiểu là tìm ra cái mới, cách giải quyết mới, có giá trị. Cái mới, có giá trị được thể hiện trong ý tưởng, trong cách thức giải quyết vấn đề, trong sản phẩm ấy có thể diễn ra ở cấp độ cá nhân hoặc/và ở cấp độ xã hội, dựa trên sự độc lập trong tư duy và hoạt động của con người”.

Sáng tạo gắn liền với sự thay đổi, đưa ra cái mới (đổi mới), sáng chế, các ý tưởng mới, các phương án lựa chọn mới. Sự sáng tạo thuộc về năng lực ra quyết định, thuộc về sự kết hợp độc đáo hoặc liên tưởng, phát ra các ý tưởng đạt được kết quả mới và ích lợi. Mọi người có thể dùng tính sáng tạo của mình để đặt vấn đề một cách bao quát, phát triển các phương án lựa chọn, làm phong phú các khả năng và tưởng tượng các hậu quả có thể nảy sinh. Bạn làm được gì mới, khác và có ích lợi, đấy là sáng tạo. Sự sáng tạo nảy sinh ở mọi tầng lớp và mọi giai đoạn trong cuộc sống của chúng ta.

Tư duy sáng tạo là kiểu tư duy đặc biệt, là một quá trình độc đáo, không chỉ là thao tác với những thông tin đã biết theo con đường logic hay lấy ra từ trí nhớ. “Nghĩ sáng tạo là nhìn một vấn đề, một câu hỏi... theo những cách khác với thông thường. Tức là nhìn mọi thứ từ các góc độ, tầm nhìn khác nhau, "nhìn" theo những cách không bị hạn chế bởi thói quen, bởi phong tục, bởi tiêu chuẩn...”

Tư duy sáng tạo được hiểu là: Khả năng giải quyết vấn đề bằng cách tạo ra cái mới, bằng cách thức mới nhưng đạt được kết quả một cách hiệu quả, hoặc Khả năng giải quyết vấn đề hiệu quả dựa trên sự phân tích lựa chọn các giải pháp tốt nhất có thể có. Cách giải quyết này thường là mới, mang tính sáng tạo và hướng đến xu thế tối ưu.

Theo quan điểm của chúng tôi, tư duy sáng tạo là “cách nhìn nhận vấn đề, sự việc, con người... theo những cách thức khác với cách nhìn nhận thông thường - đó là

những cách nhìn mới mẻ - bằng việc sử dụng kiến thức của mình và thay đổi bối cảnh mà chúng ta nghĩ về những kiến thức đó. Nói cách khác, đó là việc “nhìn những điều mọi người đều nhìn thấy và nghĩ ra một điều gì đó khác biệt”. Tư duy sáng tạo phát triển từ tư duy phản biện – một quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác cho vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề.

Cơ sở của tư duy sáng tạo là phép phân kỳ trong hoạt động tư duy, đó là hoạt động suy nghĩ để cá nhân tìm ra nhiều phương pháp, nhiều cách giải quyết khác nhau để đạt được kết quả mà vấn đề đặt ra.

Tư duy sáng tạo là chủ đề của một lĩnh vực nghiên cứu còn mới. Nó nhằm tìm ra các phương án, biện pháp thích hợp để kích hoạt khả năng sáng tạo và để tăng cường khả năng tư duy của một cá nhân hay một tập thể cộng đồng làm việc chung về một vấn đề hay lĩnh vực. Ứng dụng chính của loại hình tư duy này là giúp cá nhân hay tập thể thực hành nó tìm ra các phương án, các lời giải từ một phần đến toàn bộ cho các vấn đề. Các vấn đề này không chỉ giới hạn trong các ngành nghiên cứu về khoa học kỹ thuật mà nó có thể thuộc lĩnh vực khác như chính trị, kinh tế, xã hội, nghệ thuật... hoặc trong các phát minh, sáng chế.

Như vậy, học kỹ năng tư duy sáng tạo là học các cách thức, các kỹ thuật để có những cách tiếp cận, nhìn nhận và giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, mới mẻ và hữu ích. Đó là kiểu tư duy ra khỏi “chiếc hộp”, ra khỏi “lối mòn”.



(Nguồn: Internet)

1.2.2. Các cấp độ sáng tạo

Sáng tạo có thể được biểu đạt ở các cấp độ khác nhau. Có thể chia sáng tạo thành 5 cấp độ sau:

- **Sáng tạo biểu đạt:** là sự thể hiện ra bên ngoài những mối quan hệ, liên tưởng trong cuộc sống thường ngày, trong những sản phẩm lao động. Sáng tạo ở cấp độ này thể

hiện trong giao tiếp như sự biểu đạt ý tưởng một cách hóm hỉnh, trong cải biến các quan hệ lao động, trong cuộc sống, các chi tiết mới trong sản phẩm...

- **Sáng chế:** là việc tạo ra những vật dụng, dụng cụ mới chưa từng có trong tự nhiên và trong cuộc sống của con người dựa trên những kiến thức phát hiện được bằng con đường khoa học cũng như những kinh nghiệm thu nhận được trong cuộc sống.

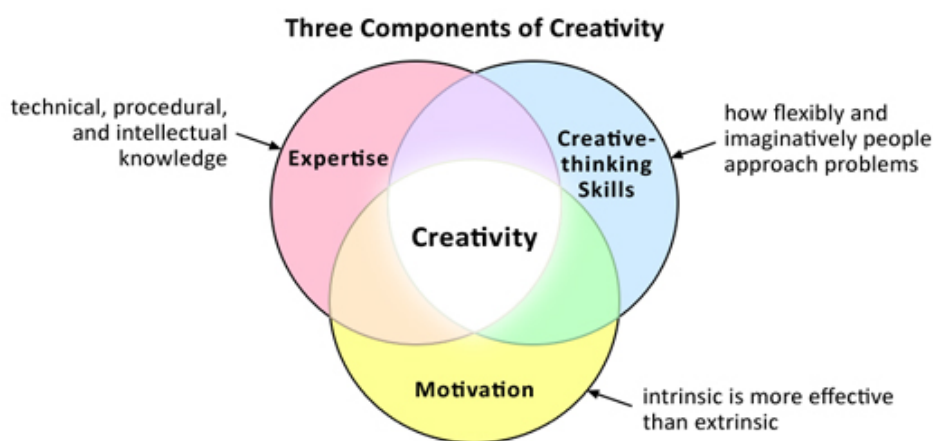
- **Phát minh:** là sự phát hiện ra các quy luật của sự vật hiện tượng có sẵn trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Những quy luật này đang tác động, đang tồn tại nhưng con người, loài người chưa phát hiện ra trước đó.

- **Sáng tạo ở mức cải biến:** là những thay đổi mang lại do tạo ra được những chuyển hóa, những đột phá trong khoa học, công nghệ, những thay đổi trong xã hội nhờ những phát minh, sáng chế trong nhiều lĩnh vực hay những thay đổi trong cách nhìn nhận, cách xử lý tình huống một cách tổng thể có sự tham gia của nhiều nhà khoa học, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực công nghệ nhằm cải biến thực tiễn.

- **Sáng tạo có thể tạo ra các lĩnh vực, ngành nghề mới.**

1.2.3. Ba thành phần của sáng tạo

Nhà khoa học Teresa Amabile cho rằng sáng tạo bao gồm 3 thành phần: (1) **Sự thông thạo kiến thức**; (2) **Những kỹ năng tư duy sáng tạo**; (3) **Động cơ**.



Mô hình 3 nhân tố hình thành sự sáng tạo cá nhân

(Nguồn: Quản lý tính sáng tạo và đổi mới – Tạp chí Business Haverd Review)

- **Sự thông thạo kiến thức:** Rõ ràng để tạo ra một phần mềm mới, các nhà lập trình phải am hiểu rất rõ về các kỹ thuật lập trình cũng như cách thức và quy trình để tạo ra phần mềm. Những nhà soạn nhạc thiên tài phải có kiến thức cực kì uyên bác về âm

nhạc. Vì thế nếu chúng ta có càng nhiều kiến thức về một lĩnh vực nào đó thì khả năng sáng tạo của chúng ta ở lĩnh vực đó càng cao. Vì thế có một định nghĩa khác cho sự sáng tạo là “khả năng sắp xếp những thứ đã có sẵn theo một trật tự mới”. Những nguyên liệu cho sự sáng tạo là các kiến thức có sẵn và những kiến thức này là nền tảng cho lối tư duy của mỗi người. Kiến thức là nền tảng cho những ý tưởng mới. Tuy nhiên, kiến thức chỉ là điều kiện cần để sáng tạo chứ chưa phải là tất cả. Hầu hết chúng ta đã từng gặp những người có kiến thức sâu sắc nhưng vẫn chưa thể đưa ra một ý tưởng sáng tạo nào. Những kiến thức đó chỉ ở trong đầu họ bởi họ chưa bao giờ nghĩ về chúng theo một hướng mới. Như vậy, một điều quan trọng nữa để trở nên sáng tạo nằm ở những gì chúng ta làm với kiến thức của mình, nói cách khác, đó chính là những kỹ năng tư duy sáng tạo.

- **Những kỹ năng tư duy sáng tạo:** được xem là cách con người tiếp cận vấn đề một cách linh hoạt và giàu trí tưởng tượng như thế nào. Những giải pháp mà họ suy nghĩ có khả năng vượt ra những tư duy bình thường. Thuật ngữ này được mô tả là khả năng “suy nghĩ ra ngoài chiếc hộp (thinking out of box)”, tức là những suy nghĩ vượt ra những lề thói thông thường mà chúng ta gặp hàng ngày.

- **Động cơ** được hiểu là các yếu tố thôi thúc cá nhân tìm ra những giải pháp sáng tạo. Nó quy định phương hướng, mục đích, cường độ của hoạt động, thể hiện ở tinh thần say mê, tính tích cực hoạt động được tạo ra chủ yếu nhờ hứng thú, sự thỏa mãn nhu cầu chiếm lĩnh ý tưởng mới, phức tạp và thách thức bằng chính hoạt động sáng tạo.

Người Việt có câu “cái khó ló cái khôn”. Câu này mang ý nghĩa là khi chúng ta rơi vào hoàn cảnh khó khăn thì chúng ta mới có động cơ tìm ra những ý tưởng để giải quyết những vấn đề của mình. Động cơ có thể mang tính hướng nội hay hướng ngoại. Các yếu tố bên ngoài cá nhân như sự thúc đẩy của môi trường, các phần thưởng hay các hình phạt chế tài là các yếu tố có thể thúc đẩy cá nhân phát huy khả năng sáng tạo của mình. Tuy nhiên, những nghiên cứu cũng chỉ ra những động cơ bên trong như niềm đam mê nội tại về lĩnh vực nào đó thì có ảnh hưởng rất quan trọng đến sự sáng tạo. Điều này được chứng minh bởi Daniel Pink trong cuốn sách Động lực 3.0. Con người tiến hóa từ Động lực 1.0 là động cơ sinh tồn lên động lực 2.0 là "cây gậy và củ cà rốt" - tức là động lực bên ngoài, và nay là động lực 3.0 – động lực nội tại bên trong mỗi người. Ở thế kỷ 21, công việc

ngày càng đòi hỏi sáng tạo nên các công ty phải tạo cho người lao động tinh thần đam mê công việc mình đang làm.

Những phân tích trên đây cho chúng ta thấy có thể học được sự sáng tạo từ việc phát triển ba yếu tố: kiến thức, các kỹ năng tư duy sáng tạo và động lực.

Thứ nhất, chúng ta hiểu được để sáng tạo trong lĩnh vực gì thì trước hết phải am hiểu những kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực đó. Cuối cùng, cái mà sáng tạo hướng đến là có thể vận dụng kiến thức nhân loại để phục vụ cuộc sống một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất. Hiểu được nền tảng khoa học hiện tại thì chúng ta mới có thể đưa ra sáng kiến được.

Thứ 2, chúng ta cần rèn luyện các kỹ năng tư duy sáng tạo để có cách tiếp cận vấn đề một cách linh hoạt, mềm dẻo và giàu trí tưởng tượng.

Thứ 3, chúng ta cần tự tạo động cơ, nhất là động cơ bên trong, và được tạo động cơ để thúc đẩy sự sáng tạo trong môi trường học tập cũng như môi trường làm việc.

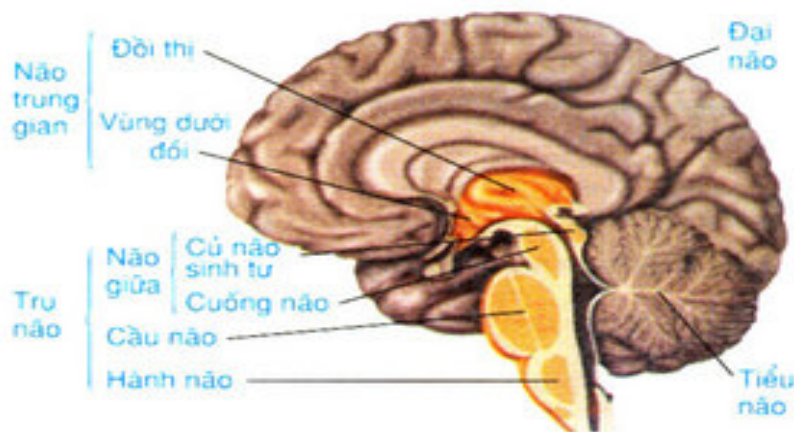
2. CƠ SỞ SINH LÝ THẦN KINH CỦA TƯ DUY SÁNG TẠO

2.1. Cấu tạo, chức năng của bộ não

2.1.1. Tế bào thần kinh

Lao động sáng tạo có nguồn gốc từ hệ thần kinh. Thần kinh trung ương bao gồm bộ não nằm trong sọ và tủy sống nằm trong ống tủy.

Bộ não gồm có 6 phần nằm trong hộp sọ: hai bán cầu đại não, não trung gian, não giữa, cầu não, hành tủy và tiểu não.



Hình 46-1. Não bộ bố dọc

Nguồn: tulieu.violet.vn

Não người trung bình có khoảng 15 tỉ tế bào thần kinh, gọi là nơ-rôn có hình dạng và kích thước rất khác nhau, đường kính 1-50 micromet.

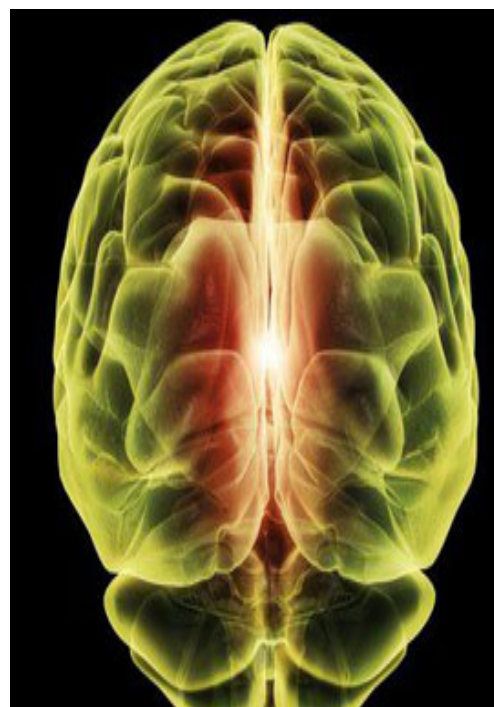
2.1.2. Trụ não và tủy sống

Trụ não và tủy sống là phần dưới của đại não có thể được coi như hệ thần kinh trung ương bậc thấp. Chúng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc điều hòa hoạt động của tất cả các cơ quan trong cơ thể, trong sự thống nhất hoạt động với hệ thần kinh trung ương bậc cao là đại não nhằm làm cho con người thích ứng với môi trường luôn luôn biến đổi để tồn tại và phát triển.

2.1.3. Hai bán cầu đại não

Ngay sau khi đứa trẻ sinh ra, sự chuyển động không xác định của chúng sẽ phát triển dần thành thuận một tay, sáng hơn một mắt và thuận hơn một chân. Bởi vì, hầu hết mọi người đều thuận một bên. Nửa bán cầu đại não sẽ có vai trò nổi trội hơn ở bên phía đối diện. Mặc dù mỗi bên não có một số chức năng trùng lặp với phần não bên kia. Có nhiều chứng cứ và nhiều tranh luận rằng bán cầu đại não phải chịu trách nhiệm về tư duy sáng tạo. Sự suy đoán hơn là chứng cứ khoa học đã dẫn đến quan niệm phân đôi tất cả các chức năng và đưa chúng vào một trong hai bán cầu đại não, như trong bảng sau:

Các chức năng của hai bán cầu não (theo Springer và Deutsch, 1993)	
Bán cầu não trái	Bán cầu não phải
Ngôn ngữ	Phi ngôn ngữ, không gian
Số	Tương tự
Logic, phân tích	Tổng thể, tổng hợp
Duy lý	Trực giác
Vị Tây phương	Vị Đông phương
Trí tuệ	Cảm xúc
Hội tụ	Phân kỳ
Quy nạp	Diễn dịch
Chiều dọc	Chiều ngang
Cụ thể	Trừu tượng
Hiện thực	Tưởng tượng
Định hướng	Tự do
Biểu đạt ra bên ngoài	Ngụ ý bên trong
Khách quan	Chủ quan
Theo thứ tự	Đồng thời



Mặc dù có một số chứng cứ cho sự phân chia này nhưng đây cũng chỉ là kết quả của sự suy đoán hơn là những nghiên cứu công phu. Những người sáng tạo thường xuyên chuyển trọng tâm từ kiểu xử lý logic, đơn chiều của bán cầu não trái sang xử lý tổng thể của bán cầu não phải, ở đó tư duy trực giác đóng vai trò lớn. Ở mức giải phẫu, bán cầu não phải phù hợp hơn với sáng tạo khi có sự liên kết nhiều phần vỏ não với việc xử lý thông tin phức tạp và tích hợp. Tuy nhiên, chúng ta cần phải thận trọng với việc đơn giản hóa chúng. Não bộ luôn làm việc một cách thống nhất, vì vậy, việc cho rằng ở người bình thường, bán cầu não phải có thể tách rời khỏi bán cầu não trái theo cách nào đó là không chính xác và sai lầm (Restak, 1991)
(Nguồn: Giáo trình Tâm lý học sáng tạo, Phạm Thành Nghị, trang 150).

2.2. Các quy luật hoạt động của bộ não

Sau đây là một số quy luật hoạt động của não bộ mà bạn cần lưu ý:

- Quy luật 1: Thể dục tốt – Não khỏe

Hãy cải thiện suy nghĩ bằng di chuyển. Kinh nghiệm của nhiều người cho thấy: “Hầu hết những ý tưởng hay đều xuất phát khi đi dạo”. Từ trước tới nay, chúng ta thường mặc định những người “mọt sách” suốt ngày học mới có tư duy, trí tuệ. Nhưng không biết rằng trí tuệ, hiểu biết ta có được cũng qua những trải nghiệm thực tế. Chính những trải nghiệm mới khắc sâu vào trí não của ta. Ở đây, xét về khía cạnh vận động sẽ cấp oxy cho não, do đó não làm việc tốt hơn. Bằng chứng là chúng ta hay có những ý tưởng hay khi ta thông dong đi bộ, hay đang làm một việc gì đó liên quan tới cơ bắp.

- Quy luật 2: Chú ý có giới hạn

Bộ não của chúng ta tập trung trong một khoảng thời gian nhất định, vì thế, trong quá trình tư duy chúng ta hãy thường xuyên thay đổi cách thức hay những hoạt động của mình để bộ não linh hoạt hơn.

- Quy luật 3: Tiếp nhận thông tin vô thức

Bộ não tiếp nhận thông tin không chỉ bằng ý thức mà cả con đường vô thức. Đôi lúc bạn nghĩ “mình đã gặp chuyện này ở đâu nhưng không nhớ”. Khi bạn tiếp nhận một thông tin nào đó thì nó sẽ được “lưu vết” trong não bộ, giống như là cất giữ một cuốn sách, vì thế hãy biết cách sắp xếp thông tin và biết càng nhiều càng tốt.

- Quy luật 4: Liên kết thông tin

Bộ não tiếp nhận thông tin bằng các liên kết các thông tin với nhau, vì thế hãy cải thiện suy nghĩ bằng cách mã hóa. Nhiều lời khuyên: “học phải hiểu thì mới nhớ, chỉ cần hiểu chứ không cần nhớ lâu”.

- Quy luật 5: Phối hợp giác quan

Bộ não kích thích khi phối hợp các giác quan. Phải đặt mình trong một môi trường thoải mái thì bộ não mới phát huy tiềm năng của mình được.

2.3. Một số thông tin về bộ não

Bộ não là tài sản quý giá nhất mà con người có. Cách sử dụng tài sản này tạo nên thành công hay thất bại trong công việc cũng như cuộc sống. Sau đây là một số thông tin thú vị về bộ não:

- Cấu tạo của bộ não con người vô cùng phức tạp. Điều làm cho con người khác với đa số động vật khác là kích thước của bán cầu não. Đó là nơi chứa chất xám cần thiết cho sự sống cũng như khả năng sử dụng ngôn ngữ, biết đọc và biết viết của con người. Não bộ thông qua các giác quan, giúp chúng ta nhận thức được môi trường xung quanh, do đó có khả năng điều chỉnh và thích ứng với từng môi trường, hoàn cảnh khác nhau.

- Não có một năng lực làm việc tuyệt vời, chỉ cần một giấc ngủ ngắn thôi cũng đủ để cho não nạp lại năng lượng cần thiết và duy trì hoạt động trở lại với hiệu suất bình thường. Não duy trì sự kiểm soát với một số bộ phận cơ thể bằng những mối giao tiếp qua trung gian tuỷ sống và các dây thần kinh. Các dây thần kinh giác quan chuyển tải thông tin đến não, não sàng lọc những thông tin này, sau đó gửi những tín hiệu xuống cho cơ bắp, xương và khớp thông qua các dây thần kinh vận động. Kết quả là những bộ phận của cơ thể sẽ cử động và hành động theo sự chỉ huy của não bộ.

- Não của một người lớn nặng trung bình khoảng 1,4 kg. Não của trẻ sơ sinh trung bình nặng 390g, của trẻ 9 tháng tuổi là 660g, 3 tuổi: 1000g, 7 tuổi: trung bình là 1280g. Ở từng con người cụ thể thì vẫn đề lại vô cùng phức tạp. Não của nhà văn Nga Turgenev nặng 2012g, của nhà thơ Anh Byron nặng 1807g, của nhà triết học Đức Kant 1650g, của nhà thơ Dante 1420g, của nhà toán học Gauss 1490g, của nhà sử học Đức Tawringe 1207g, của Einstein nặng 1,2 kg, của nhà văn Pháp Anatone France 1017g.

- Theo các nghiên cứu khoa học thì não người có nhiều gam màu tổng hợp, thiên về gam màu xám, vì vậy mà nó được gọi là chất xám. Chất xám này tồn tại ở rất nhiều bộ

phần trong não, nó chứa rất nhiều loại tế bào khác nhau bởi vậy não còn có chứa các chất trắng gồm các dây thần kinh phối lấp với các chất xám.

- Não của người là não tiến hóa mức cao nhất. Có khả năng suy luận và tư duy trừu tượng. Con người có khả năng nhìn bằng tiềm thức. Dẫn đến hiện tượng ảo giác và có thể nhìn thấy điều không có trên thực tế.

- Não người có nhiều nếp nhăn. Theo quy luật tiến hóa và để phù hợp với tỷ trọng của cơ thể, não người tự nó phát triển và gói gọn trong hộp sọ với nhiều nếp gấp khác nhau, có những lớp giống nhau, chỗ lồi gọi là gyri và chỗ lõm gọi là sulci. Kích thước của những vùng này cũng không đồng nhất, độ lớn nhỏ tùy thuộc độ tuổi và từng cá thể vì vậy ngay từ khi ở trong bào thai, não đã được hình thành và phát triển, đến tuần thứ 40 sẽ có những nếp nhăn rõ ràng. Khi người ta học tập, nghiên cứu thì nếp nhăn này quả thực có thay đổi nhưng không hề thêm số lượng các sulci lẫn gyri. Hiện tượng này được gọi là quá trình giãn nở của não.

- Sự phát triển mạnh mẽ nhất của bộ não xảy ra ở tuổi từ 2-11. Thức khuya hay uống rượu hoặc hút thuốc lá nhiều sẽ làm chết các nơ ron thần kinh làm não giảm bộ nhớ.

- Con người càng có học vấn thì khả năng mắc bệnh về não càng ít. Hoạt tính trí óc kích thích sự sản xuất mô bổ sung bù lại mô bị bệnh.

- Thực hiện những hoạt động không quen thuộc là một cách tốt nhất để phát triển bộ não. Sự giao thiệp với những người vượt bạn về trí tuệ cũng là cách tác động mạnh đến sự phát triển.

- Từ đầu thế kỷ 20, nhiều nhà khoa học trong đó có Giáo Sư Williams James đã nghiên cứu và phát hiện thấy con người mới sử dụng khoảng 10% năng lực của bộ não. Tuy nhiên gần đây, nhờ khoa học phát triển và kỹ thuật quét não, kỹ thuật neuron-imaging, giới nghiên cứu đã có thể quan sát kỹ hơn cấu trúc của não cũng như các hoạt động của nó và phát hiện thấy sự sai lầm của giả thuyết nói trên. Theo đó, không phải lúc nào con người cũng sử dụng hết công suất của não, song nhiều vùng của não thường xuyên kết hợp với nhau, tuyệt nhiên không hề có vùng não nào là không hoạt động, ngay cả khi con người nghỉ ngơi. Ví dụ khi ta nhai một miếng bánh thì hầu hết các bộ phận của não đều hoạt động, đảm nhận các chức năng của nó như quan sát, cảm nhận đánh giá, kiểm chứng... hoặc khi ngủ não bộ cũng không hề nghỉ.

3. CÁC RÀO CẢN CỦA TƯ DUY SÁNG TẠO

Những rào cản đối với tư duy sáng tạo là những yếu tố gây trở ngại cho hoạt động tư duy tìm kiếm những giải pháp, những hướng đi mới để giải quyết vấn đề đặt ra. Đó là sự thiếu hụt tính mạo hiểm và tính cởi mở trong tư duy cũng như không có câu hỏi hay chiến lược kích thích, gợi ý để thoát khỏi thông tin cũ, ý tưởng cũ đang thống trị để tạo ra con đường mới dẫn đến sản phẩm mới. Sau đây là những rào cản phổ biến:

3.1. Rào cản về văn hóa

Văn hóa là một khái niệm rất rộng, trong đó những giá trị vật chất và tinh thần được sử dụng làm nền tảng định hướng cho lối sống, đạo lý, tâm hồn và hành động của mỗi dân tộc và các thành viên để vươn tới chân – thiện – mỹ trong mối quan hệ giữa người với người, giữa con người với tự nhiên và môi trường xã hội.

Văn hóa còn được hiểu là những qui luật chủ quan được một cộng đồng thừa nhận và tôn trọng. Mỗi con người sinh ra và lớn lên trong một hoàn cảnh khác nhau nên thấm đẫm một không gian văn hóa khác nhau. Nếu cộng đồng là gia tộc thì có văn hóa gia tộc, nếu cộng đồng là doanh nghiệp thì có văn hóa doanh nghiệp, nếu cộng đồng là vùng miền thì có văn hóa vùng miền...

Một số nền văn hóa chỉ chấp nhận một câu trả lời đúng. Các thành viên không được khuyến khích tưởng tượng hay mơ ước về các cơ hội. Giải quyết vấn đề được tiến hành rất chặt chẽ theo từng bước, theo trật tự và theo truyền thống. Đối với nhiều nền văn hóa khác, sự mềm dẻo, tự do, bầu không khí sáng tạo và cởi mở có mặt trong tổ chức, cộng đồng. Ở giai đoạn tuổi thơ, trẻ em được khuyến khích tư duy sáng tạo. Nếu trẻ được khuyến khích mạo hiểm, hài hước với những ý tưởng mới và tưởng tượng các cơ hội bất thường, thói quen này sẽ đi cùng với họ trong phần còn lại của cuộc đời [14]. Chẳng hạn, sự khác biệt về văn hóa các nước phương Tây và nhiều nước phương Đông. Các nước phương Tây thường đề cao sự tư duy độc lập trong cách suy nghĩ và đề cao sự khác biệt mới lạ cũng như tư duy phản biện. Ngược lại văn hóa phương Đông đề cao tư duy tập thể.

Văn hóa doanh nghiệp cũng ảnh hưởng tới cách thức tư duy của người lao động. Rõ ràng nếu một công ty mà ban lãnh đạo cởi mở tư duy thì các thành viên trong công ty mới có điều kiện phát huy sự sáng tạo của mình trong môi trường làm việc.



Để vượt qua những rào cản văn hóa, bạn cần lưu ý một số điểm căn bản sau:

- Chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt văn hóa. Hãy ý thức rằng sự khác biệt về tư duy, thái độ và hành động giữa những người đến từ các nền văn hóa khác nhau là điều khó tránh khỏi. Do đó, chúng ta cần học cách thích nghi.
- Rèn luyện khả năng quan sát, lắng nghe và kiên nhẫn.
- Tôn trọng những gì có liên quan đến cá nhân. Không nên cho rằng vì anh ta/cô ta đến từ đất nước đó nên có cách suy nghĩ, giao tiếp, ứng xử như những người của quốc gia đó. Điều đó có thể bị chi phối bởi yếu tố văn hóa, nhưng mỗi người đều có cách suy nghĩ, hành xử mang đậm bản sắc cá nhân của mình. Hãy tôn trọng những vấn đề cá nhân.

3.2. Rào cản về thông tin



Internet đang thay đổi cách chúng ta tư duy. Nhà nghiên cứu Betsy Sparrow, Đại học Columbia cho biết rằng những công cụ tìm kiếm như Google đang thay đổi mô hình tư duy của con người. Ví dụ, chúng ta đang nhớ ít đi những thông tin, nhưng biết làm gì để tìm thấy nó trên các công cụ tìm kiếm trực tuyến. Một cách đơn giản, nếu chúng ta có

thể tìm thấy một thông tin trực tuyến, chúng ta ít có khả năng nhớ chính thông tin đó. Hiện tượng này có thể dẫn đến một bộ não lười hoạt động. Internet làm cho bộ não ít hơn động hơn. Điều này có thể là tốt hay không tùy thuộc vào cách chúng ta sử dụng chúng. Chúng ta có thể giải phóng bộ não và bộ nhớ cho các nhiệm vụ khác, thậm chí điều đó giúp chúng ta thông minh hơn. Về mặt lý thuyết, để có thể nhận thức thế giới, chúng ta cần phải tạo cho mình khả năng thoát khỏi vùng ảnh hưởng của thông tin, nghĩa là phải có sự quan sát và phân tích độc lập. Hãy dừng lại ở việc coi thông tin như những nguyên liệu thô và hãy lọc ra trong thông tin những sự kiện nguyên bản trước khi chúng bị phóng đại.

3.3. Rào cản về nhận thức

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, nhận thức là quá trình biện chứng của sự phản ánh thế giới khách quan trong ý thức con người, nhờ đó con người tư duy và không ngừng tiến đến gần khách thể.

Một cách khái quát, nhận thức được hiểu là sự hiểu biết về sự vật hiện tượng. Có thể thấy, chất lượng của tư duy tùy thuộc vào nhận thức của mỗi người. Nguyên liệu của tư duy là tri thức, rõ ràng nếu chúng ta có nhiều tri thức thì bộ não của chúng ta hoạt động nhiều hơn và suy nghĩ tốt hơn. Điều này cho thấy những người trình độ khác nhau thì nhận thức về vấn đề khác nhau.



Như chúng ta đã biết ở nội dung Ba thành phần của tính sáng tạo, những nguyên liệu cho sự sáng tạo là các kiến thức có sẵn và những kiến thức này là nền tảng cho lối tư duy của mỗi người. Kiến thức là nền tảng cho những ý tưởng mới. Vì vậy, sự thiếu hiểu biết về sự vật hiện tượng cũng là một trong những nguyên nhân làm hạn chế tính sáng tạo.

Như vậy, để khắc phục rào cản này, bản thân mỗi cá nhân phải tự học hỏi để nâng cao nhận thức về sự vật hiện tượng cả bề rộng lẫn chiều sâu. Ngoài ra, cần biết vận dụng kiến thức một cách linh hoạt để có thể tạo ra những ý tưởng, giải pháp mới.

3.4. Tính ì tâm lý

Tính ì tâm lý là hoạt động của tâm lý con người, cố gắng giữ lại những trạng thái, khuynh hướng thay đổi tâm lý đã và đang trải qua, chống lại việc chuyển sang trạng thái, khuynh hướng thay đổi tâm lý mới.

Tính ì tâm lý thường có hại trong sáng tạo và đổi mới, vì vậy cần có các biện pháp khắc phục chúng.

Tính ì tâm lý thường biểu hiện ở nhiều hình thức khác nhau, phổ biến là 3 hình thức dưới đây:

- Tính ì tâm lý “thiếu” (còn gọi là ì “thiếu”): do nhiều lý do khác nhau, chúng ta “thiếu” đi một số nghĩa có thể có của đối tượng cho trước mà chính các nghĩa “thiếu” đó đem lại giá trị giúp đưa ra lời giải, quyết định đúng. Biểu hiện của tính ì tâm lý đó là: chăm chăm hướng theo một nếp nghĩ thường tình mà ta cứ đinh ninh cho đó là đúng, không hình dung được hết các khả năng có thể xảy ra, lối suy nghĩ rập khuôn, không chấp nhận những giải pháp sáng tạo.



Để khắc phục tính ì thiếu, chúng ta phải có nhiều cách xem xét đối tượng cho trước, sao cho số lượng nghĩa rút ra được từ các cách xem xét đó càng nhiều càng tốt.

- Tính ì tâm lý “thừa” do liên tưởng ngoại suy ra ngoài phạm vi áp dụng.

Để khắc phục tính ì thừa, chúng ta phải ý thức về phạm vi áp dụng để không dùng đối tượng cho trước ra ngoài phạm vi áp dụng của nó. Ngoài ra, khi hoàn cảnh (hiểu theo nghĩa rộng) thay đổi, chúng ta phải xem xét lại tất cả những gì đem lại ích lợi trong hoàn cảnh cũ, liệu chúng còn tiếp tục đem lại ích lợi trong hoàn cảnh mới không. Nếu thấy không, cần chủ động thay đổi chúng hoặc đưa ra những cái mới, đem lại ích lợi trong hoàn cảnh mới.

- Tính thiếu tự tin, rụt rè, tự ti đối với sáng tạo: có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân:

+ Số phép thử - sai trong quá khứ nhiều hơn số phép thử - đúng (Thất bại nhiều hơn thành công)

+ Đa số các môi trường là thiên về phê phán, chỉ trích, thậm chí vùi dập những gì mới nảy sinh trong môi trường đó.

+ Thái độ cầu toàn của cá nhân đối với sáng tạo.

+ Do sự giáo dục (hiểu theo nghĩa rộng) không khuyến khích sáng tạo ra ngoài khuôn mẫu.

Để khắc phục loại tính ì này, chúng ta cần khắc phục những nguyên nhân nói trên. Ngoài ra, khi suy nghĩ cần giải phóng tư tưởng theo tinh thần mọi cái đều có thể, không có gì cấm đoán hoặc cản trở suy nghĩ, để có thể phát được nhiều ý tưởng. Phát các ý tưởng không có nghĩa là cứ phải hành động theo chúng, bởi vì còn có giai đoạn ra quyết định, ở đó có sự phê phán, cân nhắc để chọn ra lời giải hoặc quyết định đúng cần thực hiện.

3.5. Các rào cản khác của tư duy

Ngoài những rào cản về văn hóa, thông tin và nhận thức, một số yếu tố khác cũng có thể trở thành trở ngại đối với việc tư duy sáng tạo, đó là: kiểu nhân cách, cảm giác tội lỗi, những giấc mơ tương lai, những cú sốc trải nghiệm trong đời, vị thế xã hội, hoàn cảnh gia đình, tình trạng bệnh tật, hoàn cảnh kinh tế...

4. ĐẶC ĐIỂM CỦA NHỮNG NGƯỜI SÁNG TẠO

Được đúc kết từ những nghiên cứu về sự sáng tạo, những người sáng tạo có những đặc trưng giống nhau, thay vì giải quyết các vấn đề, họ đam mê và nhạy cảm, và trên hết họ sẵn sàng tiếp cận với những trải nghiệm mới, tự do thoải mái và tò mò... Những đặc

điểm này có thể tìm thấy ngay từ những người nông dân không được đào tạo bài bản từ trường lớp nhưng có nhiều sáng chế thiết thực ứng dụng trong cuộc sống đến các chuyên gia trong từng lĩnh vực cụ thể. Những đặc điểm tính cách là yếu tố quyết định nhiều về tiềm năng sáng tạo hơn là chỉ số IQ, kết quả học tập.

Dưới đây là một số đặc điểm tiêu biểu của những người sáng tạo:

- Khát khao những trải nghiệm mới, phức tạp và tìm kiếm sự đa dạng trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống.

- Kiến thức uyên bác là cần thiết để nhận thấy những cơ hội mới hoặc giải thích các sự kiện như những cơ hội đầy hứa hẹn. Trái ngược với niềm tin phổ biến, hầu hết những người sáng tạo thành công không phải là thiên tài bẩm sinh, mà là các chuyên gia được đào tạo trong lĩnh vực của họ. Hoặc dù không được đào tạo bài bản ở trường lớp thì sự tìm tòi, khám phá, tự học cũng giúp họ có những kiến thức vững chắc, phong phú trong lĩnh vực của mình.

- Chủ động và mức độ kiên trì cao, điều này cho phép họ khai thác các cơ hội mà họ xác định. Trên tất cả, họ - những nhà sáng tạo hiệu quả - có định hướng cao và tràn đầy năng lượng so với người khác.

- Nhạy cảm trong việc nhận thức khó khăn, những gì đã biết và chưa biết.

- Nhận ra những tiềm năng: Những người bình thường - những người không tin rằng mình có thể sáng tạo, những người hay e ngại hoặc kháng cự lại tính sáng tạo hay những suy nghĩ sáng tạo thường thích làm việc trong những giới hạn với những khả năng hạn chế hơn. Những người sáng tạo thường thích quan sát nhiều hay thậm chí là những khả năng vô hạn trong đa số các tình huống hay các thử thách.



Anh Văn Đức Quỳnh và chiếc máy tách hạt ngô tại Techmart 2009

(Nguồn: www.khoahoc.com.vn)

“Tôi không thông minh hơn người thường nào. Tôi đơn giản chỉ tò mò hơn một người trung bình, và tôi không bỏ cuộc trước một vấn đề cho đến khi tôi tìm được giải đáp. Ông có thể xem tôi là kiên nhẫn hơn những người trung bình trong việc theo đuổi các bài toán. Không phải thông minh hơn là quan trọng mà là tò mò hơn và có lẽ kiên nhẫn hơn trong vấn đề tìm giải đáp cho một bài toán. Tôi không có một sức mạnh tư duy đặc biệt mạnh (“cơ bắp não”) nào, dù chỉ trong mức độ khiêm tốn. Nhiều người có thứ đó nhiều hơn nhiều mà không mang lại một cái gì đáng để ngạc nhiên”. Albert Einstein.

(Nguồn: www.khoahoc.com.vn)



Charlie Chaplin (trái) nói với Einstein: “Dân chúng hoan hô tôi vì mọi người hiểu tôi, còn họ hoan hô ông bởi vì không ai hiểu ông”.

Bạn có thể tham khảo bài viết dưới đây để có cái nhìn sâu sắc hơn về đặc điểm của những người sáng tạo.

32 ĐẶC ĐIỂM CỦA NGƯỜI SÁNG TẠO

1) Nhạy cảm

Cần thiết cho óc sáng tạo trong nhiều mặt: Trong việc nhận thức khó khăn, những gì đã biết và chưa biết; Giúp mọi người nhận thức mọi thứ dễ dàng hơn; Là lí do khiến mọi người quan tâm và gắn liền bản thân mình với thử thách hay các động cơ.

2) Động cơ làm việc không vì tiền

Coi tiền là quan trọng nhất đối với xã hội hay nền kinh tế không phải là động lực của một người sáng tạo. Thông thường người sáng tạo đều có ý thức trực giác về số tiền mà họ cơ bản cần và khi nhu cầu đó được thoả mãn thì tiền sẽ không thể tác động hay chi phối họ.

3) Ý thức về vận mệnh

Những người sáng tạo bằng trực giác hiểu rằng họ có mục đích, vận mệnh. Nhận thức rõ rằng họ có thể chọn lựa hoặc tạo ra chúng để có thể đạt được đỉnh cao nhất về khả năng hay năng khiếu.

4) Biết thích nghi

Nếu thiếu khả năng thích nghi, con người khó có thể sáng tạo được nhưng thay vì thích nghi với mọi thứ người sáng tạo chọn cách thích nghi với những gì họ thấy phù hợp.

5) Kiên nhẫn trước sự không rõ ràng

Hai ý tưởng hoặc là nhiều hơn đều thích hợp trong cùng một lúc thách thức suy nghĩ của những người sáng tạo. Họ thích không rõ ràng để thách thức người khác hay những ý tưởng khác. Sự mơ hồ giúp họ quan sát mọi thứ từ nhiều phía khác nhau trong cùng một lúc.

6) Quan sát

Những người sáng tạo luôn sử dụng tất cả các giác quan của mình: ý thức, tiềm thức hoặc vô thức.

7) Nhận thức thế giới theo cách khác

Thoreau nhận xét về cách mọi người gõ một nhịp trống khác nhau. Những người sáng tạo gõ mạnh hơn nhờ nhiều cách nhận thức: thính giác, thị giác, xúc giác, khứu giác, vị giác, cảm nhận mọi thứ. Những viễn cảnh khác nhau này mở ra cho họ những khả năng vô hạn.

8) Nhận ra các tiềm năng

Những người bình thường - những người không tin rằng mình có thể sáng tạo, những người hay e ngại hoặc kháng cự lại tính sáng tạo hay những suy nghĩ sáng tạo thường thích làm việc trong những giới hạn với những khả năng hạn chế hơn. Những người sáng tạo thường thích quan sát nhiều hay thậm chí là những khả năng vô hạn trong đa số các tình huống hay các thử thách.

9) Đặt ra những câu hỏi

Những người sáng tạo đặc biệt là những người có tính sáng tạo cao thường biết vượt qua cái bóng của mình để đặt ra những câu hỏi, đây là bản tính của họ với các vấn đề. Những câu hỏi trên thực tế không phải là những lời phê phán. Những chất vấn tự nhiên của họ có vẻ thường bị nhầm lẫn là sự chỉ trích trong khi nó đơn giản chỉ là chất vấn, thăm dò, hay cách xử sự với mọi thứ như là họ có thể.

10) Biết cách tổng hợp chính xác thông qua trực giác

Đây là khả năng biết cách quan sát toàn bộ sự việc, nhận ra những mô hình, nắm được các giải pháp với vài mẫu thông tin thậm chí ngay cả khi thiếu những thông tin quan trọng. Những người sáng tạo tin vào trực giác của mình kể cả khi nó không chính xác 100%.

11) Có thể cuồng tín

“Billy! không nhìn ra ngoài cửa sổ nữa!”... Cha mẹ, thầy cô giáo hay thậm chí cả bạn bè hay khuyên những người sáng tạo như vậy. Người có tính sáng tạo cao hay thích lang thang trong thế giới tưởng tượng của riêng mình. Đây là một trong những chủ đề chính của bộ phim hoạt hình vui nhộn “Calvin và Hobbes”. Cả Calvin và Hobbes (bạn chí cốt của Calvin) đều là những người liên tục làm gãy bút chì!

12) Linh hoạt

Những người sáng tạo đều rất linh hoạt trong việc xoay chuyển những ý tưởng của mình. Họ thích quan sát mọi thứ từ nhiều quan điểm khác nhau và đặt ra hàng loạt những lời giải trong khi những người khác hài lòng với một câu trả lời hay giải pháp.

13) Uyển chuyển

Đó có thể là một vật chặn cửa, một mái chèo, một vũ khí, một cột chống, cái chặn giấy ... Đó là tất cả những gì mà người sáng tạo nói về những khả năng sử dụng của một viên gạch.

14) Tưởng tượng

Người sáng tạo thích dùng trí tưởng tượng của mình để biến những gì có thể thành thử nghiệm.

15) Trực giác

Một người càng sáng tạo bao nhiêu thì càng dùng đến trực giác bấy nhiêu, khả năng nhìn ra các lời giải với cơ sở lập luận tối thiểu, nhận thức được các khó khăn ngay cả khi chúng không xảy ra.

16) Độc đáo

Độc đáo là động lực của người sáng tạo. Họ phát đạt nhờ điều này.

17) Khéo léo

Làm những việc khác thường, giải quyết những vấn đề tưởng như không thể giải quyết. Nghĩ đến những gì chưa từng được nghĩ đến trước đó. Đây là tất cả những đặc điểm khiến người sáng tạo trở nên khéo léo đúng lúc.

18) Mạnh mẽ

Những thách thức, khó khăn, những ý tưởng mới gắn với những người sáng tạo thực sự khuyến khích và cung cấp cho họ những năng lượng tưởng như vô tận, giống như Sherlock Holmes khi ông nắm được khả năng phán đoán cho một bí ẩn trong tiểu thuyết của mình.

19) Khiếu hài hước

Tiếng cười và sự sáng tạo thường đi đôi với nhau. Nhiều chuyên gia cho rằng sự sáng tạo khó có thể xuất hiện nếu như thiếu khiếu hài hước. Họ cũng cho rằng sự nghiêm túc có thể chấm dứt tính sáng tạo hay những suy nghĩ sáng tạo.

20) Thể hiện đầy đủ tiềm năng của mình

Nhà tâm lý học Abraham Maslow tạo ra thuật ngữ này vào những năm 60 miêu tả những động cơ thúc đẩy cơ bản của mọi người, những gì mà bạn có thể hay làm, những gì mà bạn mong muốn trở thành.

21) Kỷ luật tự giác

Đây là đặc điểm có vẻ không rõ ràng ở những người có khả năng sáng tạo cao. Thỉnh thoảng họ thường không có tổ chức, ồn ào trong khi cùng lúc họ là người có kỷ luật tự giác cao.

22) Tự biết mình

Trong suốt cuộc đời mình tôi đã đọc khoảng hơn 4000 bản tiểu sử hoặc tóm tắt tiểu sử, hầu hết là của những người được coi là sáng tạo nhất trong những người có tính sáng tạo cao ở lĩnh vực riêng của họ. Một đặc điểm chung giữa họ là tất cả đều ghi chép và liên tục cố gắng để hiểu rõ bản thân mình hơn.

23) Có những mối quan tâm cụ thể

Đây cũng là một đặc điểm của những người sáng tạo. Bề ngoài họ có vẻ quan tâm tới mọi thứ nhưng trong thâm tâm họ có những mối quan tâm riêng mà họ giao phó năng lực và nỗ lực thật sự của mình. Bằng cách sẵn sàng đặt mình vào những mối quan tâm tưởng như vô hạn, họ có thể khám phá thêm về những mối quan tâm cụ thể riêng biệt của mình.

24) Biết suy nghĩ trệch hướng

Những người sáng tạo thích đi trệch hướng từ những quy tắc. Quan sát mọi vật từ nhiều phía khác nhau, thách thức bất kỳ những gì đang tồn tại. Vì lý do này mà thỉnh thoảng họ bị coi là lạc điệu, không đúng kiểu, không theo quy tắc hoặc không điển hình.

25) Tò mò

Giống như chú mèo Cheshire trong chuyện “Alice ở xứ sở thần tiên”, người sáng tạo luôn tò mò giống như trẻ con vậy.

26) Không giới hạn

Để khám phá tất cả các tiềm năng, những người sáng tạo có xu hướng không thoả

mãn với những câu trả lời hay các giải pháp cho đến khi rất nhiều biện pháp được đưa ra.

27) Độc lập

Người sáng tạo luôn khao khát và đòi hỏi có tinh thần độc lập cao, phản đối sự phụ thuộc nhưng thường phát đạt trong những sự phụ thuộc có lợi lẫn nhau.

28) Đòi hỏi khắt khe

Những người sáng tạo luôn thách thức hầu hết mọi thứ, mọi ý tưởng, mọi quy tắc. Họ thách thức, thách thức và thách thức nhiều hơn đến nỗi người khác nhìn nhận thách thức của họ như những đòi hỏi khắt khe.

29) Không theo những lối mòn, lễ thói

Những người sáng tạo thường không đi theo lối mòn. Họ thường đi ngược lại những quy tắc, lễ thói để tạo ra cú lội ngược dòng.

30) Tự tin

Đây cũng là một đặc điểm không rõ ràng nữa ở những người sáng tạo. Khi họ sáng tạo, họ rất tự tin. Khi họ ở giai đoạn thất bại không làm được gì cả, họ thường thiếu tự tin. Sau những kinh nghiệm tích cực họ bắt đầu tin tưởng bản thân mình và nhận thức được rằng mình có thể chán nản và thất vọng thậm chí gần như bị phá huỷ nhưng sự tự tin trong tiềm thức vẫn khiến cho họ hoạt động hoặc ít nhất là có thể vẫn duy trì hoạt động cho đến khi họ trải qua hoặc khám phá ra một ý tưởng đột phá hay một mẫu thông tin.

31) Chấp nhận rủi ro

Đặc điểm này là sự hiểu lầm chung của những người không sáng tạo hoặc những người lo ngại trước tính sáng tạo của những người sáng tạo. Những người có tính sáng tạo cao không thật sự là những người chấp nhận mạo hiểm bởi họ không cho rằng những gì mình đang làm là nguy hiểm. Họ chỉ cho rằng đó là một phương án khả thi hoặc là phương hướng dẫn đến giải pháp. Họ cũng có những phương án khả thi khác trong đầu hoặc trong ghi nhớ của mình để có thể sử dụng nếu những ý tưởng hoặc các giải pháp kia không hoạt động. Như Thomas Edison đã từng nói khi được hỏi ông có cảm giác như thế nào khi thất bại gần 7000 lần trong việc tìm ra dây tóc

tốt nhất cho bóng đèn có thể cháy sáng tốt hơn: “Điều này không phải là thất bại mà là giải pháp cho những khó khăn. Tôi vẫn chưa bắt đầu làm việc.”

32) Kiên trì

Charles Goodyear (người khám phá và là nhà phát minh ra cao su lưu hoá) và Chester Carlson (nhà phát minh ra việc sao chép bằng tĩnh điện học gọi là quá trình Xerox) là hai ví dụ điển hình của đặc điểm này trong số những người sáng tạo. Cả hai người đã làm việc hơn 30 năm để tìm ra giải pháp cho công việc của mình. Những người sáng tạo không bao giờ từ bỏ những gì có ý nghĩa với mình.

Chúc bạn đạt được những thành công liên tiếp và biết cách sử dụng tiềm năng sáng tạo tự nhiên của mình.

(Nguồn: KY NANG QUAN LY – 32 đặc điểm của người sáng tạo,

www.365ngay.com.vn)

5. SÁNG TẠO VÀ TRÍ THÔNG MINH

Chúng ta đã tìm hiểu về bản chất của sáng tạo, tư duy sáng tạo và những cách thức chung nhất giúp cá nhân suy nghĩ sáng tạo hơn. Ngoài ra, chúng ta cũng thường nghe đến một khái niệm rất quen thuộc và dễ bị đồng nhất với sáng tạo, đó chính là “trí thông minh”. Vậy sáng tạo và trí thông minh có quan hệ với nhau như thế nào? Trước khi tìm lời giải cho câu hỏi này, hãy tìm hiểu về những vấn đề cơ bản của trí thông minh.

5.1. Những vấn đề cơ bản của trí thông minh

5.1.1. Các quan niệm về trí thông minh và đo lường trí thông minh

Có một câu chuyện thường được nhắc đến khi đề cập đến trí thông minh, đó là câu chuyện về nhà khoa học Edison.

Edison cần tính dung tích một bóng đèn hình quả lê, ông giao nhiệm vụ đó cho trợ lý Chaptin (tốt nghiệp đại học y khoa Toán). Hơn một tiếng đồng hồ, Chaptin loay hoay mãi với các công thức dày đặc mà vẫn chưa tính ra. Edison đi qua, nói: “Có gì phức tạp lắm đâu!”. Ông mang chiếc bóng đèn ra vò, hứng đầy nước và nói với Chaptin: “Anh đổ nước vào ống đó, xem dung tích là bao nhiêu. Đó là dung tích của bóng đèn”.

Từ câu chuyện trên ta thấy người thông minh là người có khả năng vượt trội về mặt trí tuệ so với nhiều người khác. Tuy nhiên, để tìm ra một định nghĩa bao quát về trí

thông minh không phải là việc dễ dàng. Chính vì vậy, đã có rất nhiều định nghĩa khác nhau về trí thông minh, từ cách hiểu đời thường đến các quan niệm của các nhà khoa học chuyên nghiên cứu về trí tuệ con người.

Hầu hết mọi người đều có được ý niệm trực giác về trí thông minh. Bằng quan sát trong đời sống ta thấy, trí thông minh thể hiện ở “sự nhanh nhẹn, linh hoạt” trong nhận thức, ở khả năng “sớm hiểu sớm biết” so với người cùng lứa tuổi, là “khả năng vượt trội” về trí tuệ. Cũng có người nói đến sức bật nhận thức, sức chú ý, độ tập trung, khả năng quan sát... Có nhiều từ dùng để chỉ những khác biệt về mức độ thông minh: sáng dạ, lanh lợi, thông minh, tài tình, khôn ngoan, láu lỉnh, chậm hiểu, tối dạ, ngu đần, đần độn...

Dưới góc độ khoa học, theo quan niệm truyền thống, trí thông minh là khả năng ngôn ngữ và suy luận. Tuy nhiên, còn có nhiều quan niệm khác về trí thông minh:

V. Stern coi trí thông minh là năng lực thích ứng tâm lý chung của con người với những điều kiện và nhiệm vụ mới trong đời sống.

D. Wechsler giải thích trí thông minh là năng lực chung của nhân cách, thể hiện trong mục đích hoạt động, trong sự phán đoán, thông hiểu một cách đúng đắn và trong việc con người làm cho môi trường phù hợp với khả năng của mình. Đó là “khả năng tổng hợp của con người trong hành động có mục đích, suy xét hợp lý và xử lý có hiệu quả hợp với hoàn cảnh”.

X.L. Rubinstein đã xem xét trí thông minh trên bình diện của những mối quan hệ qua lại có hiệu lực cụ thể của cá thể với hiện thực xung quanh.

Nhà tâm lý học người Pháp, A.Binet cho rằng trong cấu trúc trí tuệ có những năng lực như: chú ý, tưởng tượng, phán đoán và suy lý.

Nhà bác học người Anh, C. Spearman qua nghiên cứu nhiều trắc nghiệm dựa trên phương pháp toán học, đã kết luận rằng có một nhân tố chung ảnh hưởng đến tất cả các trắc nghiệm được nghiên cứu. Bên cạnh đó ông còn chỉ ra những nhân tố riêng, chỉ tồn tại đối với mỗi trắc nghiệm. Quan niệm của Spearman đã được đưa vào trong tâm lý học, như là thuyết hai nhân tố của trí thông minh, đó là nhân tố G (general) và S (special).

J.P.Guilford cho trí tuệ gồm 120 năng lực, chia làm 3 mặt: tiến trình, chất liệu, kết quả.

Năm 1921, một tạp chí nghiên cứu hỏi 14 nhà tâm lý học và giáo dục học nổi tiếng về định nghĩa trí thông minh. Kết quả nhận được 14 định nghĩa, trong số đó các chuyên gia nhấn mạnh đến “khả năng học tập từ kinh nghiệm” và “khả năng đáp ứng với môi trường”. Năm 1986, những nhà nghiên cứu lập lại câu hỏi định nghĩa trí thông minh với 25 chuyên gia. Kết quả thu được là nhiều định nghĩa khác nhau, liên quan đến: (1) khả năng đáp ứng tổng quát với một vấn đề mới trong cuộc sống; (2) năng lực để tham gia vào việc tư duy trừu tượng, sự điều chỉnh đối với môi trường; (3) khả năng về tri thức và sở hữu tri thức; (4) khả năng tổng quát về tính độc lập, tính sáng tạo và hiệu quả trong khi suy nghĩ; (5) khả năng để thu nhận được khả năng; (6) sự nắm bắt các mối quan hệ có liên quan; (7) khả năng để đoán xét, để hiểu được ý nghĩa và để lập luận; (8) suy diễn các mối quan hệ; (9) năng lực nhận thức chung, bẩm sinh.

Gần đây, qua kết quả nghiên cứu, các nhà tâm lý học Trung Quốc cho rằng trí thông minh bao gồm khả năng quan sát, khả năng của trí nhớ, sức suy nghĩ, óc tưởng tượng, kỹ năng thực hành và sáng tạo.

Qua phân tích hệ thống các trắc nghiệm trí tuệ đang được sử dụng, có thể thấy những thành phần thường được nhắc đến như: kiến thức tổng quát, suy luận ngôn ngữ, suy luận trừu tượng, tính toán số học, hình học, tri giác không gian, trí nhớ ngắn hạn, từ vựng, logic, tốc độ tính toán v.v...

Còn nhiều nhà khoa học khác nữa, với những quan điểm và giải thích khác nhau về vấn đề trí thông minh, nhưng cuối cùng đều có chung một nhận định: Trí thông minh không phải là một năng lực đơn độc, nó là sức mạnh tổng hợp của nhiều loại năng lực. Trí thông minh chính là sự phối hợp tốt các năng lực đó để làm thành một kết cấu hữu hiệu. Các nhóm năng lực này cần được phát huy một cách đồng bộ, cân đối, đầy đủ theo hướng nâng cao dần. Nếu một thành phần không được phát triển sẽ ảnh hưởng đến sự vận hành của hệ thống.

Định nghĩa được nhiều nhà nghiên cứu đề nghị là coi trí thông minh như một nhóm khả năng được biểu hiện và đánh giá qua điểm số mà những trắc nghiệm trí tuệ đo được. Định nghĩa là thuận lợi cho việc nghiên cứu có liên quan đến một thuật ngữ rất trừu tượng là “trí thông minh”, mở ra hướng đo đạc, lượng hóa các khả năng trí tuệ, nhưng từ đó cũng nổi lên một số vấn đề. Bởi vì hiện nay có nhiều trắc nghiệm khác nhau, các trắc

nghiệm không đo lường cùng một cái gì như nhau. Bên cạnh các trắc nghiệm phi ngôn ngữ có thể dùng chung cho nhiều quốc gia, nhiều dân tộc khác nhau, những trắc nghiệm có sử dụng ngôn ngữ đều chịu ảnh hưởng khá mạnh vào một nền văn hóa. Mặt khác, khi xây dựng trắc nghiệm thường người ta phải hướng đến mục đích của việc đo lường, nghĩa là phải phân tích lý luận về cái cấu thành nên trí thông minh.

Có quan điểm cho rằng, “thực ra không đo được bản thân trí thông minh mà chỉ đo hành vi thông minh hay thành tích thông minh. Bởi vì trí thông minh là một “vật” rất phức tạp và trừu tượng không có thuộc tính nào xác định” [20, trang 126].

5.1.2. Chỉ số thông minh (IQ)

Trí thông minh được đo bằng hệ số IQ. IQ là ký hiệu lấy hai chữ cái đầu của từ tiếng Anh là “Intelligence Quotient”, thường dịch là thương số trí tuệ hay còn gọi là chỉ số thông minh. IQ theo quan niệm phổ thông, thường được mặc định song hành với khả năng tư duy. IQ đo lường khả năng trí lực, năng lực học hỏi, khả năng hiểu và xử lý tình huống, năng lực suy nghĩ logic, phản biện, sự nhạy bén trong suy nghĩ... Thuật ngữ này được W. Terman đưa ra lần đầu tiên vào năm 1912. Từ lúc bắt đầu hình thành, khái niệm IQ đã “thống trị” khá lâu trong quan niệm về thước đo phẩm chất dẫn đến thành công của con người.

Việt Nam cũng có nhiều câu chuyện về người thông minh và có lẽ khái niệm IQ không hề xa lạ với nhiều người Việt Nam, đặc biệt là những người làm công tác y tế và giáo dục... Mấy năm gần đây, một số chương trình quảng cáo trên truyền hình về thực phẩm cũng thường nhắc đến chỉ số IQ, đến quan hệ giữa thông minh và trí não. Điểm cần nhấn mạnh trước tiên là chỉ số IQ không phải bất biến. Ngoài yếu tố dinh dưỡng hợp lý, tùy thuộc hoàn cảnh giáo dục, môi trường giao tiếp và môi trường văn hóa cộng với sự năng động của cá nhân, chỉ số IQ có thể thay đổi sau một thời gian.

Trong câu chuyện về Edison, chính phản ứng nhanh nhạy của Edison mới bộc lộ trí thông minh của ông. Vì vậy, quan niệm cần nắm rõ khi đo IQ chính là đo sức hiểu biết chứ không phải là đo vốn hiểu biết rộng hay hẹp. IQ có liên quan đến quá trình học tập, kết quả học tập, nhưng đo IQ phải hướng đến đo khả năng nhận thức (khả năng theo học, khả năng làm việc bằng trí não, khả năng trí nhớ). Điều này khác xa với các bài do thành

quả học tập. Như vậy, một đứa trẻ nhỏ cũng có thể đạt IQ ngang với một học sinh lớn, học bậc trung học phổ thông. Tin tức sau đây cho thấy điều vừa nói:

Báo Thanh niên ngày 16/2/2005 đưa tin cậu bé Mikhail Ali mới 3 tuổi (đến từ Bramley, Leeds) đã vượt qua kỳ thi thẩm định chỉ số IQ tổ chức tại ĐH York, Anh quốc. Em đã thực hiện xong hàng loạt bài thi bao gồm toán, tranh ảnh, các câu hỏi khó về logic và dãy số do hiệp hội Mensa đưa ra, đạt 137 điểm và trở thành thành viên nhỏ tuổi nhất đỗ kỳ thi của tổ chức này. Em bé được xác định là có tài năng bẩm sinh, làm nhiều người ngạc nhiên, nhưng cũng vẫn còn là một cậu con trai bé bỏng, ăn nhiều và chơi với những đồ chơi hằng ngày.

Đến thời điểm hiện nay có thể tìm thấy nhiều cách tính IQ, nhưng cách tính phổ biến là theo công thức:

$$IQ = MA : CA * 100$$

Trong đó:

MA là tuổi trí tuệ = là điểm số thu được của bài trắc nghiệm

CA là tuổi thực của người được trắc nghiệm = độ tuổi tính bằng năm

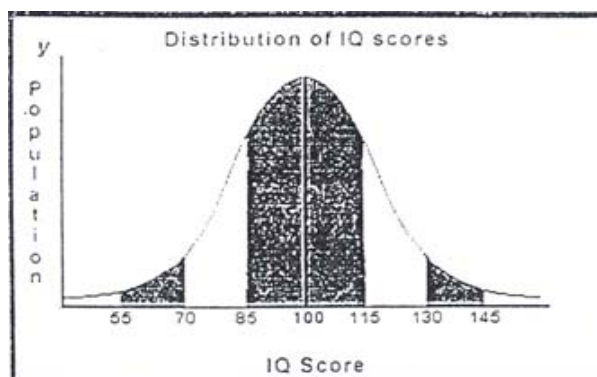
Dưới đây là bảng giải thích ý nghĩa từng nhóm điểm IQ và biểu diễn bằng đồ thị (các vùng dưới đường cong bình thường tính trên dân số rất lớn):

Bảng giải thích ý nghĩa từng nhóm điểm IQ

Khoảng điểm IQ	Mô tả ý nghĩa	Tỷ lệ % trong dân số
40 – 55	Rất kém	0,13%
55 – 70	Chậm phát triển tâm thần	2,14%
70 – 85	Kém thông minh	13,59%
85 – 115	Trí tuệ bình thường	68,26%
115 – 130	Thông minh	13,59%
130 – 145	Trí thông minh cao (có tài)	2,14%
145 – 160	Thiên tài	0,13%

Tuyến bình thường là đồ thị chỉ ra gần đúng có bao nhiêu phần trăm người trong dân số rơi vào mỗi hàng số IQ. Về mặt lý thuyết, nếu tất cả mọi người trên thế giới cùng làm một bài test, hầu hết sẽ có điểm nằm trong dãy “Trung bình”. Một phần nhỏ hơn trong dân số có điểm số nằm dưới hoặc phía trên trung bình. Các điểm số rất cao và rất bé

là hiếm. Để phỏng định các tỷ lệ % này, xin dùng bảng Z đính kèm trong các sách thống kê.



5.1.3. Minh họa một số câu trắc nghiệm đo IQ

Để giúp các bạn có thể nắm được các ý tưởng và cách thức soạn các câu trắc nghiệm đo trí tuệ, hãy xem xét câu trắc nghiệm loại Đúng – Sai sau đây:

“Hai con gà và 4 con chó có tất cả 22 chân” ☐ Đúng ☐ Sai

Câu hỏi không khó nhưng về khía cạnh trí tuệ, để xác định câu này là đúng hay sai, người trả lời cần sử dụng nhiều kỹ năng khác nhau:

1. Có kiến thức tổng quát về cơ thể các con gà và chó.
2. Hiểu các quy tắc số học để nhân 2 với 2, 4 với 4 và cộng 16 với 4.
3. Hiểu về phương tiện đại số rằng một đơn vị “gà” bằng hai đơn vị “chân”, một đơn vị “chó” bằng bốn đơn vị “chân”.
4. Phải đối chiếu tổng các chân con vật với con số hai mươi hai, theo cách hợp logic.
5. Phải lưu giữ các tổng từng phần trong trí nhớ ngắn hạn để thuận tiện cho việc so sánh các tổng.
6. Sử dụng nhận thức bằng thị giác để có hình ảnh các con vật trong óc nhằm lượng giá dễ dàng hơn các thao tác tính toán số học.
7. Vốn từ vựng phải sử dụng để hiểu ý nghĩa các từ trong bài toán.
8. Nếu một số từ viết (hoặc đọc) sai chính tả, bài toán sẽ đổi khác so với bài toán đã cho, hoặc lỗi khi in ấn cũng làm sai lệch dữ kiện bài toán.

9. Cần sử dụng tất cả kỹ năng trên trong một khoảng thời gian rất ngắn và tốc độ tính toán cần phải đủ nhanh để cho ra một lời giải được xác định trong khoảng thời gian được phép.
10. Khả năng trực giác cần được sử dụng để cảm nhận chung về câu phát biểu. Trực giác này dùng để duyệt qua, xem xét sự chơi chữ, ý nghĩa kép trong ngữ cảnh, hay các khía cạnh bị làm sai lạc.

Bạn hãy thử hoàn thành 3 câu hỏi ngay dưới đây. Làm trong 60 giây

1. 2 con vịt và 2 con chó có tổng số chân là 14

☐ Đúng ☐ Sai

2. Một cái bánh có thể cắt thành hơn 7 miếng chỉ với 4 nhát cắt theo đường thẳng xuyên qua tâm cái bánh.

☐ Đúng ☐ Sai

3. Hai trong các số sau đây có tổng đến 13.

1, 6, 3, 5, 11

☐ Đúng ☐ Sai

Đáp án: Câu 1: Sai; Câu 2: Đúng; Câu 3: Sai

Dựa trên ý nghĩa vừa trình bày, mỗi câu trắc nghiệm IQ được soạn theo nhiều hình thức khác nhau phục vụ cho một ý đồ riêng, nhằm đo lường một cái gì đó của trí tuệ. Như đã trình bày trong phần lý luận trên, quan niệm trí thông minh là sự phối hợp của nhiều thành tố giúp cho việc xây dựng bài trắc nghiệm thành dễ dàng hơn. Các câu hỏi sẽ hướng vào đo lường các kỹ năng trong từng thành tố. Ví dụ:

Ngôn ngữ

Toán học

Trí giác không gian

Suy luận logic

Nhận biết các mẫu

Phân loại

v.v...

Dưới đây là vài câu ví dụ:

Đo khả năng ngôn ngữ.

1. Tìm từ trái nghĩa:

- Hán Việt: Ví dụ: “Thượng” → “Hạ”, “Nhập” → “Xuất”

- Thuần Việt: Ví dụ: cho từ “Cứng”, trả lời “Mềm”, “Ngày” → “Đêm”, “Dài” → “Ngắn”

2. Phân tách từ kép Hán - Việt:

Ví dụ: Tiếp thị → tiếp cận thị trường; Quốc sách → chính sách quốc gia.

3. Đổi trật tự từ, lập câu mới:

Với 5 từ trong câu KHÔNG BẢO, SAO NÓ ĐẾN?, lập các câu mới:

- Sao không bảo nó đến?

- Bảo nó đến, không sao?

- Nó bảo, sao không đến?

- Nó đến, sao không bảo?

4. Ghép thêm từ đơn, tạo từ đôi có nghĩa:

Cho từ “Học”. Ghép được: Học hành, học thuật, học giả, học sinh.

Đo khả năng nhận ra các khuôn mẫu và trí thông minh toán học.

Câu ví dụ 1. Con số nào sẽ đứng kế tiếp trong dãy số sau?

1, 4, 9, 16, 25

Nhận xét: Dãy số tăng theo cách + 3, + 5, + 7, + 9, + 11, nên đáp số = 36.

Câu ví dụ 2. Con số nào sẽ đứng kế tiếp trong dãy số sau?

3, 5, 8, 13, 21.

Nhận xét: Vì trật tự các số trong dãy tuân theo quy tắc: số kế tiếp là tổng hai số đứng liền trước nó. Như $3 + 5 = 8$, $5 + 8 = 13$, $8 + 13 = 21$. Suy ra đáp số là 34 (vì $13 + 21 = 34$).

Đo khả năng xếp loại và trí thông minh toán học.

Câu ví dụ: Con số nào không thuộc cùng nhóm?

Đáp án = 17 (vì là số lẻ duy nhất).

4	32	144
17	28	122
18	64	188
322	14	202

Kiểm tra trí thông minh toán học, logic và ngôn từ.

Câu ví dụ: Chữ cái trong ô cuối là gì ?

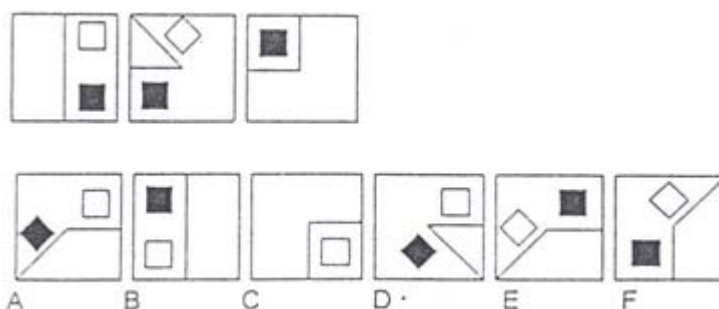
E	C	O
B	A	B
G	B	N
D	B	?

Đáp án = H

Lời giải: Chuyển đổi mỗi chữ cái thành con số ở vị trí tương đương với nó trong bảng chữ cái (tiếng Anh), ví dụ chữ C thành số 3. Sau đó, tại mỗi hàng, nhân hai số trong hai cột đầu để tính ra chữ cái tương ứng tại cột thứ ba.

Kiểm tra khả năng nhận ra mẫu hình (pattern) và khả năng về thị giác.

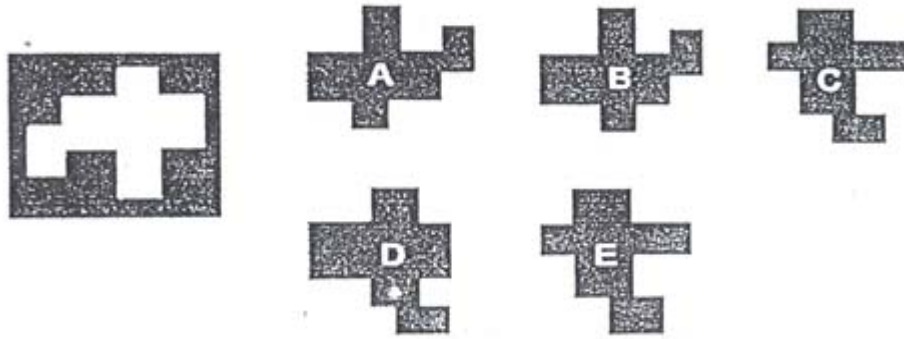
Câu ví dụ: Chọn một hình kế tiếp hợp lý từ trong 6 hình cho bên dưới.



Giải thích quy luật: Cả khối hình di chuyển theo chiều kim đồng hồ và hình vuông chuyển động ngược chiều kim đồng hồ trong khi tự xoay 45 độ quanh nó. Một nửa của đường thẳng di chuyển 90 độ theo chiều kim đồng hồ, trong khi nửa còn lại di chuyển 45 độ ngược chiều kim đồng hồ. Đáp án là hình E.

Đo năng lực tri giác không gian

Câu ví dụ: Hãy chọn miếng ghép bên phải lắp đúng vào hình bên trái:

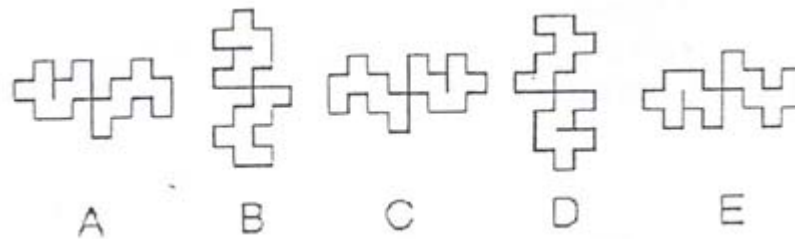


Đáp án C

Kiểm tra khả năng phân loại và tri giác không gian.

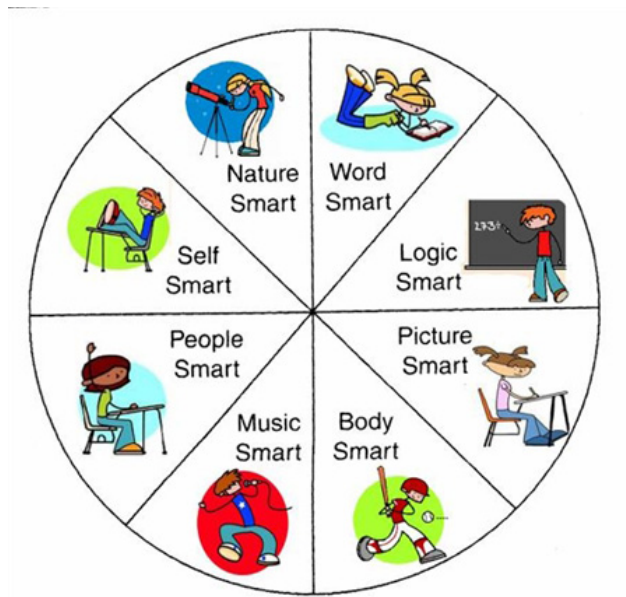
Câu ví dụ: Hình nào khác với những hình còn lại?

Đáp án = A



5.1.4. Quan niệm trí thông minh đa dạng (đa nhân tố)

Theo thuyết trí thông minh đa dạng (multiple intelligences) của nhà tâm lý học Howard Gardner cho rằng, cách tốt nhất để bộ não của trẻ được phát triển mạnh mẽ và toàn diện hơn chính là được trải nghiệm, được tiếp cận với nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống. Theo thuyết này, có đến 8 loại hình thông minh, đó là: thông minh về ngôn ngữ, thông minh logic-toán học, thông minh về không gian, thông minh về âm nhạc, thông minh về khả năng vận động thân thể, thông minh về năng lực tương tác, thông minh nội tâm và thông minh thiên nhiên.



Mô hình trí thông minh đa dạng

(Nguồn: Internet)

- **Thông minh ngôn ngữ** bao gồm sự khả năng nói và viết, khả năng học ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ để đạt được mục tiêu. Trí thông minh này bao gồm cả khả năng sử dụng ngôn ngữ hiệu quả để thể hiện bản thân bằng hùng biện hoặc qua thi ca; hoặc có thể dùng ngôn ngữ để nhớ thông tin. Các nhà văn, nhà thơ, luật sư và diễn giả là những người mà theo Howard Gardner có trí thông minh ngôn ngữ tốt.

- **Thông minh logic-toán học:** bao gồm khả năng phân tích các vấn đề một cách logic, thực hiện các hoạt động liên quan đến toán học tốt, xem xét các vấn đề rất khoa học. Theo Howard Gardner thì những người có trí thông minh này có khả năng phát hiện, suy diễn ra các trình tự, lý do và tư duy logic tốt, cách tư duy theo dạng nguyên nhân – kết quả. Trí thông minh này có mối liên quan chặt chẽ với những ý tưởng khoa học và toán học, khả năng sáng tạo các giả thuyết, tìm ra các mô hình số học hoặc quy tắc dựa trên các khái niệm, đồng thời ưa thích các quan điểm dựa trên lý trí trong cuộc sống nói chung.

- **Thông minh về âm nhạc:** bao gồm các kỹ năng biểu diễn, sáng tác, và cảm nhận âm nhạc. Thông minh âm nhạc thúc đẩy khả năng nhận biết và sáng tác âm điệu, cao độ và nhịp điệu. Theo Howard Gardner thông minh âm nhạc song song với thông minh về ngôn ngữ. Ngoài ra, trí thông minh về âm nhạc còn có trong tiềm thức của bất cứ cá nhân

nào, miễn là người đó có khả năng nghe tốt, có thể hát theo giai điệu, biết dành thời gian cho âm nhạc và nghe được nhiều tiết mục âm nhạc khác nhau với sự chính xác và sáng suốt của các giác quan.

- **Thông minh về thể chất:** khả năng sử dụng cơ thể hoặc một phần cơ thể con người để giải quyết vấn đề, bao gồm cả khả năng của trí não điều khiển các hoạt động đó. Howard Gardner thấy rằng có sự liên hệ giữa hoạt động của trí óc và hoạt động thể chất. Các vận động viên thể thao, những người làm nghề thủ công, những thợ cơ khí và các bác sĩ phẫu thuật là những người sở hữu khả năng này của tư duy. Những người thuộc loại tài năng này rất khéo léo và thành công trong nghề thuyền may, nghề thợ mộc hay nghề tạo mẫu. Hoặc họ có thể ham thích và theo đuổi những hoạt động của cơ thể như đi bộ đường dài, khiêu vũ, chạy bộ, cắm trại, bơi lội hoặc đua thuyền. Họ là những người thực hành, nhạy cảm, thường xuyên muốn vận động cơ thể của họ và có “phản ứng bản năng” với các tình huống, sự vật.

- **Thông minh về không gian:** liên quan đến suy nghĩ bằng hình ảnh, hình tượng và khả năng cảm nhận, chuyển đổi và tái tạo những góc độ khác nhau của thế giới không gian trực quan. Những người sở hữu loại trí thông minh về không gian ở mức độ cao thường có một độ nhạy cảm sắc bén với những chi tiết cụ thể trực quan và có thể hình dung được một cách sống động, vẽ ra hay phác họa những ý tưởng của họ dưới dạng hình ảnh, đồ họa, cũng như họ có khả năng tự định hướng bản thân trong không gian 3 chiều một cách dễ dàng.

- **Thông minh về giao tiếp xã hội:** Đây là năng lực hiểu và làm việc được với những người khác. Đặc biệt, điều này yêu cầu có khả năng cảm nhận và dễ chia sẻ với tâm trạng, tính cách, ý định và mong muốn của những người khác. Một cá nhân có trí thông minh về giao tiếp có thể rất giàu lòng trắc ẩn và đầy tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, hoặc là người có sức lôi cuốn đối với mọi người và tập thể, họ còn có khả năng thấu hiểu những người khác và từ đó nhìn ra viễn cảnh của thế giới bên ngoài bằng chính cặp mắt của những con người đó. Trong thực tế, họ rất tuyệt vời với vai trò của người môi giới, người hoà giải hoặc là thầy giáo, tư vấn tâm lý.

- **Thông minh nội tâm:** Một người mạnh mẽ về loại trí tuệ này có thể dễ dàng tiếp cận và nhìn rõ được những cảm xúc của chính bản thân mình, phân biệt được giữa

hiều loại trạng thái tình cảm bên trong và sử dụng chính những hiểu biết về bản thân mình để làm phong phú thêm và vạch ra con đường cho cuộc đời mình. Họ có thể là người rất hay tự xem xét nội tâm và ham thích được trầm tư suy nghĩ, được ở trong trạng thái tĩnh lặng hay trong các trạng thái tìm hiểu tinh thần một cách sâu sắc khác. Mặt khác họ có thể là người có tính độc lập mạnh mẽ, tính thẳng thắn cao độ và cực kỳ tự giác, có kỷ luật. Trong bất cứ trường hợp nào, họ thuộc dạng tự lập và thích làm việc một mình hơn là làm việc với người khác.

- **Thông minh về tự nhiên:** giúp cho con người nhận thức, phân loại và rút ra được những đặc điểm của môi trường. Những người có trí thông minh về tự nhiên luôn hòa hợp với thiên nhiên và thích thú với sự nuôi trồng, khám phá thiên nhiên, tìm hiểu về các sinh vật. Những người này thích cắm trại, làm vườn, leo núi, khám phá thế giới và không hứng thú với những đề tài không gắn với môi trường.

Gardner đã phân tích 8 cá nhân có đóng góp lớn trong thế kỷ 20, mỗi người nằm trong một nhóm trí thông minh nêu trên: Sigmund Freud (tự nhận thức), Albert Einstein (logic-toán học), Pablo Picasso (không gian), Igor Stravinsky (âm nhạc), Thomas Eliot (ngôn ngữ), Martha Graham (nhịp điệu cơ thể), Mohamas Gandhi (giao tiếp xã hội), Charles Darwin (tự nhiên). Gardner nhấn mạnh rằng mỗi người được nhắc đến ở trên có ít nhất hơn một loại trí thông minh nhưng cũng có những điểm yếu.

DANH SÁCH KIỂM TRA CÁC LOẠI TRÍ THÔNG MINH

Đối với từng loại trí thông minh, bạn hãy kiểm tra xem những quan điểm dưới đây có đúng khi áp dụng đối với bạn hay không?

1

- 1. Những quyển sách rất quan trọng trong cuộc sống của tôi.*
- 2. Tôi có thể nghe thấy những từ vang lên trong đầu mình khi đọc hay khi viết chúng ra.*
- 3. Tôi nghe đài và băng đĩa nhiều hơn là xem ti vi hay xem phim trong cuộc sống hàng ngày của mình.*
- 4. Tôi có năng khiếu khi chơi các trò chơi liên quan đến ô chữ, xếp chữ hay đi tìm mật khẩu.*

5. Tôi thích giải trí hay chơi những trò chơi nào mà có những âm điệu cho dù vô nghĩa hay có sự chơi chữ.
6. Đôi khi những người khác phải dừng lại và đề nghị tôi phải giải thích ý nghĩa của những từ mà tôi sử dụng khi viết hoặc nói.
7. Tiếng Việt và các môn khoa học xã hội, lịch sử đối với tôi dễ hiểu hơn nhiều so với các môn toán học và khoa học tự nhiên trong thời gian tôi còn đi học phổ thông.
8. Khi đi xe thông thả trên đường, tôi thường chú ý quan sát những từ ngữ viết trên biển quảng cáo nhiều hơn chú ý quan sát khung cảnh xung quanh.
9. Các cuộc nói chuyện và chia sẻ của tôi thường liên quan đến những thông tin tham khảo mà tôi vừa đọc hoặc nghe thấy.
10. Gần đây tôi đã viết về một số điều đã làm tôi đặc biệt tự hào hoặc những điều giúp tôi phân biệt mình với những người khác.

2

1. Tôi có thể dễ dàng tính toán các con số trong đầu.
2. Toán học và những môn khoa học là những môn học mà tôi yêu thích khi còn học trong nhà trường phổ thông.
3. Tôi thích thú với những trò chơi hay giải những câu hỏi hóc búa mang tính trí óc mà đòi hỏi phải có suy nghĩ logic
4. Tôi thích nghĩ ra và làm các thí nghiệm mà có một chút tính chất là “cái gì xảy ra nếu như...”?
5. Suy nghĩ của tôi là tìm tòi bản chất, các khuôn mẫu hay nguyên tắc và những trật tự có tính logic trong các sự việc, sự vật.
6. Tôi ham thích và hứng thú với những phát minh và tiến bộ của khoa học kỹ thuật trên thế giới.
7. Tôi tin chắc rằng mọi thứ trên đời đều có nguyên do và có cách lý giải hợp lý và chặt chẽ cho nó.
8. Đôi khi tôi tư duy bằng những khái niệm trừu tượng, tách biệt rõ ràng, không có từ ngữ và hình ảnh.
9. Tôi thích tìm kiếm những thiếu sót mang tính logic trong những thứ mà mọi

người nói và làm ở nhà cũng như trong công việc.

10. Tôi cảm thấy thoải mái, dễ chịu hơn khi có một điều gì đó được đo đạc, xếp loại, phân tích và định lượng theo một phương pháp nhất định.

3

- 1. Tôi thường thấy được rõ ràng những hình ảnh hiện lên khi tôi nhắm mắt lại*
- 2. Tôi rất nhạy cảm với màu sắc.*
- 3. Tôi thường sử dụng máy quay phim hoặc máy ảnh để ghi lại những gì tôi nhìn thấy ở xung quanh mình.*
- 4. Tôi thích thú với việc giải câu đố xếp hình, mê cung hay những câu đố khác mà có sự dụng hình ảnh.*
- 5. Tôi có những giấc mơ đầy hình ảnh sống động vào ban đêm.*
- 6. Nói chung tôi có thể tìm thấy đường của mình cả ở những nơi mà tôi không hề quen biết.*
- 7. Tôi thích viết hoặc vẽ nguệch ngoạc một cách lơ đãng.*
- 8. Khi còn đi học, đối với tôi hình học dễ hơn nhiều so với môn đại số.*
- 9. Tôi có thể tưởng tượng một cách thoải mái về hình ảnh của một sự vật hoặc một cảnh bất kỳ nào đó sẽ được hiện ra như thế nào, khi được nhìn từ trên cao xuống bằng đôi mắt của con chim đang bay.*
- 10. Tôi thích nhìn ngắm một tài liệu, một cuốn sách có nhiều hình ảnh minh họa hơn là đọc chúng.*

4

- 1. Tôi tham gia ít nhất một môn thể thao hoặc một hoạt động thân thể một cách đều đặn và thường xuyên.*
- 2. Tôi cảm thấy thật khó khăn khi ngồi lý một chỗ trong khoảng một thời gian dài mà không có sự vận động.*
- 3. Tôi thích làm việc bằng chân tay với những công việc hay hoạt động có tính cụ thể như nghề may, thêu thùa, đan nát hay nghề mộc, điêu khắc.*
- 4. Những ý tưởng tốt nhất thường đến với tôi khi tôi đang đi dạo hoặc chơi đùa bên ngoài hoặc khi tôi đang tham gia vào một hoạt động vận động thân thể nào đó.*

5. Tôi thường thích dành thời gian rảnh rỗi của mình để đi ra ngoài.
6. Tôi thường thích sử dụng các cử chỉ phức tạp của tay hoặc các dạng khác của ngôn ngữ cơ thể khi đối thoại hay nói chuyện với một người nào đó.
7. Khi làm việc hay học tập tôi thường thích chạm vào những đồ vật để hiểu rõ hơn về chúng.
8. Tôi ham thích được chơi những trò chơi tiêu khiển liêu lĩnh, táo bạo mà đòi hỏi sự dũng cảm hoặc tham gia những hoạt động thân thể tương tự, có thể đem lại cảm giác hồi hộp sợ hãi cho người chơi.
9. Tôi có thể tự vận động tốt cũng như phối hợp với người khác.
10. Tôi cần được thực tập một kỹ năng mới nhiều hơn là chỉ đọc về nó một cách đơn thuần hay xem một băng video mô tả về nó.

5

1. Tôi có một giọng hát dịu dàng và truyền cảm
2. Tôi có thể biết và phân biệt được khi có một nốt nhạc bị sai.
3. Tôi thường nghe nhạc ở đài phát thanh, ở đĩa hát, ở băng từ hay một cuộc biểu diễn âm nhạc.
4. Tôi có thể chơi được một loại nhạc cụ nào đó.
5. Cuộc sống của tôi sẽ thật nghèo nàn, đơn điệu nếu trong đó không có âm nhạc hỗ trợ.
6. Đôi khi tôi nhận thấy mình đang đi bộ trên đường với những đoạn quảng cáo trên ti vi được lặp đi lặp lại trong đầu hoặc những giai điệu nào đó lướt qua trong suy nghĩ.
7. Tôi có thể dễ dàng dành thời gian để nghe một đoạn nhạc được chơi với chỉ một dụng cụ nhạc đơn giản.
8. Nếu tôi nghe một bản nhạc được tuyển chọn nào đó, sau một hoặc hai lần được nghe, tôi thường có thể hát lại chúng một cách tương đối chính xác.
9. Tôi thường tạo ra âm thanh gõ nhẹ nhẹ hoặc hát những giai điệu nho nhỏ trong khi làm việc, học tập hoặc một hoạt động nào đó.
10. Tôi thường làm việc hiệu quả hơn khi có âm nhạc kích thích.

6

1. Tôi thuộc dạng người mà những người khác tìm đến để nghe lời khuyên và tư vấn của tôi về công việc, tình cảm hoặc các vấn đề trong cuộc sống.
2. Tôi thích những môn thể thao có tính đồng đội như bóng đá, bóng chuyền hơn là những môn thể thao mang tính cá nhân đối kháng như quyền anh, cờ vua, điền kinh.
3. Khi gặp rắc rối khó khăn, tôi thích đi tìm một người khác giúp đỡ hơn là việc tôi cố gắng làm việc để giải quyết những vấn đề vướng mắc, khó khăn của bản thân.
4. Tôi có ít nhất 3 người bạn thân.
5. Tôi yêu thích những trò giải trí có nhiều người tham gia.
6. Tôi thấy thích thú khi có cơ hội chia sẻ với những người khác hoặc hướng dẫn một nhóm người làm những điều mà tôi đã biết rõ phương pháp thực hiện như thế nào.
7. Tôi tự coi mình là người lãnh đạo hoặc chỉ ít mọi người cũng gọi tôi là vậy.
8. Tôi cảm thấy thoải mái khi ở giữa một đám đông.
9. Tôi thích tham gia vào những hoạt động xã hội có liên quan đến công việc của tôi hoặc liên quan đến cộng đồng.
10. Tôi thích dành những buổi tối để tham gia các cuộc họp đông người sống động hơn là ở nhà một mình.

7

1. Tôi thường để thời gian một mình nghiền ngẫm về những vấn đề quan trọng trong cuộc sống.
2. Tôi thích đến dự các buổi tư vấn hoặc các buổi hội thảo về phát triển cá nhân, khám phá bản thân con người để hiểu hơn về con người mình.
3. Tôi có những chính kiến và cách nghĩ khác hẳn so với những người xung quanh mình làm cho tôi tách biệt với đám đông.
4. Tôi có những sự hứng thú và những sở thích đặc biệt trong việc giữ kín nhiều điều tốt đẹp cho bản thân.
5. Tôi có một cách nhìn thực tế về những mặt mạnh và hạn chế của bản thân

(Những điều này được khẳng định từ thông tin hỏi đáp từ những người xung quanh).

6. *Tôi thích ở một mình suốt thời gian cuối tuần hoặc kỳ nghỉ trong một căn phòng riêng biệt hoặc một góc khuất, một căn nhà nhỏ giữa rừng ít người làm phiền hơn là trong một khu nghỉ sang trọng đông người.*

7. *Tôi tự coi mình là người có ý chí mạnh mẽ hoặc là một người có khuynh hướng độc lập.*

8. *Tôi giữ một quyển sổ nhật ký cá nhân hoặc một cuốn sổ ghi lại những sự kiện trong đời sống nội tâm của tôi.*

9. *Tôi tự làm việc cho mình hoặc ít nhất là có những suy nghĩ nghiêm chỉnh về công việc và nghề nghiệp của mình.*

10. *Tôi là người biết rất rõ định hướng cuộc sống của mình, biết rõ mẫu hình người mà tôi muốn trở thành là gì.*

8

1. *Nhà tôi có một mảnh vườn và tôi thích dạo chơi loanh quanh trong đó.*

2. *Tôi thích dành thời gian để đi du lịch, đi bộ hoặc chỉ dạo chơi trong thiên nhiên và tận hưởng vẻ đẹp của nó.*

3. *Tôi thích tham gia vào các tổ chức hoạt động vì môi trường.*

4. *Tôi thích nuôi nhiều thú vật trong nhà hơn là chỉ nuôi chó mèo cảnh.*

5. *Tôi có sở thích liên quan đến thiên nhiên theo một cách nào đó như nghe chim hót, trồng cây cảnh, sưu tập bướm khô...*

6. *Tôi thích được đăng ký và học tập trong những lớp liên quan đến thiên nhiên dành cho người lớn.*

7. *Tôi thích đi thăm sở thú, bảo tàng lịch sử tự nhiên hoặc những nơi nghiên cứu thế giới tự nhiên khác.*

8. *Tôi thích xem những chương trình về thế giới tự nhiên trên ti vi như Khám phá tự nhiên...*

9. *Tôi thích đến những địa điểm tự nhiên như công viên, bãi cắm trại hơn là khách sạn hoặc các khu nghỉ mát sang trọng hay những địa điểm đông người để nghỉ ngơi.*

10. Tôi rất giỏi phân biệt sự khác nhau giữa những chủng loại chim, chó mèo, cây cối cũng như các loài động thực vật khác.

Trích trong cuốn sách: “7 loại hình thông minh” của Thomas Armstrong

5.1.5. Một số biện pháp rèn luyện khả năng tư duy

Đôi khi trong cuộc sống, chúng ta cảm thấy đầu óc thật trì trệ và không thể giải quyết bất kỳ vấn đề gì theo mong muốn. Điều đó không hẳn do khả năng tư duy của ta bị giới hạn mà rất nhiều khả năng là tư duy của ta chưa được rèn luyện để trở thành sắc bén hơn. Bài viết dưới đây hướng dẫn cho bạn đọc một số cách thức rèn luyện khả năng tư duy hiệu quả:

- Học cách tập trung

Đôi khi bạn nhận ra mình vừa nghe xong bài giảng thì bỗng quên hết không nhớ được gì, hoặc gặp một ai đó thì vừa đi bạn lại quên mất tên họ. Thỉnh thoảng bạn cũng quên hẳn một kỷ niệm nào đó trong đời mình hoặc quên tên người bạn ngồi gần mình thời phổ thông! Thật sự đây không phải là vấn đề do trí nhớ của bạn gây ra, đơn giản chỉ vì khả năng tập trung của bạn vào thời điểm đó không tốt. Vậy bạn hãy học cách tập trung bằng việc: Khi bắt đầu một công việc trí tuệ nào đó, hãy cố gắng gạt bỏ khỏi đầu bạn (quên đi, không suy nghĩ thêm) những vấn đề hoặc những kiến thức không liên quan.

Nếu thấy khó tập trung bạn có thể sử dụng các biện pháp như là: đóng hẳn cửa phòng, tắt điện thoại, đeo tai nghe khi muốn học ngoại ngữ, đề nghị mọi người không làm ồn, làm việc tại nơi yên tĩnh

- Chọn thời gian phù hợp

Không phải bất cứ thời gian nào ta cũng có thể suy nghĩ sáng suốt như nhau. Thật vậy, người trẻ thường có cảm giác mình minh mẫn hơn khi đêm xuống, trong khi người lớn tuổi lại thấy mình sáng suốt vào buổi sáng sớm. Tùy theo thể trạng, tuổi tác, bạn nên thử so sánh các trạng thái của chính mình để tìm ra đâu là thời gian vàng cho bộ não của bạn và để dành những công việc đòi hỏi tư duy sẽ thực hiện trong thời gian đó. Ngoài ra, việc rèn luyện thể lực để tạo sự khỏe mạnh cơ thể sẽ tạo

tiền đề cho việc duy trì một trí não minh mẫn trong thời gian dài.

- *Viết ra ngay những gì chợt đến trong đầu*

Trong cuộc sống hàng ngày, đôi khi bạn đột nhiên nghĩ ra hoặc nhận thấy một "điều gì đó" thật thú vị, tuy nhiên nếu không ghi lại nó thì khoảng 30 phút sau bạn đã quên hẳn nó đi. Cho dù bạn thật tâm đắc với nó nhưng không ghi lại thì bạn cũng chỉ còn nghĩ đến nó khi chưa có việc gì phải làm, đến khi có việc khác cần phải lo lắng thì ý hay đó cũng bay đi nhanh như khi nó đến. Thống kê cho thấy có tới 99% suy nghĩ dạng này có thể là vô dụng, thế nhưng vẫn có 1% là suy nghĩ thiên tài. Biết đâu bạn đã đánh mất một cơ hội quý báu đó? Vì vậy, hãy luôn mang theo bút, giấy hoặc smartphone để bạn có thể thực hành việc ghi lại, vẽ lại, chụp hình lại, quay phim lại bất kỳ một ý tưởng, một khoảnh khắc bất chợt đến mà bạn cho là quan trọng, có ý nghĩa.

- *Xây dựng kiến thức mới trên nền tảng đã có*

Mỗi khi nhận được thông tin gì mới, hãy cố gắng liên hệ nó với những thông tin mà trước đó bạn đã biết. Đây là cách hữu hiệu để bạn hiểu và vận dụng được những kiến thức mới trong khi kiến thức cũ sẽ được củng cố chắc hơn. Chẳng hạn việc sử dụng Mindmap khi học bài sẽ giúp bạn có được kỹ năng tư duy hiệu quả tốt hơn.

- *Luôn luôn thực hành*

Một nghiên cứu do Viện Nghiên cứu lão khoa Mỹ tiến hành cho thấy, việc thực hành thường xuyên trên một số lĩnh vực đã khiến khả năng nhận thức và trí nhớ ở những người 70 tuổi làm việc tốt hơn lúc họ 60. Vì vậy, hãy thường xuyên thực hành kiến thức của mình từ khi bạn còn trẻ.

- *Kết bạn với những người thông minh*

Đừng bao giờ bỏ qua cơ hội kết bạn với những người có khả năng tư duy cao hơn bạn. Quan sát cách họ giải quyết vấn đề và suy nghĩ về điều đó, bạn sẽ rút ra cho mình được nhiều kinh nghiệm.

- *Thư giãn*

Một trong những biện pháp thư giãn tốt nhất cho những người làm việc trí tuệ là nghe nhạc Mozart. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh âm nhạc của ông vừa có tác

dụng thư giãn, giảm stress, vừa kích thích sự hình thành mối liên hệ phức hợp giữa các phần của não. Khả năng trao đổi thông tin trong não nhờ vậy trở nên hiệu quả hơn và tốc độ tư duy sẽ nhanh hơn.

- Thử thách bản thân ở những lĩnh vực mới

Khi gần cuối đời, họa sĩ theo trường phái ấn tượng nổi tiếng Henri Matisse đã chuyển từ việc sáng tác bằng cọ sang dùng kéo. Nhiều tác phẩm tranh cắt giấy của ông ra đời trong thời gian này đã trở thành kiệt tác nhờ có được phong cách thể hiện mới mẻ đến không ngờ.

Bài học rút ra là đừng bao giờ y lại vào kinh nghiệm. Kinh nghiệm có thể làm cho bạn trở thành chuyên gia trong nhiều lĩnh vực nhưng cũng có thể khiến bạn trở nên cổ hủ, lạc hậu trước sự biến đổi của thời cuộc. Vì vậy, từ khi còn trẻ, hãy tìm cơ hội để thử thách khả năng ở những lĩnh vực mới và đừng ngần ngại nếu phải làm lại từ đầu.

- Rèn luyện cơ thể để bồi dưỡng tinh thần

Một tinh thần minh mẫn chỉ có được trong một cơ thể khỏe mạnh. Nếu bạn đang chọn cho mình một hình thức luyện tập thì aerobic có thể là quyết định đúng đắn. Nhiều công trình nghiên cứu gần đây cho thấy aerobic có thể cải thiện đáng kể khả năng làm việc trí óc.

Nguyên nhân có thể do các bài tập aerobic làm tăng lượng oxy và dưỡng chất lên não, đồng thời kích thích sản sinh một hợp chất tự nhiên là neurotrophin, vốn có tác dụng thúc đẩy các tế bào não phát triển. Vì thế, dù bận rộn, hãy dành một thời gian tối thiểu trong ngày cho việc rèn luyện cơ thể. Bạn sẽ thấy điều này không vô ích.

(Trích trong cuốn sách “Tư duy đột phá” của Dr. Shozo Hibino & Dr. G. Nadler)

5.2. Mối quan hệ giữa sáng tạo và trí thông minh

Cho đến nay, có nhiều quan điểm khác nhau về mối quan hệ giữa sáng tạo và trí thông minh. Phần nội dung được trích trong tài liệu “Giáo trình tâm lý học sáng tạo” của GS.TS Phạm Thành Nghị dưới đây sẽ cho chúng ta có cái nhìn khái quát về cách tiếp cận của các học giả đối với mối quan hệ này.

5.2.1. Quan điểm coi sáng tạo là một bộ phận của trí thông minh

Tiêu biểu cho quan điểm này là Guilford, Raymond Cattel, Gardner.

Guilford đưa ra cấu trúc của trí thông minh hình khối với ba chiều cạnh: (1) chiều cạnh thao tác gồm nhận thức, trí nhớ, tạo dựng phân kỳ, tạo dựng hội tụ, đánh giá. (2) chiều cạnh nội dung gồm hình dáng, biểu tượng, ý nghĩa, hành vi. (3) Chiều cạnh sản phẩm gồm đơn vị, các lớp, các mối quan hệ, hệ thống, sự chuyển hóa, ý nghĩa. Phối hợp 5 thao tác, 4 nội dung và 6 sản phẩm, một cá nhân có thể có 120 yếu tố phác họa những nét đặc trưng của trí tuệ. Yếu tố phù hợp nhất cho sáng tạo là tạo dựng phân kỳ có liên quan đến sự tìm kiếm thông tin rộng rãi và đưa ra nhiều câu trả lời cho vấn đề. Đối lập với tạo dựng phân kỳ là tạo dựng hội tụ với một câu trả lời duy nhất đúng. Tạo dựng phân kỳ chỉ là một trong năm thao tác của trí tuệ, sáng tạo lúc này có thể được xem là một phần của trí thông minh.

Raymond Cattel được biết đến với lý thuyết trí thông minh mềm và trí thông minh cứng. Cattel tin rằng kết quả sáng tạo trong thực tế trước hết được xác định bởi trí thông minh chung, đặc biệt trí thông minh mềm (khả năng lập luận) so với trí thông minh cứng (kiến thức hay tư liệu tiếp thu được) và sau đó còn bởi những yếu tố khác biệt cá nhân khác.

Gardner, như trên đã đề cập, nổi tiếng với lý thuyết trí thông minh đa dạng. Theo quan điểm này, con người có thể thông minh theo nhiều cách. Một nhà thơ thông minh theo cách khác với kiến trúc sư, kiến trúc sư thông minh khác với vũ công... Hơn thế nữa, những trí thông minh này có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau, bao hàm nhưng không giới hạn cách thức sáng tạo. Vì vậy, chức năng sáng tạo là một chiều cạnh của trí thông minh.

5.2.2. Quan điểm coi trí thông minh là một bộ phận của sáng tạo

Tiêu biểu cho quan điểm này là Sternberg & Lubart, Smith.

Sternberg và Lubart nổi tiếng với lý thuyết đầu tư. Hai tác giả cho rằng có 6 yếu tố bao hàm trong sáng tạo: trí tuệ, kiến thức, kiểu tư duy, nhân cách, động cơ và môi trường. Trí tuệ chỉ là một trong sáu sức mạnh, trong sự hợp lực tạo ra tư duy và hành vi sáng tạo. Theo lý thuyết này, ba chiều cạnh của trí thông minh là chìa khóa cho sáng tạo: năng lực

tổng hợp, năng lực phân tích và năng lực thực tiễn. Ba chiều cạnh của sáng tạo xuất phát từ ý tưởng của Sternberg về lý thuyết trí thông minh ba nhân tố.

Một cách nhìn khác cũng rất thú vị, xem trí thông minh như một phần của sáng tạo, đó là quan điểm của Smith dựa trên sự phân loại mục tiêu giáo dục của Bloom. Quan điểm cơ bản của phân loại là quá trình nhận thức có thể được sắp xếp theo chiều tích lũy và thứ bậc, bắt đầu từ lớp cơ bản về kiến thức, tiến tới các mức hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Năng lực trí tuệ được nằm ở bốn mức đầu tiên và năng lực sáng tạo cần thiết cho hai mức sau cùng: tổng hợp và đánh giá. Bởi vì các loại phạm trù được đặt theo chiều tích lũy và thứ bậc, tổng hợp và đánh giá đòi hỏi những kỹ năng của các mức cao (trí thông minh) cùng với hành vi mới – hành vi sáng tạo. Theo quan điểm của Smith, trí tuệ được xem là một bộ phận của sáng tạo.

5.2.3. Quan điểm coi trí tuệ và sáng tạo có những chỗ trùng lặp

Quan điểm cho rằng sáng tạo và trí thông minh có chỗ trùng lặp ngụ ý rằng ở chiều cạnh nào đó thì sáng tạo và trí thông minh là trùng nhau, nhưng theo những chiều cạnh khác thì chúng lại khác nhau.

Theo Shouksmith (1973), việc đánh giá tính đúng đắn của câu trả lời là đo suy luận logic hay trí tuệ, trong khi đó việc đánh giá mức “tốt” hay mức độ phù hợp của câu trả lời được đưa ra là đo tính sáng tạo. Sự chồng lấn chính là ở chỗ câu trả lời có cả sự đúng đắn và mức độ phù hợp cao.

Cox (1926) nghiên cứu các nhân vật lịch sử tài năng theo một số ngành nghề khác nhau tại Viện Đánh giá và Nghiên cứu nhân cách, Đại học California, Berkeley, ước lượng IQ của 301 nhân tài kiệt xuất trong thời kỳ 1450-1850. Kết quả nghiên cứu cho thấy trí thông minh được phản ánh bởi chỉ số IQ và năng lực sáng tạo về cơ bản được thống nhất như sau: “(1) những người sáng tạo có chỉ số IQ trên trung bình, phổ biến là trên 120. Không thấy người sáng tạo cao có IQ thấp; (2) với IQ trên 120 thì dường như chỉ số này không còn quan trọng đối với sáng tạo, không thấy mối tương quan cao giữa IQ và sáng tạo ở mức IQ trên 120, thậm chí IQ quá cao có thể cản trở sáng tạo. (3) mối quan hệ giữa IQ và sáng tạo thay đổi thường từ yếu đến trung bình. Mối quan hệ này phụ thuộc một phần vào cách đo và xem xét quan hệ trong lĩnh vực sáng tạo nào”. Tuy nhiên,

phương pháp dùng để đánh giá IQ ở những người xuất chúng mà Cox đã sử dụng thật sự là sự đánh giá chủ quan.

5.2.4. Quan điểm coi sáng tạo và trí thông minh như hai cấu thành trùng khớp

Haensly và Reynolds (1989) cho rằng sáng tạo và trí thông minh cần được xem như một hiện tượng mà thôi, chúng là hai cấu thành trùng nhau. Họ cho rằng sáng tạo là biểu hiện của trí thông minh. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng cơ chế sinh ra sáng tạo không khác với cơ chế giải quyết vấn đề. Theo các nhà nghiên cứu này, công việc được xem là sáng tạo khi quá trình giải quyết vấn đề cho ra kết quả đặc biệt.

5.2.5. Quan điểm coi sáng tạo và trí thông minh hoàn toàn khác nhau

Một số nhà nghiên cứu như Getzels & Jackson (1962), Wallach & Kogan (1965), Torrance (1975) cho rằng sáng tạo khác với trí thông minh. Mặc dù không có nhà nghiên cứu nào chỉ ra sự không liên quan tuyệt đối giữa sáng tạo và trí thông minh, họ nhấn mạnh sự khác nhau trong định hướng giữa sáng tạo và trí thông minh. Mục tiêu của các nhà nghiên cứu này là dùng trắc nghiệm IQ để xác định trẻ em năng khiếu.

Tóm lại, có thể nói rằng sáng tạo dường như có liên quan với các khía cạnh tổng hợp, phân tích và thực tiễn của trí thông minh: tổng hợp để đi đến ý tưởng, phân tích để đánh giá chất lượng ý tưởng, thực tiễn để hình thành cách trao đổi hiệu quả ý tưởng với những ý tưởng đó và thuyết phục mọi người về giá trị của chúng. Nhưng ngoài những điều cơ bản này, khó mà tìm thấy sự nhất trí của những người đang làm việc trong lĩnh vực này.

Chúng tôi xin đưa bài viết dưới đây để bạn đọc từ đó có cái nhìn về sáng tạo và trí thông minh theo quan điểm của riêng mình.

BÀI ĐỌC THÊM

SÁNG TẠO VÀ TRÍ THÔNG MINH

Ý tưởng của các thiên tài được hình thành như thế nào? Cách thức tư duy đã cho ra đời bức tranh tuyệt tác Nàng Mona Lisa hay đã giúp khai sáng Thuyết tương đối có điểm gì bình thường? Đặc trưng trong chiến lược tư duy của những thiên tài như Einstein, Edison, Leonardo da Vinci, Darwin, Picasso, Michelangelo, Galileo, Freud và Mozart là gì?...

Từ nhiều năm nay, các học giả và các nhà nghiên cứu đã cố gắng xác định mối liên hệ giữa sự thông minh và thiên tài. Nhưng thông minh là không đủ. Marilyn vos Savant, người có chỉ số IQ 228 – cao nhất thế giới từ trước đến nay không có nhiều đóng góp cho khoa học hay nghệ thuật. Thay vào đó, bà chỉ là người phụ trách chuyên mục Hỏi – Đáp trên tạp chí Parade. Những nhà vật lý học bình thường còn có chỉ số IQ cao hơn rất nhiều người đã từng được nhận giải Nobel, đồng thời là người được đánh giá là thiên tài vĩ đại của nước Mỹ, Richard Feynman (chỉ số IQ của ông chỉ khoảng 122). Thiên tài không có nghĩa là đạt 1.600 điểm trong kì thi SAT (kì thi được tiêu chuẩn hóa để được nhận vào Đại học ở Mỹ), thành thạo 10 ngôn ngữ khi mới 7 tuổi, hoàn thành trò chơi ô chữ của tờ New York Times trong thời gian kỷ lục hay có chỉ số IQ xuất chúng. Sau cuộc tranh luận lớn nổ ra vào những năm 60 của thế kỷ trước do người đầu tiên là nhà tâm lý học J.P. Guilford khởi xướng kêu gọi giới khoa học tập trung vào vấn đề sáng tạo, các nhà khoa học đã đạt tới kết luận: sáng tạo không đồng nghĩa với thông minh.

Phần lớn những người ở mức thông minh trung bình, khi được giao cho một dữ liệu hoặc một vấn đề, có thể đưa ra một giải pháp thông thường cho vấn đề đó mà ta có thể dự đoán trước. Ví dụ như khi được hỏi “Một nửa của 13 bằng mấy?”, hầu hết chúng ta sẽ ngay lập tức trả lời và 6 và $\frac{1}{2}$. Dường như bạn tìm ra câu trả lời chỉ trong vài giây và tiếp tục tập trung trở lại bài đọc này ngay sau đó.

Thông thường, chúng ta tái lập suy nghĩ cũ dựa trên cơ sở những vấn đề tương tự đã gặp trong quá khứ. Khi đối diện với vấn đề, chúng ta gán suy nghĩ của mình vào những gì đã được hình thành trước đó. Chúng ta tự hỏi: “Điều gì mà mình đã học trong cuộc sống, trường lớp hay công việc sẽ giải quyết được việc này?” Tiếp theo chúng ta phân tích, lựa chọn cách tiếp cận có triển vọng nhất dựa vào kinh nghiệm trong quá khứ, loại bỏ tất cả những khả năng khác, hành động theo hướng đã được xác định rõ ràng đó để giải quyết vấn đề. Chính do sự hiển nhiên hợp lý của từng bước dựa trên kinh nghiệm từ trước, chúng ta tự tin chắc chắn kết luận của mình là chính xác.

Ngược lại, thiên tài không tái lập suy nghĩ mà thiết lập những suy nghĩ mới. Khi đối

diện với những vấn đề, họ tự hỏi mình có thể nhìn nhận vấn đề theo bao nhiêu cách khác nhau, cân nhắc vấn đề đó như thế nào và có thể giải quyết nó theo bao nhiêu hướng, thay vì hỏi mình đã được dạy để giải quyết vấn đề đó ra sao. Họ có xu hướng đưa ra rất nhiều giải đáp khác nhau, một số trong đó không bình thường và có thể quái đản.

Với những suy nghĩ đa dạng, một người có thể nghĩ ra rất nhiều cách tiếp cận khác nhau, tối thiểu là các cách thông thường. Mong muốn được khám phá tất cả các phương pháp rất quan trọng, ngay cả khi người đó đã tìm ra được phương pháp có triển vọng. Một lần Einstein được hỏi đâu là điểm khác nhau giữa ông và một người bình thường. Ông nói rằng: nếu yêu cầu một người bình thường đi tìm một chiếc kim trong đồng cỏ khô, anh ta (hoặc cô ta) sẽ dừng ngay công việc sau khi tìm thấy chiếc kim. Trong khi đó, ông sẽ đảo tung toàn bộ đồng cỏ lên để tìm tất cả những chiếc kim có thể có.

(Trích trong cuốn sách “Đột phá sức sáng tạo” của Michael Michalko)

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Cảnh Toàn, Nguyễn Văn Lê, Châu An, *Khơi dậy tiềm năng sáng tạo*, NXB Giáo dục, 2005
2. Phạm Thành Nghị, *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu, *Hành trình đi tìm ý tưởng sáng tạo*, NXB Đại học Sư phạm TPHCM, 2010
4. Roger Von Oech, *Cú đánh thức tinh trí sáng tạo*, Alphabooks, 2009
5. Michael Michalko, *Đột phá sức sáng tạo*, Alphabooks, 2007
6. Phan Dũng, *Phương pháp luận tư duy sáng tạo*, NXB TP HCM, 1998
7. Daniel Pink A Whole New Mind, Bản dịch tiếng Việt: *Một tư duy hoàn toàn mới*, Nhà xuất bản lao động xã hội, 2012
8. Daniel Pink – Motivation 3.0. Bản dịch tiếng Việt: *Động lực 3.0*, NXB Thời đại, 2013
9. Jack Foster, *Bí quyết sáng tạo*, Nguyễn Minh Hoàng (biên dịch), NXB Trẻ, 2005

10. Dr. Shozo Hibino, G. Nadler, *Tư duy đột phá*, NXB Trẻ, 2013
11. Jack Trout, Steve Rivkin, *Khác biệt hay là chết*, NXB Trẻ, 2013
12. Business Edge, *Để trở nên hiệu quả hơn*, NXB Trẻ, 2006
13. *Cẩm nang quản lý tính sáng tạo và đổi mới*, bộ sách Business Harvard Review, NXB Tổng hợp HCM.

D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN

*** CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Trình bày 1 định nghĩa về sáng tạo và tư duy sáng tạo mà bạn tâm đắc. Giải thích?
2. Phân tích các rào cản của tư duy sáng tạo?
3. Trình bày đặc điểm của những người sáng tạo?
4. Trình bày một định nghĩa về trí thông minh mà bạn tâm đắc nhất? Giải thích?

*** CÂU HỎI, BÀI TẬP THẢO LUẬN**

5. Thảo luận về tầm quan trọng của tư duy sáng tạo đối với cá nhân và xã hội?
6. Theo bạn, vì sao nói kiểu nhân cách là một trong những yếu tố cá nhân làm cản trở đến tư duy sáng tạo?
7. Tìm một nhân vật nổi tiếng thành công trong một lĩnh vực và phân tích nguyên nhân của sự thành công đó dưới góc độ tư duy.
8. Thảo luận về vai trò của trí thông minh và sự thành đạt trong cuộc sống.
9. Thảo luận về mối quan hệ giữa sáng tạo và trí thông minh.
10. Hãy đọc bài viết về những đặc điểm tư duy, lối sống của người Việt Nam theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Xã hội học Hoa Kỳ và trả lời những câu hỏi bên dưới:
Theo Viện Nghiên cứu Xã hội học Hoa Kỳ thì người Việt có 10 tố chất cơ bản:
 1. Cần cù lao động song dễ thỏa mãn.
 2. Thông minh, sáng tạo, song chỉ có tính chất đối phó, thiếu tầm tư duy dài hạn, chủ động.
 3. Khéo léo, song không duy trì đến cùng, ít quan tâm đến sự hoàn thiện cuối cùng của sản phẩm.
 4. Vừa thực tế, vừa mơ mộng, song lại không có ý thức nâng lên thành lý luận.

Đây cũng là nhược điểm của văn hoá phương Đông có lối sống khép kín. Nhiều bạn sinh viên năm thứ ba, thứ tư Đại học mà vẫn ngại phát biểu ý kiến hoặc trình bày vấn đề trước đám đông vì thiếu tự tin, thiếu thói quen suy nghĩ, đi học chỉ biết "chép chính tả". Kiểu giáo dục thụ động luôn tỉ lệ thuận với sức ỳ của tư duy và tỉ lệ nghịch với tư duy phản biện (critical thinking) của thanh niên.

5. Ham học hỏi, có khả năng tiếp thu nhanh, song ít khi học “đến đầu đến đuôi” nên kiến thức không hệ thống, mất cơ bản. Ngoài ra, người Việt học tập không phải chỉ vì kiến thức hay đam mê mà học tập trọng thành tích.
6. Xởi lởi, chiều khách, song không bền.
7. Tiết kiệm, song nhiều khi hoang phí vì những mục tiêu vô bổ.
8. Có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, song hầu như chỉ trong những hoàn cảnh, trường hợp khó khăn, bần hàn, còn trong điều kiện sống tốt hơn, giàu có hơn thì tinh thần này rất ít xuất hiện.
9. Yêu hòa bình, nhẫn nhịn, song nhiều khi lại hiếu thắng vì những lý do tự ái, lật vặt, để tiểu cục làm mất đại cục.
10. Thích tự tập, nhưng lại thiếu tính liên kết để tạo ra sức mạnh (cùng một việc, một người làm thì tốt, ba người làm thì kém, bảy người làm thì hỏng).

Câu hỏi thảo luận:

1. Hãy thảo luận về những đặc điểm tư duy làm hạn chế tính sáng tạo của người Việt Nam?
2. Hãy thảo luận về những biện pháp làm tăng tính sáng tạo của sinh viên Việt Nam?

*** TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN**

11. Đọc bài báo dưới đây và thảo luận trả lời các câu hỏi:

TƯ DUY PHƯƠNG ĐÔNG VÀ TƯ DUY PHƯƠNG TÂY

*“Trong hai nhóm tục ngữ sau, bạn thích các câu tục ngữ trong nhóm nào hơn?
Nhóm 1:*

Có nửa ổ bánh mì còn đỡ hơn là không có ổ bánh mì nào.

Một người mà đòi chống lại mọi người thì chỉ có thất bại.

“Ví dụ như” không phải là bằng chứng.

Nhóm 2:

Quá khiêm tốn là biểu hiện một nửa của sự tự cao.

Không cần coi chừng kẻ thù mà chỉ cần cẩn thận với những người bạn.

Một người đàn ông có thể mạnh hơn sắt thép nhưng lại mềm yếu hơn một con ruồi.

Nếu bạn thích nhóm tục ngữ thứ nhất, bạn có thể tự hào mình có lối tư duy của phương Tây, chính xác hơn là tư duy giống sinh viên Mỹ. Nếu bạn thích nhóm tục ngữ thứ hai, bạn có thể tự hào rằng tư duy của bạn thâm nhuần được tư tưởng Á Đông. Đó là kết quả thu được từ một cuộc thử nghiệm của giáo sư Tâm lý Xã hội Mỹ Nisbet. Trong thử nghiệm của mình, ông đưa hai nhóm câu tục ngữ trên cho sinh viên của trường ĐH Michigan và sinh viên trường ĐH Bắc Kinh và yêu cầu họ cho biết nhóm câu tục ngữ nào khiến họ cảm thấy thích thú. Sinh viên Mỹ cho biết họ thích nhóm 1, còn sinh viên Trung Quốc thì thích nhóm 2.

Vậy giữa hai nhóm câu tục ngữ này có sự khác biệt nào? Rõ ràng, những ý tưởng được thể hiện trong các câu tục ngữ nhóm 2 dung hàm 2 ý tưởng/khái niệm hoàn toàn mâu thuẫn, đối chọi nhau. Ví dụ trong câu đầu, Quá khiêm tốn là biểu hiện một nửa của sự tự cao, theo lẽ thường tình, khiêm tốn là trái ngược với sự kiêu ngạo, người ta không thể vừa khiêm tốn, vừa kiêu ngạo. Hoặc trong câu 2, theo logic thì chúng ta chỉ đề phòng kẻ thù chứ ai lại đi đề phòng bạn bè? Nói một cách ngắn gọn, nhóm thứ 1 biểu hiện ý tưởng thuần túy logic, nhóm thứ 2 thì chứa đựng sự mâu thuẫn về logic.

Trên thực tế, Giáo sư Nisbet nhận thấy rằng chúng ta thường gặp những ý tưởng dạng nhóm 2 trong kho tàng tục ngữ của Trung Quốc nhiều hơn là kho tục ngữ Mỹ. Để tránh trường hợp sinh viên Trung Quốc chọn nhóm 2 là vì đã quen thuộc với chúng, ông chọn trong bộ sưu tập các câu tục ngữ Do Thái một số câu và chia chúng làm 2 nhóm giống như trên. Kết quả vẫn không thay đổi, sinh viên Trung Quốc thích các câu tục ngữ có hàm chứa yếu tố mâu thuẫn về ý tưởng nhiều hơn sinh viên Mỹ.

Theo Giáo sư Nisbet kết quả trên phần nào cho thấy có sự khác biệt về cách

tư duy giữa Đông và Tây. Có thể mô tả sự khác biệt này như sau: tư duy của phương Tây tuân thủ các nguyên tắc của logic. Nếu như ta đã phân loại thành 2 nhóm A và B, thì một vật không thể vừa thuộc về nhóm A và vừa thuộc về nhóm B. Như vậy là phản logic và không có ích lợi cho tư duy khoa học. Trong khi đó truyền thống tư duy của phương Đông vẫn ý thức được rằng bản chất của thực tại là luôn thay đổi. Thế giới mà ta đang sống không tĩnh mà là động, và trạng thái của một sự vật, hiện tượng không tồn tại bất biến mà luôn trong quá trình chuyển hóa thành một trạng thái khác. Ví dụ lá cây vào mùa xuân là màu xanh, sang mùa thu thì chuyển thành màu vàng và vào mùa đông thì rơi rụng xuống đất không còn trên cành nữa. Chính vì thực tại là luôn biến động và thay đổi nên người phương Đông cho rằng các khái niệm (do con người đặt ra để phản ánh thế giới thực tế) không mang tính cố định và khách quan mà là chủ quan và có thể linh động thay đổi.

Hơn nữa, theo triết lý phương Đông vì thực tại luôn thay đổi, nên các cặp phạm trù đối ngược, nghịch lý, bất thường luôn được tạo ra trong cuộc sống. Cũ và mới, tốt và xấu, mạnh và yếu tồn tại trong mọi thứ. Đơn cử một ví dụ dễ hiểu sau: nếu tôi đứng dạy trong một lớp học toàn học trò giỏi, ngoan, dễ thương, ác ý trong thâm tâm tôi sẽ bị kìm chế, tạm thời biến mất, thiện ý sẽ được vun đắp và nảy sinh bên trong tôi; ngược lại, nếu tôi gặp phải những học trò lười, đạo đức tính cách có vấn đề, lúc đó hoàn cảnh sẽ dễ dàng làm nảy sinh tà ý trong thâm tâm tôi (những cảm xúc như ghét chúng nó, muốn trừng phạt chúng nó hay “đi chúng nó sói trần” v.v.). Tóm lại, cái tôi của tôi theo Đông phương không tồn tại bất biến mà luôn thay đổi, tùy thuộc vào hoàn cảnh và các yếu tố khác tác động (chẳng hạn, khi vui thì tôi sẵn sàng làm người tốt, khi buồn thì dễ trở thành người xấu), và cái thiện lẫn cái ác luôn tồn tại sẵn có bên trong tôi chỉ cần gặp phải đúng môi trường chúng sẽ được tạo sinh. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên nếu đạo Lão quan niệm rằng hai mặt đối lập của một sự vật luôn tồn tại chung với nhau, đối chọi nhau nhưng có liên quan với nhau và kiềm chế lẫn nhau.

Quá coi trọng yếu tố logic, phương Tây có khuynh hướng xem nhẹ yếu tố môi trường, vì theo tư duy của phương Tây, một vật thể A dù trong bất cứ môi trường nào

cũng vẫn là A , nó không thể vừa là A vừa là đối- A . Ví dụ một con mèo ở Mỹ thì qua Việt Nam cũng vẫn là mèo, mèo không thể tự nhiên biến thành chó được. Trong khi đó phương Đông lại cho rằng cuộc sống luôn thay đổi, luôn chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác và vì vậy xem trọng mối quan hệ giữa một vật thể và tổng thể môi trường xung quanh. Theo đó một vật thể trong môi trường này có những đặc tính này nhưng khi sang một môi trường khác chúng sẽ chuyển thành những đặc tính khác. Ví dụ: một người đàn ông với vai trò là con trong một gia đình sẽ thể hiện những đặc tính khác với khi anh ta ra ngoài xã hội và đảm nhận vai trò doanh nhân trên thương trường. Một ví dụ khác minh họa cho quan niệm một vật thể có thể vừa là A và đối- A : tôi đang ngồi đây và đang sống. Tôi biết mình đang còn sống vì vào lúc 8:20:01 ngày 9/8/2006 tôi vẫn còn đang thở ra, hít vào, và vào lúc 8:20:02 ngày 9/8/2006 tôi vẫn còn hít vào, thở ra. Nhưng nếu xét từ một góc độ khác, cứ sau mỗi giây phút hít vào thở ra là các tế bào trong cơ thể tôi đang già đi. Giả sử tôi có thể sống đến 80 tuổi thì sự sống của tôi đang bị rút ngắn dần lại theo từng giây phút tôi hít vào, thở ra. Nói cách khác, mỗi một giây phút tôi đang sống đồng nghĩa với tôi đang chết dần theo từng giây. “Đang sống” như vậy cũng có nghĩa là “đang chết”.

Vậy sự khác biệt về tư duy này có thể dẫn đến những hệ quả gì trong cuộc sống? Giáo sư Nisbet và cộng sự tiến hành thử nghiệm sau. Họ cho sinh viên Mỹ và Trung Quốc đọc một câu chuyện mô tả sự xung đột giữa hai mẹ con trong một gia đình và một câu chuyện về sự xung đột giữa những cảm xúc trái ngược nhau bên trong một cá nhân (tập trung vào chuyện học hay chỉ muốn chơi) và yêu cầu các sinh viên phân tích những xung đột này. Họ phân loại các câu trả lời của sinh viên thành 2 nhóm sau. Nhóm 1 bao gồm những câu trả lời cho rằng xung đột bắt nguồn từ cả hai phía, mỗi phía đều góp phần tạo ra xung đột hoặc tin rằng có thể hòa giải hoặc chuyển hóa được sự đối kháng giữa học và chơi. Chẳng hạn như câu sau sẽ thuộc nhóm 1: “cả hai người chẳng ai hiểu ai, vì vậy mới có xung đột,” hay “người ta vẫn có thể vừa học tốt và vừa vui chơi.” Ngược lại, những câu trả lời nhóm 2 đổ lỗi cho một trong hai người là nguyên nhân gây ra xung đột hoặc cho rằng muốn học tốt thì không chơi, và muốn vui chơi thì không học. Kết quả cuộc thử nghiệm cho thấy:

trong câu chuyện xung đột giữa hai mẹ con, 72% các câu trả lời của sinh viên TQ thuộc nhóm 1, so với tỉ lệ 26% sinh viên Mỹ. Về sự đối kháng giữa học-chơi, một nửa sinh viên TQ có câu trả lời thuộc nhóm 1, trong khi đó chỉ có 12% sinh viên Mỹ có câu trả lời được xếp vào nhóm 1.

Nếu như những thử nghiệm trên của Giáo sư Nisbet là đáng tin cậy, ta có thể rút ra vài kết luận sơ khởi sau: tư duy của phương Tây là tư duy kiểu “trắng đen phân biệt rõ rệt, không có vùng đất xám.” Có thể nói tư duy kiểu này là tư duy đơn giản một chiều, khá cứng nhắc và có thể dẫn đến những hành động cực đoan, vì nó không tìm cách dung hòa sự bất đồng, không tìm con đường trung dung giữa hai phía để đi. Nó sẽ khẳng định cho rằng trách nhiệm thuộc về một phía và phía này phải sửa đổi hành vi để cải thiện tình hình. Chính vì trong thực tế cuộc sống không có nhiều tình huống “giấy trắng mực đen rõ ràng” như vậy nên tư duy theo kiểu này không giúp làm cho xung đột khá hơn mà làm cho nó tồi tệ đi, và khi mức chịu đựng giữa hai phía chạm đến giới hạn cuối cùng, bạo động sẽ phát sinh.

Mặc dù Giáo sư Nisbet tin rằng kiểu tư duy “biện chứng” của Đông phương như trên không phải là không có ở phương Tây, bằng chứng là nó được thể hiện qua tư tưởng của các triết gia như Hegel, Kant, Marx. Tuy nhiên cuối cùng, Nisbet vẫn cho rằng tư duy của Đông và Tây là khác nhau và người phương Tây thường không ý thức được tư duy của họ bám chặt vào các nguyên tắc logic đến mức nào, trái ngược với kiểu tư duy “biện chứng” của phương Đông.

Trên đây là phần tóm gọn lại những ý tưởng chính trong chương 7 của cuốn *The Geography of Thought: How Asians and Westerners Think Differently...and Why*, của tác giả Richard Nisbet trong đó tôi có dùng một số ví dụ và cách diễn giải của riêng mình để minh họa làm rõ một số điểm của tác giả.”

(Nguồn: Tạp chí Tia Sáng, tác giả Hoàng Thạch Quân)

Câu hỏi:

a. Tìm các dẫn chứng về sự khác biệt văn hóa phương Tây và văn hóa phương Đông. Từ đó so sánh sự khác biệt và giải thích nguồn gốc khác nhau của các đặc điểm này.

b. Theo bạn, người Việt có những đặc điểm tư duy nào tiêu cực làm hạn chế sự phát triển của người Việt?

12. Hãy đọc bài báo dưới đây và thảo luận các câu hỏi:

TÀI SẢN MỀM CỦA NƯỚC MỸ

“Mới lập quốc hơn 200 năm, nhưng hiện nay, tài sản mềm của nước Mỹ lan tỏa khắp hoàn cầu. Tài sản mềm của một quốc gia thường tụ hội từ nhiều nhân tố. Tài sản lớn nhất của Trung Quốc là 5 ngàn năm lịch sử và văn hóa đặc trưng của Nho giáo, thể hiện qua lối sống của 1,3 tỷ dân và hơn 100 triệu Hoa kiều. Mặt trời không bao giờ lặn trên đế chế Anh 100 năm trước, nên người Anh thường rất khôn ngoan trong những lựa chọn về chính trị, kinh tế và xã hội... vì họ đã từng trải qua bao thời vàng son cũng như khốn khổ. Hoa Kỳ thì chỉ mới lập quốc hơn 200 năm nhưng hiện nay, tài sản mềm của nước Mỹ lan tỏa khắp hoàn cầu.

Dù đa dạng, phức tạp và có thể gây nhiều tranh cãi, trong góc nhìn của tôi, 5 tài sản mềm lớn nhất của nước Mỹ gồm có:

1. Niềm tin của người dân

Nếu hỏi một người Mỹ là họ tin vào cái gì, ngoài đức tin vào tôn giáo riêng, câu trả lời sẽ là một giao ước xã hội (social contract).

Điều kiện đầu tiên của giao ước là tôi bình đẳng và tự do trước mọi cơ hội để mưu tìm hạnh phúc cho mình và gia đình, từ vật chất đến tinh thần. Tôi có thể là một đứa bé da màu, lớn lên trong khu ổ chuột nhưng tôi vẫn có thể làm tổng thống hay là người giàu nhất nước Mỹ hay một văn nghệ sĩ tầm tiếng. Độ cao hay thấp của hành trình hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng và ước muốn của tôi.

Sau đó, tôi được chính phủ cam kết là không ai có quyền can thiệp hay ngăn trở bất cứ hành vi nào của tôi miễn không phạm pháp. Căn bản cũng như chi tiết của hệ thống pháp luật này phải được xây dựng hay hủy bỏ với sự đồng thuận của đa số cử tri hoặc người đại biểu do dân bầu. Và tôi tin rằng trước pháp luật, tôi sẽ được xét xử bởi những người dân khác (bồi thẩm đoàn) hoàn toàn độc lập với mọi quyền lực có thể ảnh hưởng đến kết quả.

Theo giao ước, để đánh đổi các quyền lợi trên, tôi phải có trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của những công dân khác, qua bốn phần đóng thuế hay nhập ngũ. Một phần tiền thuế sẽ được dùng để cứu giúp và tạo một mạng lưới an toàn (safety net) cho những công dân kém may mắn. Điều tranh cãi thường xuyên ở đây là chính phủ được quyền lấy bao nhiêu tiền của tôi để làm chi phí điều hành cho bộ máy và bao nhiêu để giúp người khác? Đây cũng là đề tài chính cho bao cuộc vận động tranh cử tại mọi tầng lớp xã hội.

Dù thế nào, đa số người dân Mỹ tin vào giao ước xã hội này và những nhân quyền cùng sự tự do tiềm ẩn bên trong. Niềm tin là nền tảng chung cho mọi thành phần trong sự vận hành quốc gia và nó tạo sự bền vững cho mọi kế hoạch, ngắn và dài hạn, của cá nhân hay của chính phủ.

2. Văn hóa Mỹ quốc

Sau những đợt di cư đầu tiên từ Âu châu vào thế kỷ 18, nước Mỹ bắt đầu mở cửa rộng rãi đón nhận mọi sắc dân từ khắp thế giới. Họ đến với một "giấc mơ Mỹ quốc" (American dream), họ chấp nhận giao ước xã hội nói trên và đã không ngừng cùng nhau tạo dựng một nền "văn hóa Mỹ quốc" vô cùng đa dạng nhưng đặc thù, vô cùng năng động nhưng giản dị và minh bạch.

Căn bản của nền văn hóa dân gian này là sáng tạo trong trí tuệ, hăng say trong công việc, chơi đùa và mua sắm thỏa thích, tôn trọng riêng tư, không ngần ngại sử dụng quyền lực của mình, minh bạch trong thông tin, cởi mở thân thiện với người lạ và ý tưởng mới, không trừng phạt thất bại và tiếp tục cố gắng trong mọi hoàn cảnh. Trên hết, người Mỹ lạc quan vào sự thành công tối hậu của mục tiêu đời mình.

Dĩ nhiên, mặt trái của văn hóa Mỹ cho thấy nhiều nhược điểm. Như một đứa trẻ giàu có, xã hội Mỹ khá ngạo mạn và không quan tâm nhiều đến văn hóa truyền thống của nhân loại. Câu nói "my way or highway" (lối của tôi hay lối xa lộ = không theo tôi thì cút đi) thể hiện trong nhiều hành xử của người Mỹ từ chính trị đến kinh doanh. Nhưng đứa trẻ này lại rất sáng tạo trong thời đại của tri thức, tạo nên những tài sản quý báu cho kho tàng nhân loại, từ y tế đến nông nghiệp, từ IT

đến giáo dục, từ tài chính đến chính trị.

3. Nguồn trí tuệ và tài năng

Ngày xưa, mọi con đường đều dẫn đến La Mã. Ngày nay mọi tài năng đều tìm về đầu trường Mỹ. Trung tâm quyền lực chính trị và quân sự tập trung tại Washington DC; tháp cao tài chính nằm ở Wall Street; trung tâm phim ảnh là Hollywood; thế giới của công nghệ cao chọn Silicon Valley làm điểm tựa; và đỉnh cao trí tuệ là liên minh giáo dục của các đại học Ivy League.

Niềm tin về giao ước xã hội và văn hóa cởi mở là lý do chính cho sự du nhập của các tài năng thế giới. Đất lành thì chim đậu. Sự lựa chọn môi trường Mỹ để phát huy sáng tạo và xây dựng sự nghiệp của họ là một minh chứng hữu hiệu gấp ngàn lần những khẩu hiệu rỗng tuếch hay chính sách đãi ngộ trên giấy tờ.

Như một nàng con gái đẹp, thông minh, đảm đang... nước Mỹ không thiếu những chàng trai trẻ xếp hàng cầu hôn. Ngay tại những quốc gia mà dư luận thế giới cho là có thể vượt mặt Mỹ trong vài chục năm tới như Trung Quốc, Nhật, Nga, Ấn Độ... các tài năng địa phương này đã và đang ào ạt mua vé "một chiều" qua Mỹ. Trong một nền kinh tế kiến thức, tài năng là những viên ngọc quý cho đội ngũ và Team America chắc còn nắm lợi thế cạnh tranh này trong dài hạn.

4. Thương hiệu quốc gia

Tám trong 10 thương hiệu hàng đầu của thế giới là của Mỹ. Dù Made in Japan và Germany có thể hấp dẫn khách hàng trong vài ngành nghề và công nghệ, Made in USA tiếp tục hưởng một premium (giá nâng cấp) khá cao trong suốt 100 năm qua.

Không phải thương hiệu Mỹ không có thử thách và đối thủ nặng ký. Trong thập niên 1980 và 1990, kỹ nghệ ô tô Mỹ bị lão hóa và Toyota, Honda nhảy vào vị thế hàng đầu tại Mỹ về chất lượng và doanh thu. Nhưng GM, Ford và Chrysler đã phục hồi nhanh chóng và thương hiệu Mỹ về ô tô lại chiếm thế thượng phong trên thị trường.

Trong ngành điện thoại di động, Nokia và RIM (Blackberry) đã nắm thời cơ và dẫn đầu thị trường trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, các công ty Mỹ lại sáng tạo

và thay đổi cuộc chơi với công nghệ và ứng dụng mới. Ngày nay, hệ điều hành của Apple và Google Android đã thống lĩnh thị phần.

Sự thay máu nhanh chóng của tư duy, tầm nhìn và trí tuệ Mỹ là một vũ khí rất năng động để giữ vững giá trị của thương hiệu khi đối diện với cạnh tranh.

5. Cơ chế chính trị và xã hội

Sau cùng, các tài sản mềm trên lại được quản lý bởi một cơ chế vô cùng bền vững suốt lịch sử non trẻ của Mỹ. Yếu tố chính là sự phân quyền rõ rệt của 3 bộ phận: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hiến pháp Mỹ không cho phép một bộ phận nào có thể thao túng một bộ phận khác bằng các cuộc bầu cử độc lập và tự do; cũng như việc chia quyền để các chính phủ tiểu bang và địa phương không bị sự khống chế của chính phủ liên bang (trung ương).

Cẩn thận hơn, các nhà khai sáng nền dân chủ Mỹ còn đặt tự do ngôn luận vào đệ tứ quyền (quyền lực thứ 4) để đảm bảo minh bạch và đầy đủ thông tin từ các mạng truyền thông.

Cơ chế nào cũng đều tồn tại những sai lầm hay xung đột mâu thuẫn. Tuy nhiên, nền tảng phân quyền và dân chủ tạo nên một minh bạch rất cần thiết để ngăn ngừa sai phạm. Những tranh luận tự do khắp nơi khắp lúc đem đến cho người dân một cảm nhận là họ đang tham dự vào việc điều hành đất nước và mọi quyết định quan trọng về hướng đi của chính sách công phải được sự đồng ý của họ. Cơ chế này là yếu tố quan trọng để tạo niềm tin.

Tóm lại, có thể thấy trong lịch sử cũng như hiện tại, vị thế của nước Mỹ được xây dựng không phải chủ yếu dựa trên chiến lược tài chính, sức mạnh quân sự hay thủ thuật chính trị,... Chính các tài sản mềm quý báu mới là nhân tố trọng yếu giúp quốc gia này giữ vững vị thế.

Cố Tổng thống J. F. Kennedy từng bày tỏ rõ ràng về giá trị của tài sản Mỹ: "Chúng ta phải tin là dân Mỹ đủ trí khôn để phân xét các sự kiện bất ổn, các ý tưởng ngoại lai, các triết thuyết lạ kỳ và các giá trị khác biệt. Bởi vì một quốc gia không dám để cho người dân quyền quyết đoán về sự thật và giả dối trong một môi trường tự do là một quốc gia sợ sệt ngay chính người dân của mình".

(Nguồn dẫn: <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2012-10-03-tai-san-mem-cua-nuoc-my>)

Câu hỏi:

- a. Hãy so sánh tài sản mềm của nước Mỹ và Việt Nam và nêu bình luận của bạn?
- b. Theo bạn tài sản mềm của người Việt là gì? Làm sao đất nước chúng ta có thể bảo vệ và phát huy tài sản mềm của mình?

13. Hãy đọc bài viết dưới đây và trả lời câu hỏi bên dưới:

Tư duy phản biện ở thế kỉ 21:

Đó là gì và tại sao lại liên quan đến bạn

(Anne và Charlie Kreitzberg)

Ở thế kỉ 21, chúng ta có những thay đổi thật sự trong cách sống và làm việc, cũng như trong cách tiếp nhận và đánh giá thông tin. Sự thay đổi này đồng nghĩa với việc chúng ta cần nhìn nhận một cách phản biện đối với chính tư duy phản biện, và quyết định xem liệu cách tiếp cận nào là hiệu quả nhất để ứng phó với những thách thức và cơ hội mà chúng ta đang đối mặt.

Tư duy phản biện giúp chúng ta đi đến những quyết định phù hợp. Mỗi ngày chúng ta đưa ra hàng ngàn quyết định. Phần lớn các quyết định là đơn giản, nhưng có một số quyết định lại rất ý nghĩa. Đôi khi, quyết định đó làm thay đổi cả cuộc đời. Khi không có cách nào để đoán trước điều gì có thể xảy ra không tương lai, thì điều thông minh nhất ta có thể thực hiện là đưa ra quyết định phù hợp nhất. Trong nghề nghiệp hay trong cuộc sống, những ai đưa ra quyết định tốt nhất sẽ là những người thành công nhất. Đó là lý do tại sao việc cải thiện tư duy phản biện lại trở nên quan trọng đến vậy.

Tư duy phản biện dẫn đến những quyết định phù hợp

Bạn có thể áp dụng tư duy phản biện đối với bất kì loại quyết định nào. Một vài quyết định phải mất hàng tháng và đòi hỏi phải có những phân tích phức tạp. Việc quyết định đầu tư vào một văn phòng hay phát triển một sản phẩm mới có thể khiến cả nhóm làm việc trong một thời gian dài. Nhưng những quyết định khác có thể thực hiện trong nháy mắt. Chẳng hạn, bạn nên trả lời điện thoại khi len lỏi trong dòng người tấp nập trên

đường hay liều lĩnh bỏ lỡ một cuộc gọi quan trọng? Nếu gặp một con gấu trong rừng, bạn nên đứng yên hay bỏ chạy? Quyết định sai trong những hoàn cảnh đó có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.

Tư duy phản biện cho bạn một sự nhạy bén

Dẫu bạn có 10 giây hay 10 tháng, tư duy phản biện sẽ giúp bạn đưa ra những quyết định có lợi. Khi bạn tư duy một cách phản biện, bạn sẽ thấu hiểu tình huống rõ ràng, xem xét các chứng cứ, đưa ra những kết luận tốt nhất và thực hiện hành động phù hợp. Tư duy phản biện cho bạn một sự nhạy bén trong các quyết định.

Bạn đã có nền tảng rồi

Ở một chừng mực nào đó, mỗi chúng ta đều là người tư duy phản biện. Nếu đưa cho một bé gái 5 tuổi chọn cái bánh lớn hấp dẫn và một cái nhỏ tẻ hơn, bé sẽ nhanh chóng phân tích tình hình và chọn cái tốt hơn. Khả năng phân tích tình huống và đưa ra kết luận bắt nguồn từ thời ấu thơ và càng lúc càng hiệu quả khi chúng ta trưởng thành. Khi trưởng thành, chúng ta đưa ra nhiều quyết định phù hợp. Nhưng không phải lúc nào cũng thế. Mọi người đều có khả năng tư duy phản biện, nhưng không phải ta luôn thực hiện chúng và có thể không thực hiện tốt. Bằng cách cam kết trở thành người tư duy phản biện tốt hơn và nâng cao kỹ năng tư duy phản biện, bạn sẽ thấy bản thân đưa ra quyết định phù hợp hơn. Điều này có lợi cho bạn và những người làm việc cùng bạn.

Tư duy phản biện là một phong cách sống

Để trở thành người tư duy phản biện, chúng ta phải học hỏi rất nhiều. Có quan niệm cho rằng chúng ta tiếp nhận và áp dụng trên một nền tảng vững chắc. Có kỹ năng tư duy phản biện mà không sử dụng chúng thì cũng chẳng nâng cao được thành tích của bạn. Trở thành người tư duy phản biện giỏi cũng giống như trở thành vận động viên giỏi. Tất cả chúng ta sinh ra đều có khả năng vận động, nhưng để phát triển các kỹ năng này thì cần phải học các kỹ thuật và luyện tập chúng. Các vận động viên thường giỏi nhiều môn thể thao nhưng chỉ xuất sắc ở một hoặc hai môn. Những người tư duy phản biện cũng tiếp cận hầu hết các vấn đề một cách hiệu quả nhưng chỉ xuất sắc ở những lĩnh vực chuyên biệt.

Quyết định tạo lập các kỹ năng vận động là một quyết định thể hiện phong cách sống của bạn. Để trở thành vận động viên giỏi, bạn cần có lối sống lành mạnh và năng

động. Tư duy phản biện cũng là vấn đề thuộc về lối sống. Những người tư duy phản biện tiếp cận mọi tình huống bằng cách cố gắng đánh giá chúng chính xác và đưa ra quyết định phù hợp nhất tại thời điểm đó. Tư duy phản biện còn hơn là việc thu thập các kỹ thuật – đó là quan niệm và là cách suy nghĩ.

Tư duy phản biện ở thế kỷ 21

Tư duy phản biện có một lịch sử lâu dài. Các nhà nghiên cứu thường bắt đầu với nhà triết học Hy Lạp cổ đại Socrates, người đã đặt ra những dạng câu hỏi logic. Trong 2500 năm tiếp theo, các tác giả dẫn đầu trong việc nghiên cứu về tư duy đã đưa ra nhiều ý tưởng về tư duy phản biện.

Tư duy phản biện ở thế kỷ 21 có khác gì so với tư duy phản biện trước đây không? Câu trả lời là Có và Không. Nền tảng của Tư duy phản biện – việc thu thập các chứng cứ phù hợp, tách sự thật ra khỏi các nhận định cá nhân, nhận ra các giả định (của chính bạn và của người khác) và đưa ra các kết luận chính xác – vẫn là những cách thức vững chắc để tiếp cận đến việc ra quyết định.

Nhưng ở thế kỷ 21, chúng ta có những thay đổi thật sự trong cách sống và làm việc, cũng như trong cách tiếp nhận và đánh giá thông tin. Những sự thay đổi này đồng nghĩa với việc chúng ta cần nhìn nhận một cách phản biện đối với chính tư duy phản biện và quyết định xem liệu những cách tiếp cận nào là hiệu quả nhất trong môi trường hiện tại.

Công nghệ thông tin

Một sự khác biệt rõ ràng nhất trong cách chúng ta tiếp nhận thông tin là Internet. Ai cũng có thể công bố bất cứ thứ gì và làm cho nó có giá trị đối với hầu hết mọi người trên thế giới. Việc tìm kiếm những thông tin thật sự giá trị trong vô vàn thông tin hỗn độn không phải là điều dễ dàng. Bạn không bao giờ chắc chắn rằng bạn có thể tìm thấy mọi thứ quan trọng và có liên quan. Nhiều trong số những thông tin đó là không đúng hoặc thiên vị, có thể do chủ đích của tác giả cũng có thể do sai sót. Và tệ hơn nữa, nhiều thông tin được trình bày cẩn thận để thuyết phục và đánh lừa người đọc. Internet là nguồn thông tin rộng lớn và vô giá nhưng cũng rất nguy hiểm. Vì vậy, tư duy phản biện về việc chúng ta đang sử dụng chúng như thế nào là rất quan trọng.

Toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa, một xu hướng ở thế kỉ 21, đang thay đổi cách thức kinh doanh. Hiện nay chúng ta đang bắt đầu một xã hội toàn cầu hóa thật sự. Nhiều ngành kinh doanh đã phát triển trong một kỷ nguyên mà ở đó các công ty tập trung vào một quốc gia. Ở thế kỉ 21, hoạt động quốc tế là một phần của việc kinh doanh. Các công ty đã phát triển các lĩnh vực kinh doanh “đa quốc gia”, mở rộng hoạt động sang nhiều nước hơn.

Ngày nay, ngay cả những công ty nhỏ cũng có thể hoạt động theo hướng toàn cầu. Bạn có thể tìm thấy cơ hội tốt khi làm việc với nhiều người ở đất nước khác như là những đội ảo. Làm việc xa các đồng nghiệp đòi hỏi bạn phải theo kế hoạch hơn so với khi gặp nhau thường xuyên. Làm việc trong môi trường toàn cầu hóa cũng phải xem xét các yếu tố khác như: sự khác biệt về văn hóa, giao tiếp, phong cách làm việc hay ngay cả lịch gặp. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật giúp cho việc trao đổi thông tin và hợp tác trở nên dễ dàng hơn, tiết kiệm hơn.

Năng lượng

Vấn đề thứ 3 mà chúng ta đối mặt ở thế kỉ 21 là cách sử dụng năng lượng. Trước đây, các tiến trình kinh doanh được xây dựng trên giả định nguồn dầu, khí ga và than đá là rẻ và vô hạn. Việc giảm nguồn cung và bùng phát những vấn đề liên quan đến ô nhiễm môi trường và hiện tượng nóng lên toàn cầu đang thách thức những giả định kinh tế này. Điều này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến kinh doanh? Sau đây là một ví dụ. Ngày 9/10/2007, Marketplace – một chương trình radio được sản xuất bởi American Public Media – đã tiết lộ một câu chuyện về cuộc chu du của rác Mỹ. Theo câu chuyện này, rác Mỹ đã được chuyên chở bằng đường thủy, vượt qua 7000 dặm đến Trung Quốc và được tái chế thành các hộp cát-tông. Sau đó số hộp này được đóng thành các sản phẩm tiêu dùng có xuất xứ từ Trung Quốc và được chất lên tàu, vượt 7000 dặm để rồi trở lại Mỹ (American Public Media, 2007). Có thể có người cho rằng đây là một cách tao nhã để tái chế. Nhưng nó chỉ có lợi nếu giá nguyên liệu thấp. Nếu giá dầu cao và ảnh hưởng môi trường khi vận chuyển thì có lẽ điều này chẳng còn ý nghĩa gì cả.

Chúng ta có thể làm gì lúc này

Rất khó để nhận thấy những thay đổi đối với xã hội và kinh doanh sẽ diễn ra như thế nào trong tương lai. Nhưng rõ ràng những gì chúng ta thật sự cần lúc này là tư duy

phản biện. Cách tốt nhất để phát triển trong sự thay đổi này là đặt câu hỏi với những giả định của bạn. Hãy cởi mở để nhìn thế giới theo những cách khác nhau. Hãy chắc chắn rằng bạn đang làm việc với thông tin hiện tại hơn là những niềm tin cũ. Hãy hiểu làm thế nào để đưa ra quyết định tốt, kiên nhẫn hơn nữa. Hãy cam kết hình thành thói quen tư duy phản biện.

Nguồn: www.agilecriticalthinking.com

(Người dịch: ThS. Nguyễn Thị Trường Hân)

Câu hỏi:

1. Hãy thảo luận về vai trò của tư duy phản biện đối với sự sáng tạo của con người?
2. Hãy thảo luận về những biện pháp giúp sinh viên rèn luyện và phát triển tư duy phản biện?

PHẦN 2: CÁC CÔNG CỤ SÁNG TẠO

CHƯƠNG 1: CÔNG NẪO

A. MỤC TIÊU

Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể:

- Nhận thức được ý nghĩa của phương pháp Công não trong việc phát triển các ý tưởng sáng tạo và nâng cao hiệu quả làm việc nhóm.
- Trình bày những nguyên tắc cơ bản trong phương pháp Công não.
- Thực hành các bước thực hiện Công não để phát ý tưởng trong nhóm làm việc.
- Ứng dụng phương pháp Công não trong công việc và học tập.

B. NỘI DUNG

1. CÔNG NẪO (BRAINSTORMING)

1.1. Khái quát về phương pháp Brainstorming:

Thuật ngữ **Brainstorming** (công não/động não) được đề cập đầu tiên bởi Alex Osborn vào năm 1941. Kể từ đó đến nay, Brainstorming đã được biết đến và sử dụng rộng rãi trên khắp thế giới. Phương pháp này có mục đích thu được thật nhiều ý tưởng cho việc phát ra ý tưởng bằng cách làm việc tập thể. Osborn đã mô tả công não như “Một kỹ thuật hội ý bao gồm một nhóm người nhằm tìm ra lời giải cho vấn đề đặc trưng bằng cách góp nhặt tất cả ý kiến của nhóm người đó nảy sinh trong cùng một thời gian theo một nguyên tắc nhất định”. Ngày nay, phương pháp này không nhất thiết phải cần có nhiều người mà một người cũng có thể tiến hành.

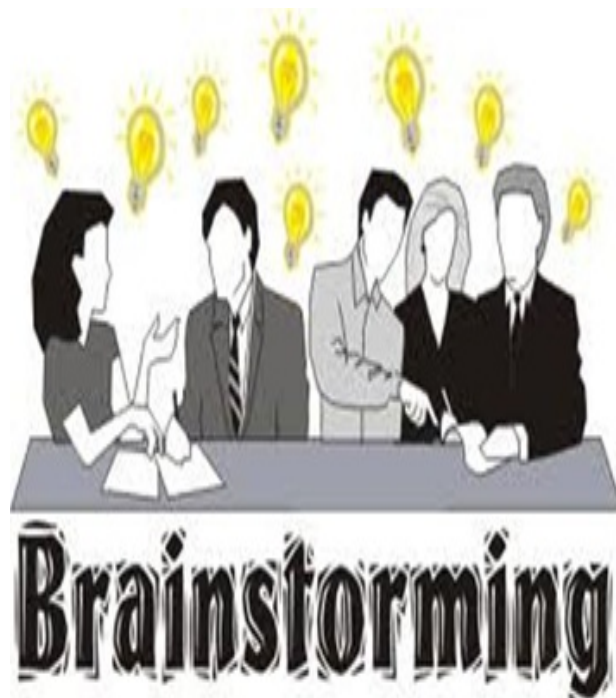
Alex Osborn nhận thấy, những người giàu trí tưởng tượng có khả năng phát nhiều ý tưởng hơn những người khác nhưng lại yếu về mặt phân tích, phê phán. Ngược lại, có những người giỏi phân tích, phê bình các ý tưởng có sẵn hơn là tự mình đề ra những ý tưởng mới. Nếu để 2 loại người này làm việc với nhau thì thường gây cản trở nhau và cản trở cho việc tìm ra lời giải cho vấn đề. Vì vậy, ông đề nghị tách thành hai quá trình riêng rẽ: phát ý tưởng và đánh giá ý tưởng, do hai nhóm người khác nhau thực hiện. Nhóm phát

ý tưởng gồm những người có trí tưởng tượng phong phú, có khả năng suy nghĩ trừu tượng, có đầu óc khái quát hóa cao... Nhóm thứ hai gồm các chuyên viên giỏi phân tích, phê bình, sẽ đánh giá những ý tưởng thu được từ nhóm thứ nhất. Phương pháp Braistorming không loại trừ những phép thử vô trật tự, trái lại, nó còn làm cho các phép thử mất trật tự hơn với hy vọng sẽ có những phép thử dẫn đến lời giải mạnh. Bằng cách này, chúng ta sẽ khắc phục phần nào tính ì tâm lý.

Brainstorming được sử dụng nhiều trong những lĩnh vực, nhiều khía cạnh của các ngành nghề. Phương pháp này được dùng để phát triển: Các chiến dịch quảng cáo, các phương pháp và chiến lược marketing, các quy trình nghiên cứu và phát triển, các tài liệu và bài viết, các kỹ thuật nghiên cứu, các sáng chế, dịch vụ, tiến trình, chính sách, phương pháp quản lý, các quyết định đầu tư, chính sách bảo hiểm, nghiên cứu khách hàng...



**Alex Osborn
(1888 – 1966)**



1.2. Các đặc điểm chính khi sử dụng phương pháp Brainstorming

Công não là một phương pháp dùng để phát triển nhiều giải đáp sáng tạo cho một vấn đề. Phương pháp này hoạt động bằng cách tập trung trên vấn đề, rút ra rất nhiều đáp án căn bản cho nó. Các ý niệm, hình ảnh về vấn đề trước hết được nêu ra một cách rất phóng khoáng và ngẫu nhiên theo dòng suy nghĩ càng nhiều càng đủ càng tốt. Chúng có thể rất rộng và sâu cũng như không giới hạn bởi các khía cạnh nhỏ nhất nhất của vấn đề.

Trong công não thì vấn đề được đào bới từ nhiều khía cạnh và nhiều cách nhìn khác nhau. Sau cùng các ý kiến sẽ được phân nhóm và đánh giá.

Phương pháp này có thể tiến hành bởi từ một đến nhiều người. Số lượng người tham gia nhiều sẽ giúp cho phương pháp tìm ra lời giải được nhanh hơn hay toàn diện hơn nhờ vào nhiều góc nhìn khác nhau bởi các trình độ, trình tự khác nhau của mỗi người. Tuy nhiên nhóm Công não lý tưởng sẽ là từ 5 đến 7 người.

Sau đây là những đặc điểm chính khi sử dụng phương pháp công não:

- Định nghĩa vấn đề một cách thật rõ ràng và phải đưa ra được các chuẩn mực cần đạt được của một lời giải.
- Tập trung vào vấn đề và tránh các ý kiến hay các điều kiện bên ngoài có thể làm lạc hướng buổi làm việc. Trong giai đoạn này, người ta thu thập tất cả các ý niệm, ý kiến và ngay cả các từ chuyên môn có liên quan trực tiếp đến vấn đề cần giải quyết (thường có thể viết lên giấy hoặc lên bảng).
- Không được phép đưa bất kỳ một bình luận hay phê phán gì về các ý kiến hay ý niệm trong lúc thu thập. Những ý tưởng thoáng qua trong đầu nếu bị các thành viên hay phê bình sẽ dễ dàng bị gạt bỏ và như thế sẽ làm mất sự tổng quan của buổi tập kích não.
- Khuyến khích tinh thần tích cực, mỗi thành viên đều cố gắng đóng góp và phát triển các ý kiến.
- Hãy đưa ra càng nhiều ý càng tốt về mọi mặt của vấn đề kể cả những ý kiến không thực tiễn hay ý kiến hoàn toàn lạ lẫm.
- Không khen thưởng cho bất cứ cá nhân nào trong nhóm, bản chất kết quả brainstorming là của toàn bộ thành viên trong nhóm.



Hình ảnh buổi Brainstorming

1.3. Các bước tiến hành Brainstorming

Trước khi tiến hành brainstorming, trong nhóm chọn ra một người trưởng nhóm để điều khiển và một người thư ký để ghi lại tất cả ý kiến. Chú ý rằng cả hai công việc có thể do cùng một người tiến hành vẫn đạt yêu cầu.

Bước 1: Xác định vấn đề hay ý kiến sẽ được thảo luận

Trong bước này phải làm cho mọi thành viên hiểu thấu đáo về đề tài sẽ được tìm hiểu và các yêu cầu cần thiết. Người trưởng nhóm cũng thiết lập các nguyên tắc cho buổi tập kích não:

- ✓ Người đứng đầu nhóm có quyền điều khiển buổi làm việc.
- ✓ Không một thành viên nào có quyền đòi hỏi hay cản trở, đánh giá, phê bình, chen ngang ý kiến hay giải đáp của thành viên khác.
- ✓ Xác minh rằng không có câu trả lời nào là sai.
- ✓ Thu thập lại tất cả câu trả lời ngoại trừ nó đã được lặp lại.
- ✓ Hoạch định thời gian cho buổi làm việc và ngưng khi hết giờ.

Bước 2: Bắt đầu tập kích não

Trong bước này người điều khiển chỉ định hay lựa chọn thành viên chia sẻ ý kiến trả lời hay những ý tưởng rời rạc.

- ✓ Người thư ký viết xuống tất cả các câu trả lời, nếu có thể công khai hóa cho mọi người thấy bằng cách viết lên bảng, hay trên trình chiếu.
- ✓ Việc phát biểu ý tưởng cần tiến hành một cách tự do, thoải mái, hoàn toàn không có bất kỳ một sự hạn chế hay giới hạn nào về nội dung ý tưởng được đưa ra. Khi phát biểu ý tưởng, các thành viên không cần phải chứng minh tính chất đúng đắn của ý tưởng mà mình đưa ra, cũng không cần phải chứng minh ý tưởng có thực hiện được không hoặc thực hiện như thế nào. Nói cách khác, ở đây có sự tự do tư tưởng tuyệt đối, các thành viên trong nhóm ý tưởng suy nghĩ theo phương châm: “chuyện gì cũng có thể xảy ra, không có gì là không thể”.
- ✓ Không cho phép bất kỳ một ý kiến đánh giá hay bình luận nào về bất kỳ câu trả lời nào cho đến khi chấm dứt buổi thảo luận.

✓ Cần tạo không khí thân thiện giữa những người tham gia. Đặc biệt cần khuyến khích việc ý tưởng của một người đưa ra được những người khác phát triển tiếp theo. Nói

chung, không khí thân thiện cần có trước, trong và sau buổi thảo luận.



Sử dụng bảng và giấy ghi lại các ý tưởng

Bước 3: Tổng hợp ý tưởng

Sau khi kết thúc tập kích, hãy lướt lại tất cả và bắt đầu đánh giá các câu trả lời.

Một số lưu ý về chất lượng câu trả lời bao gồm:

- ✓ Tìm những câu ý trùng lặp hay tương tự.
- ✓ Nhóm các câu trả lời có sự tương tự hay tương đồng về nguyên tắc, nguyên lý.
- ✓ Xóa bỏ những ý kiến hoàn toàn không thích hợp.
- ✓ Sau khi đã cô lập được danh sách các ý kiến, hãy bàn cãi thêm về câu trả lời chung.

Trong khi phân tích, phê phán, các chuyên viên phải hết sức chú ý và suy nghĩ cẩn thận từng ý tưởng, bao gồm cả những ý tưởng thấy không nghiêm chỉnh hoặc phi lý. Những ý tưởng kiểu này thường được xem là ý tưởng đột phá. Khi đánh giá ý tưởng phải trả lời câu hỏi tại sao ý tưởng đó tồi và cho điểm theo thang điểm 10. Nếu các điểm của các chuyên viên quá chênh lệch đối với một ý tưởng nào đó thì phải làm rõ nguyên nhân chênh lệch. Có những trường hợp, sau khi làm rõ, ý tưởng có điểm chênh lệch lại là ý tưởng có triển vọng.

1.4. Một số lưu ý để tổ chức Brainstorming hiệu quả

Để thực hiện Braistorming hiệu quả chúng ta cần lưu ý những vấn đề sau:

- Về dụng cụ: tốt nhất là dùng các bảng hoặc giấy khổ lớn để mọi người dễ đọc các ý kiến, hoặc có thể thay thế bằng giấy viết. Ngoài ra, có thể sử dụng máy tính kết nối mạng để tiến hành công việc.

- Để thực hiện Brainstorming hiệu quả, bạn phải có một tâm trạng thoải mái để sáng suốt nghĩ ra nhiều ý tưởng hay.

- Đối với một đề tài lớn hay hay có vai trò thiết yếu thì thường sẽ tổ chức vài buổi công việc.

- Trong các buổi làm việc đòi hỏi độ tập trung cao, dài hơn 1 giờ thì cần xen vào khoảng 5-10 phút giải lao cho mỗi giờ.

- Không có câu trả lời nào là sai trong quá trình Brainstorming.

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu, *Hành trình đi tìm ý tưởng sáng tạo*, NXB Đại học Sư phạm TP HCM, 2010
2. Phan Dũng, *Phương pháp luận tư duy sáng tạo*, NXB TP HCM, 1998
3. Michael Michalko, *Đột phá sức sáng tạo*, Alphabooks, 2007
4. Phạm Thành Nghị, *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012

D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN

*** CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Hãy cho biết những đặc điểm nổi bật của phương pháp Công việc?
2. Trình bày các bước tiến hành phương pháp Công việc?
3. Theo bạn, vì sao nói khi sử dụng phương pháp Công việc, hiệu quả làm việc nhóm sẽ được nâng cao?

*** BÀI TẬP, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN**

4. Hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi theo hướng dẫn:

Bình quản lý một nhóm thợ chuyên sửa chữa máy tính xách tay. Anh tâm sự các vấn đề của mình với một người bạn khi cùng nhau uống bia sau giờ làm việc:

“Công việc ngày càng chất đông lên và tôi bắt đầu cảm thấy stress. Tôi phải chia nhóm của mình ra cho việc sửa chữa những sai sót từ khâu lắp ráp và các hỏng hóc do khách hàng trả lại sản phẩm. Ông sếp cứ liên tục bảo tôi rằng: Ông khách hàng này hay bà khách hàng kia than phiền về công việc sửa chữa chậm chạp nhưng không cho tôi tuyển thêm nhân công. Ông chỉ bảo rằng tôi cần sắp xếp công việc hợp lý hơn. Bên lắp ráp chuyển cho chúng tôi ngày càng nhiều sản phẩm hư do quá trình lắp ráp và cũng luôn hối thúc chúng tôi. Mọi người đều mệt mỏi. Tôi cũng mệt mỏi. Và chúng tôi ngày càng cảm thấy khó đương đầu với tất cả những chuyện như thế này”

Yêu cầu

- a. Hãy sử dụng phương pháp Brainstorming theo nhóm để đưa ra tất cả các giải pháp giúp Bình giải quyết việc trên.
- b. Sau đó hãy đánh giá các giải pháp và chọn 3 giải pháp? Giải thích lí do.

5. Phòng khuyến mãi của công ty Mobi –F đang cần một ý tưởng cho một chương trình khuyến mãi mới. Mobi F là một công ty chuyên cung cấp dịch vụ mạng điện thoại di động viễn thông. Sản phẩm chủ yếu là các thẻ cào để nạp tiền điện thoại. Từ trước đến nay các chương trình khuyến mãi của công ty lẫn các đối thủ đều tập trung vào một hoạt động giống nhau:

- Tặng % số tiền nạp tài khoản (ví dụ như mua thẻ cào 100 ngàn thì được tặng thêm 50 ngàn)
- Giảm giá cước giờ gọi những giờ thấp điểm

Yêu cầu:

Nhóm bạn hãy sử dụng phương pháp Brainstorming để đưa ra tất cả các ý tưởng cho chương trình khuyến mãi khác hấp dẫn hơn cách đã từng làm.

6. Hãy áp dụng phương pháp Brainstorming để tìm những ý tưởng cho các vấn đề sau:

- a. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong cuộc sống
- b. Làm thế nào để xây dựng một nhóm làm việc hiệu quả
- c. Các công dụng của một chiếc que diêm
- d. Các công dụng của một tờ giấy
- e. $1 + 1 = ?$

CHƯƠNG 2: SƠ ĐỒ TƯ DUY

A. MỤC TIÊU

Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể:

- Hiểu được ý nghĩa của sơ đồ tư duy trong việc phát huy sức mạnh sáng tạo của bộ não.
- Biết cách vẽ sơ đồ tư duy trên giấy hoặc bằng phần mềm máy tính.
- Biết cách ứng dụng sơ đồ tư duy trong học tập, công việc và kinh doanh sau này.
- Có thói quen sử dụng sơ đồ tư duy để phát huy sáng tạo và nâng cao hiệu quả làm việc trong học tập và công việc.

B. NỘI DUNG

2.1. Lịch sử phát triển của sơ đồ tư duy

Một trong những công cụ để học tập và làm việc hiệu quả, đó là sơ đồ tư duy (*Mindmap*) do tác giả Tony Buzan, người Anh, tìm ra từ những năm 1970. Tony Buzan sinh năm 1942 tại Luân Đôn (Anh), là cha đẻ của phương pháp tư duy bằng sơ đồ tư duy. Tony Buzan từng nhận bằng danh dự về Tâm lý học, văn chương Anh, Toán học và nhiều môn khoa học tự nhiên của trường Đại học British Columbia năm 1964. Ông là người phát triển sơ đồ tư duy và mang nó tiếp cận đến nhiều lĩnh vực của cuộc sống, nhằm gia tăng năng suất làm việc, giúp chúng ta tư duy sáng tạo và hiệu quả hơn.

Ông cũng là một diễn giả có đẳng cấp quốc tế và giữ vai trò tư vấn cho nhiều tập đoàn đa quốc gia. Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch Quỹ nghiên cứu về Não bộ (Brain Foundation), nhà sáng lập Tổ chức Brain Trust và các giải Vô địch Thế giới về Trí nhớ và Tư duy.



Tác giả Mindmap Tony Buzan

Ngoài ra, Tony Buzan còn được biết đến với tư cách là tác giả của 92 đầu sách, được dịch ra trên 30 thứ tiếng, xuất bản tại trên 125 quốc gia. Tony Buzan được biết đến nhiều nhất qua cuốn *Use your head*. Trong đó, ông trình bày cách thức ghi nhớ tự nhiên của não bộ cùng với các phương pháp Mind Map. Ngoài ra, ông còn có một số sách nổi tiếng khác như : *Use your memory*, *Mind Map Book*, *Mindmap at work*.

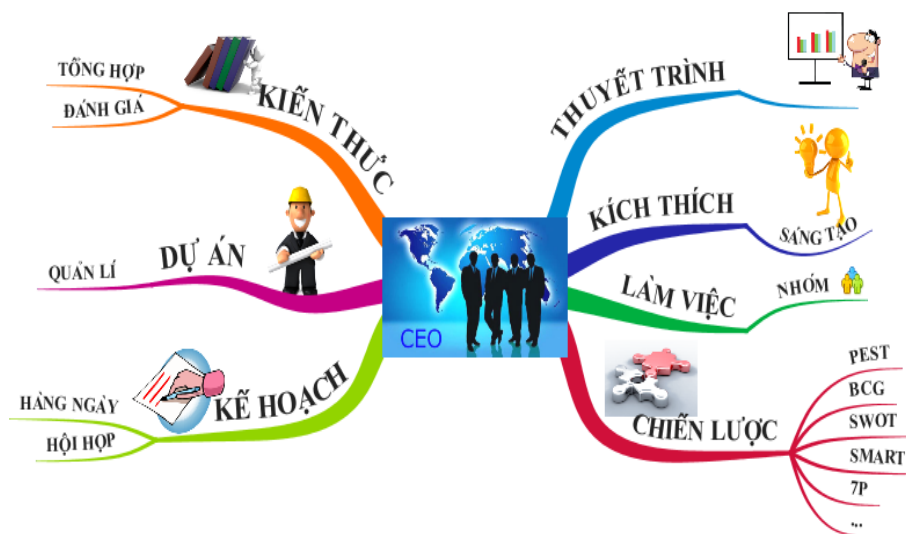
Nhìn chung, các công trình nghiên cứu của Tony Buzan tập trung vào việc nhận biết nhiệm vụ và tiềm năng của bộ não, từ đó định ra phương pháp suy nghĩ, học tập nhằm không ngừng cải thiện não bộ, giúp chúng ta thông minh hơn, hiệu quả hơn trong cuộc sống và trong công việc.

Ngày nay, sơ đồ tư duy đã trở thành công cụ học tập và làm việc hiệu quả của hàng triệu người trên thế giới. Một điều đáng nói ở đây là, mọi người đều có khả năng lĩnh hội và sử dụng thành công sơ đồ tư duy.

Vào năm 1975, các tác giả Joyce Wycoff, Michael J. Gelb và Barry Buzan... đã cộng tác cùng Tony Buzan. Các tác giả trên đã cùng nhau tiếp tục phát triển và tìm cách ứng dụng, để sơ đồ tư duy ngày càng trở thành một công cụ đặc biệt hữu ích, nhằm:

- Quản lý các kế hoạch công việc một cách hiệu quả.
- Động não để nảy sinh nhiều ý tưởng mới.
- Thảo luận khi làm việc đồng đội.
- Công cụ để giải quyết vấn đề và ra quyết định.
- Lập dàn ý để viết một quyển sách.

- Nâng cao kỹ năng học tập.
- Phát triển khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân...

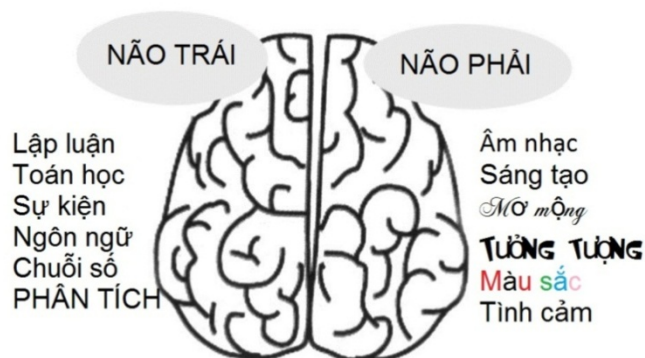


Hình ảnh một sơ đồ tư duy

Ngày nay, phương pháp của Tony Buzan đã trở nên nổi tiếng khắp thế giới. Bản thân ông đã đi diễn thuyết khắp nơi để phổ biến phương pháp của mình. Với tính ứng dụng thực tế cao, phương pháp của Tony Buzan đã được đông đảo sinh viên, người lao động và mọi người đón nhận.

2.2. Sơ đồ tư duy và hoạt động não bộ

Nghiên cứu về hoạt động của bộ não con người, chúng ta thấy rằng bộ não hoạt động gồm hai bán cầu: Bán cầu não phải nhạy cảm với các thông tin về màu sắc, nhịp điệu, hình dạng, tưởng tượng... sẽ tác động kích thích não trái. Trong khi đó, bán cầu não trái thích hợp với các từ ngữ, con số, tư duy, phân tích... cho ra sản phẩm.

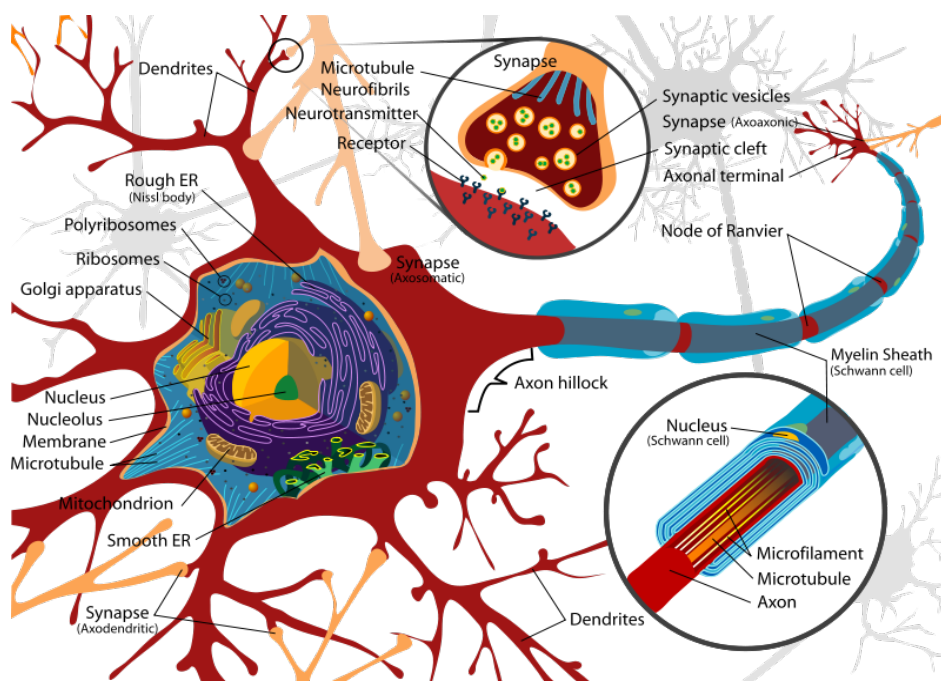


Cách thức hoạt động của hai bán cầu não

Chúng ta có thói quen ghi chép thông tin bằng các ký tự, đường thẳng, con số. Với cách ghi chép này, chúng ta mới chỉ sử dụng một nửa của bộ não – bán cầu não trái, mà chưa vận dụng hết bán cầu não phải, nơi giúp chúng ta xử lý các thông tin về nhịp điệu, màu sắc, không gian và sự mơ mộng. Hay nói cách khác, chúng ta mới chỉ đang sử dụng khoảng một nửa khả năng của bộ não khi ghi nhận thông tin mà thôi. Và với cách thức đó chúng ta khó nhìn được tổng thể của cả vấn đề.

Sơ đồ tư duy là phương pháp kết nối mang tính đồ họa có tác dụng lưu giữ, sắp xếp và xác lập ưu tiên đối với mỗi loại thông tin (thường là trên giấy) bằng cách sử dụng từ hay hình ảnh then chốt (từ khóa) hoặc gợi nhớ nhằm ghi nhớ những ký ức cụ thể và phát sinh các ý tưởng mới. Mỗi chi tiết gợi nhớ trong sơ đồ tư duy là chìa khóa khai mở các sự kiện, ý tưởng và thông tin, đồng thời khơi nguồn tiềm năng của bộ não kỳ diệu.

Bí quyết hiệu quả của sơ đồ tư duy nằm ở dạng linh hoạt của nó. Sơ đồ tư duy được vẽ dưới dạng một tế bào não và có công dụng kích thích não làm việc nhanh chóng, hiệu quả một cách tự nhiên.



Hình ảnh của một Noron thần kinh giống như Mindmap

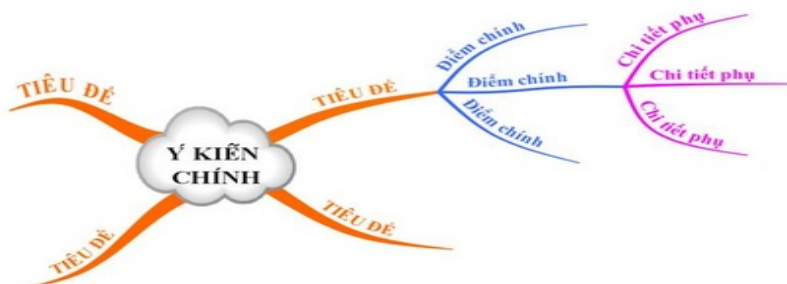
2.3. Cách vẽ sơ đồ tư duy

Để vẽ một sơ đồ tư duy, bạn cần bắt đầu bằng một chủ đề ở trung tâm của một tờ giấy. Ở đây, lý tưởng nhất là bạn sử dụng một hình ảnh sống động để thể hiện chủ đề của bạn. Tại sao lại phải dùng hình ảnh. Vì một hình ảnh có thể diễn đạt được cả ngàn từ và giúp bạn sử dụng trí tưởng tượng của mình. Một hình ảnh ở trung tâm sẽ giúp chúng ta tập trung được vào chủ đề. Ngoài hình ảnh này ra, bạn cũng có thể bổ sung từ ngữ cho chủ đề ở trung tâm.

Sau đó, bạn có thể sử dụng những màu sắc mà mình thích để vẽ các nhánh thể hiện những ý lớn kết nối với chủ đề ở trung tâm. Các nhánh phụ thể hiện các ý nhỏ hơn sẽ được kết nối với các ý lớn ở các nhánh lớn. Các nhánh phụ phải thể hiện các mối liên hệ có thật với nhánh chính. Từ các nhánh phụ này, bạn tiếp tục xác định những nhánh phụ khác ở cấp độ nhỏ hơn, và cứ như vậy cho đến khi không tìm thấy mối liên hệ trực tiếp nào nữa. Điều này giống cây xanh trong thiên nhiên với các nhánh tỏa ra từ thân của nó.

Trên mỗi nhánh của sơ đồ tư duy thường có từ khóa và hình ảnh đi kèm. Các từ khóa ngắn gọn này được viết dọc theo các nhánh, vừa có tác dụng gợi nhớ nhanh chóng, vừa khơi dậy ở bạn những ý tưởng mới, những suy nghĩ mới... Khi chúng ta nối các đường với nhau, bạn sẽ hiểu và nhớ nhiều thứ hơn rất nhiều do bộ não của chúng ta làm việc bằng sự liên tưởng. Nên dùng các đường cong thay vì các đường thẳng vì các đường cong được tổ chức rõ ràng sẽ thu hút được sự chú ý của mắt hơn rất nhiều. Mỗi khi bạn xem lại sơ đồ tư duy mà mình đã vẽ, não bộ của bạn sẽ được kích thích làm việc để nối kết những kiến thức, thông tin, nâng cao khả năng gợi nhớ và gia tăng trí nhớ của bạn.

CẤU TRÚC BẢN ĐỒ TƯ DUY ĐIỂN HÌNH



Tóm lại, để vẽ sơ đồ tư duy trên giấy, bạn hãy đi theo 4 bước dưới đây và bạn sẽ nhận ra rằng Sơ đồ tư duy cũng không có gì to tát và khó khăn cả. Bốn bước đó là :

Chuẩn bị :

- Tối thiểu 03 cây bút màu khác nhau (có thể là bút lông kim)
- Ý tưởng chủ đề trung tâm

Vẽ chủ đề trung tâm :

Chủ đề trung tâm là vấn đề chính bạn đang quan tâm tới. Hãy vẽ một hình ảnh liên quan tới chủ đề này. Nếu được, hãy cho thêm Chữ trong hình ảnh đó.

Các nhánh chính :

- Các nhánh chính là các ý tưởng dựa trên chủ đề trung tâm. Nó có thể là luận điểm, hoặc các chủ đề con liên quan tới chủ đề chính. Vẽ theo cách nào đó bạn ưng ý nhất, đừng nghĩ tới nguyên tắc gì cả.
- Trên các nhánh chính này là các Từ Khóa ngắn gọn và mang tính chất gợi ý. Hãy vẽ thêm hình ảnh gì đó mang tính minh họa.

Các nhánh thứ cấp :

Đây là các nhánh được vẽ ra từ nhánh chính. Nó bổ sung ý cho nhánh chính. Bạn có thể vẽ thêm bao nhiêu nhánh thứ cấp đều được, miễn không gian trên giấy vẽ của bạn cho phép. Tương tự như nhánh chính, các chữ trên nhánh thứ cấp cũng là các từ khóa mang tính gợi nhớ. Và hãy cho thêm hình ảnh vào để thêm phần sinh động.

2.4. Ứng dụng của sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy được mệnh danh "*công cụ vạn năng cho bộ não*", là phương pháp ghi chú đầy sáng tạo, hiện đang được hơn 250 triệu người trên thế giới sử dụng, đã và đang đem lại những hiệu quả thực sự đáng kinh ngạc, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và kinh doanh.

Sơ đồ tư duy là một phương tiện ghi chép đầy sáng tạo và rất hiệu quả theo đúng nghĩa của nó, “sắp xếp” ý tưởng của bạn. Bạn hãy hình dung hình ảnh của một con bạch tuộc có thân ở giữa và những chiếc tua xung quanh. Những chiếc tua này kiếm mồi nuôi sống toàn bộ cơ thể bạch tuộc. Sơ đồ tư duy gồm một chủ đề đặt ở trung tâm và các nhánh ý tưởng tỏa ra xung quanh. Một sơ đồ tư duy cho phép chúng ta thoải sức vạch ra các ý tưởng, suy nghĩ đầy đủ trước khi đi đến một quyết định. Nếu cần xây dựng một kế hoạch

làm việc, phân tích một vấn đề v.v... thì sơ đồ tư duy mang đến những giá trị lớn hơn nhiều việc bạn đặt bút viết tuần tự từ đầu đến cuối trang giấy.

Với sơ đồ tư duy, chúng ta có thể tìm ra gần như vô hạn số lượng các ý tưởng và cùng một lúc sắp xếp lại các ý đó bên cạnh những ý có liên quan. Điều này khiến cho sơ đồ tư duy trở thành một công cụ hiệu quả trong việc soạn các bài viết, khi mà những ý tưởng cần phải được ghi lại thật nhanh. Sau đó, tùy theo các từ khóa hoặc ý chính mà các câu văn hay đoạn văn sẽ được triển khai rộng ra.

Sơ đồ tư duy được hiểu là một cách thức ghi chép theo mạch tư duy của mỗi người, bằng việc kết hợp nét vẽ, màu sắc và chữ viết, được vẽ ra theo mạch tư duy của mỗi người. Do đó, mỗi người khác nhau có thể vẽ theo một kiểu khác nhau, dùng màu sắc, hình ảnh, các cụm từ diễn đạt khác nhau. Cùng một nội dung, nhưng mỗi người có thể “thể hiện” nó dưới dạng sơ đồ tư duy theo một cách riêng của mình, nên việc lập bản đồ tư duy phát huy được tối đa khả năng sáng tạo của riêng mỗi người.

2.4.1. Ứng dụng sơ đồ tư duy trong học tập

Để học tốt, sơ đồ tư duy có thể giúp ta :

- Ghi nhớ kiến thức
- Sự sáng tạo và liên kết kiến thức để có thể suy nghĩ hướng đi các bài tập khó
- Tập trung vào nội dung hoặc đối tượng chính của bài học

Sơ đồ tư duy sẽ bắt đầu với hình ảnh trung tâm (nội dung chính/ đối tượng chính) ở giữa sơ đồ. Từ hình ảnh trung tâm ta mọc lên các nhánh chính để làm rõ ý cho hình ảnh trung tâm. Từ các nhánh chính sẽ mọc lên các nhánh cấp 1 để làm rõ cho các nhánh chính. Dần dần sẽ mọc lên các nhánh cấp 2, cấp 3

Hình ảnh trung tâm ở giữa sơ đồ và kết cấu các nhánh mọc ra từ hình ảnh trung tâm giúp cho các ý tưởng, kiến thức... đều tập trung vào trung tâm. Với việc sử dụng nhiều màu sắc, các nhánh đường cong, các nhánh mọc một cách ngẫu nhiên từ bất cứ đâu cho phép bạn thoát khỏi sự “buồn ngủ”. Phương pháp học tập truyền thống có chữ viết theo hàng, các ý phát triển tuần tự nhau thường khiến người học mệt mỏi và buồn ngủ. Giữa các nhánh sơ đồ, ta có thể dễ dàng vẽ đường liên kết để kết nối các nhánh với nhau, phục vụ cho việc liên kết kiến thức/ ý tưởng một cách dễ dàng và vui vẻ. Tất cả những điều trên khiến bạn cảm thấy việc học sẽ trở nên thú vị, vui vẻ và hiệu quả.

Học sinh thường xuyên tự lập sơ đồ tư duy còn phát triển được năng lực thẩm mỹ do việc vẽ sơ đồ tư duy đòi hỏi phải biết bố cục màu sắc, các đường nét, các nhánh sao cho đẹp, sắp xếp các ý tưởng khoa học, súc tích.

Sơ đồ tư duy còn tỏ ra rất hữu ích trong việc đọc sách, thay vì chỉ đơn thuần đọc như lâu nay, việc dùng sơ đồ tư duy trong khi đọc, mỗi lần nảy ra được vài ý hay hoặc ý quan trọng, thì bạn chỉ việc thêm chúng vào đúng vị trí trong sơ đồ của mình.

Sau khi đọc xong cuốn sách, bạn sẽ có được một « bức tranh tổng thể » về tất cả những điểm hay và mấu chốt của cuốn sách đã đọc. Bạn có thể ghi chú thêm vào nhiều ý tưởng bất chợt nảy ra trong lúc đọc. Điều này sẽ làm gia tăng chất lượng hấp thụ kiến thức từ cuốn sách.

Hơn thế nữa, bạn còn có thể dùng sơ đồ tư duy để tóm tắt lại một cuốn sách đã đọc. Việc ghi chép hoặc tóm tắt một cuốn sách bằng sơ đồ tư duy sẽ khác hẳn so với cách bạn ghi chép thông thường theo thứ tự từng trang như lâu nay! Bản thân tôi vẫn thường dùng cách này. Kết quả trên thực tế cho thấy, việc đọc sách và tự học của bản thân cũng trở nên hiệu quả hơn rất nhiều!

Tuy nhiên, công cụ sơ đồ tư duy không chỉ được sử dụng trong việc ghi chép và ghi nhớ, mà nó còn là công cụ hữu ích cho bạn trong việc lập dàn ý để viết bài luận, viết các loại báo cáo, hay lập dàn ý cho bài thuyết trình. Ngoài ra, sơ đồ tư duy còn tỏ ra đặc biệt hữu ích khi bạn cần tập trung suy nghĩ thấu đáo về một vấn đề nào đó, bằng cách ghi lại mọi suy nghĩ, ý tưởng của mình chỉ trên một trang giấy. Thường xuyên sử dụng sơ đồ tư duy khi làm việc nhóm và hệ thống kiến thức đã học trong các môn học ở trường, đặc biệt là khi ôn tập cho các kỳ thi. Sơ đồ tư duy cũng giúp các bạn sinh viên và các thầy cô tiết kiệm thời gian làm việc ở nhà và trên lớp rất nhiều với các phần mềm sơ đồ tư duy trên máy mà các bạn có thể làm tại nhà và gửi email cho các thầy cô chấm chữa trước khi lên lớp.

2.4.2. Ứng dụng sơ đồ tư duy trong học nhóm

Thực tế cho thấy, trong quá trình thảo luận nhóm, có rất nhiều ý kiến trong khi đó mỗi người luôn giữ chính kiến của mình, không hướng vào mục tiêu đã đề ra dẫn đến không rút ra được kết luận cuối cùng. Sử dụng sơ đồ tư duy sẽ khắc phục được những hạn chế đó, bởi sơ đồ tư duy tạo nên sự đồng thuận trong nhóm. Các thành viên đều suy nghĩ

tập trung vào một vấn đề chung cần giải quyết, tránh được hiện tượng lan man, đi lạc khỏi chủ đề.

Sơ đồ tư duy chính là một bức tranh tổng thể về chủ đề đang hướng tới để mỗi cá nhân có thể hiểu được bức tranh đó, nắm bắt được diễn biến của quá trình tư duy theo nhóm đang diễn ra đến đâu, đang ở nhánh nào của sơ đồ tư duy và tổng quan toàn bộ kết quả của nhóm ra sao. Điều này giúp tiết kiệm thời gian làm việc trong nhóm do, các thành viên không mất thời gian giải thích ý tưởng của mình thuộc ý lớn nào.

Không những vậy, sơ đồ tư duy tạo cơ hội cho các thành viên trong nhóm cùng đóng góp ý kiến, tôn trọng ý kiến của nhau vì các ý kiến đều được thể hiện trên sơ đồ tư duy. Sơ đồ tư duy là một công cụ tư duy thực sự hiệu quả bởi nó tối đa hoá được nguồn lực của cá nhân và tập thể. Mỗi thành viên đều rèn luyện được khả năng tư duy, kỹ năng thuyết trình và làm việc khoa học. Sử dụng sơ đồ tư duy giúp cho các thành viên hiểu được nội dung bài học một cách rõ ràng và hệ thống. Việc ghi nhớ cũng như vận dụng cũng sẽ tốt hơn. Chỉ cần nhìn vào sơ đồ tư duy, bất kỳ thành viên nào của nhóm cũng có thể thuyết trình được nội dung bài học.

Sơ đồ tư duy cung cấp cho ta cái nhìn chi tiết và cụ thể. Khi mọi người tập trung vào chủ đề ở giữa thì bộ não của mỗi thành viên đều hướng tới trọng tâm tạo nên sự đồng thuận tập thể, cùng hướng tới một mục tiêu chung và định hướng được kết quả. Các nhánh chính của sơ đồ tư duy đưa ra cấu trúc tổng thể giúp các thành viên định hướng tư duy một cách logic. Bên cạnh đó, các nhánh phụ kích thích tính sáng tạo đồng thời hiểu được tư duy cũng như sự tích cực của mỗi thành viên.

Như vậy sử dụng sơ đồ tư duy trong học nhóm đã phát huy được tính sáng tạo, tối đa hoá khả năng của mỗi cá nhân đồng thời kết hợp sức mạnh cá nhân thành sức mạnh tập thể để có thể giải quyết được các vấn đề một cách hiệu quả. Sơ đồ tư duy tạo cho mỗi thành viên cơ hội được giao lưu học hỏi và phát triển chính mình một cách hoàn thiện hơn.

2.4.3. Ứng dụng sơ đồ tư duy trong công việc

Trong cuốn “**Sơ đồ Tư duy trong Kinh doanh**”, Tony Buzan cùng Chris Griffiths - đồng sáng lập và giám đốc điều hành công ty Buzan Online - sẽ hướng dẫn các bạn cách phát triển những khả năng siêu việt trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh quan trọng - từ

quản lý dự án, bán hàng, đến thuật lãnh đạo,... Sơ đồ Tư duy là công cụ sáng tạo, tổ chức và tư duy hiệu quả nhất trong thời đại chúng ta. Nó sẽ cải thiện đáng kể mọi khía cạnh trong hoạt động kinh doanh của bạn.

Trong phần này, khi bàn về ứng dụng của sơ đồ tư duy, bạn sẽ thấy sơ đồ tư duy sẽ giải phóng bạn khỏi lối mòn tư duy trong cách làm việc và giúp bạn giải quyết vấn đề, tiết kiệm thời gian, sáng tạo hơn, làm sáng tỏ mọi tình huống, lên kế hoạch đúng, giao tiếp tốt, có cái nhìn tổng thể trong mọi tình huống, nhớ lâu, tổ chức tốt công việc .v.v.

Được áp dụng cho bất kỳ mục tiêu hay vấn đề kinh doanh nào, Sơ đồ Tư duy sẽ giúp bạn:

- Suy nghĩ rõ ràng, sáng tạo, độc đáo
- Tự tin đưa ra quyết định dứt khoát
- Thuyết phục, thương lượng, trình bày hiệu quả
- Xây dựng các chiến lược, kế hoạch chặt chẽ và có khả năng sinh lợi cao

Nói chung, sơ đồ tư duy sẽ giúp bạn khai mở những khả năng sáng tạo và trở thành người xuất sắc nhất trong những người xuất sắc.

Sử dụng sơ đồ tư duy để lập kế hoạch

Khi bạn cần lập kế hoạch, sơ đồ tư duy giúp bạn có được tất cả các thông tin liên quan vào một nơi và tổ chức nó một cách thật đơn giản. Tất cả các loại kế hoạch từ việc viết một bức thư cho đến một kịch bản, một cuốn sách, hoặc lập kế hoạch cho một cuộc họp, một ngày nghỉ.

Chẳng hạn, ngay lúc này đây, bạn muốn lập sơ đồ tư duy cho một tuần làm việc của mình. Sử dụng sơ đồ tư duy cho phép bạn thoải sức vạch ra các ý tưởng, suy nghĩ đầy đủ hơn so với việc bạn đặt bút viết tuần tự từ đầu đến cuối trang giấy. Trước tiên, bạn hãy vẽ chủ đề trung tâm « kế hoạch làm việc cho tuần sau » vào giữa trang giấy trắng. Từ chủ đề bạn vẽ bảy nhánh lớn là thứ 2, thứ 3...cho đến chủ nhật, mỗi nhánh một màu. Rồi từ mỗi thứ, bạn lại vẽ các nhánh nhỏ là các công việc bạn định làm trong thứ đó, mỗi công việc lại triển khai ra các ý chi tiết hơn như bạn định làm việc đó với ai (*Who*), ở đâu (*Where*), bao giờ (*When*), bằng cách nào (*How*)... Cứ như vậy bạn sẽ có được trên cùng một trang giấy các công việc bạn định làm trong một tuần và cái hay của sơ đồ tư duy là ở chỗ nó giúp bạn có cái nhìn tổng thể, không bỏ sót các ý tưởng; từ đó bạn có thể dễ dàng

đánh số thứ tự ưu tiên các công việc trong tuần để sắp xếp và quản lý thời gian một cách hiệu quả và hợp lý hơn so với một quyển sổ liệt kê các công việc thông thường.

Sử dụng sơ đồ tư duy để giải quyết vấn đề

Khi bạn gặp trở ngại với một vấn đề, sơ đồ tư duy là một công cụ có thể giúp bạn nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện, và làm thế nào để liên kết các ý tưởng với nhau. Nó cũng giúp các thành viên trong nhóm của bạn cùng động não, tìm giải pháp tối ưu cho vấn đề đang giải quyết.

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tony Buzan, *Sức mạnh của trí tuệ sáng tạo*, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2013.
2. Tony Buzan, *10 cách đánh thức tư duy sáng tạo*, NXB Từ điển Bách khoa, 2007.
3. Tony Buzan, *Hướng dẫn sử dụng Bản đồ tư duy*, NXB Từ điển Bách khoa, 2007
4. Joyce Wycoff, *Ứng dụng bản đồ tư duy*, NXB Lao động và Xã hội, 2008
5. Michael Michalko, *Đột phá sức sáng tạo - Bí mật của những thiên tài sáng tạo*, NXB Tri thức, 2006
6. Huỳnh Văn Sơn, *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, NXB GD, 2009
7. Huỳnh Văn Sơn - Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu, *Hành trình đi tìm ý tưởng sáng tạo*, NXB Đại học Sư phạm TPHCM, 2010

D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN

*** CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Trình bày những điểm cần lưu ý khi vẽ Sơ đồ tư duy trên giấy?
2. Hãy nêu những lưu ý khi sử dụng sơ đồ tư duy làm công cụ hỗ trợ thuyết trình trong kinh doanh hoặc bán hàng?
3. Thảo luận về ưu và nhược điểm của Sơ đồ tư duy?
4. Thảo luận về những ứng dụng của Sơ đồ tư duy trong học tập và công việc?

*** BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN**

5. Tìm kiếm một phần mềm vẽ bản đồ tư duy và thực hành cách vẽ một bản đồ tư duy trên máy tính của bạn.
6. Sử dụng Mindmap cho các chủ đề sau:

- a. Ôn tập một chương trong môn học chuyên ngành của bạn.
- b. Lập kế hoạch cho tuần làm việc của bạn.
- c. Giải quyết một vấn đề khó khăn mà bạn đang gặp trong công việc hoặc kinh doanh.
- d. Giới thiệu về nhóm học tập hoặc doanh nghiệp của bạn.
- e. Phát triển một kế hoạch kinh doanh cụ thể.
- f. Tóm tắt toàn bộ tài liệu này.

CHƯƠNG 3: SCAMPER

A. MỤC TIÊU

Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể:

- Nhận thức được ý nghĩa của phương pháp SCAMPER trong việc phát triển các ý tưởng sáng tạo.
- Trình bày những nguyên tắc cơ bản trong phương pháp SCAMPER.
- Thực hành các bước thực hiện SCAMPER để phát ý tưởng.

B. NỘI DUNG

3.1. Khái quát chung về SCAMPER

SCAMPER là tên được cấu tạo từ những chữ đầu của một nhóm từ tiếng Anh (Substitute, Combine, Adapt, Magnify/Modify, Put to other uses, Eliminate, Rearrange/Reverse) do **Robert F. Eberle** xây dựng. Ông là một nhà quản lý giáo dục nghiên cứu về sự sáng tạo của giáo viên và học sinh. Cuốn sách nổi tiếng nhất của ông về tư duy sáng tạo là SCAMPER và đã được sử dụng rất rộng rãi.



Tác giả SCAMPER – **Robert F. Eberle**

SCAMPER là phương pháp tư duy sáng tạo nhằm cải thiện sản phẩm, quy trình, dịch vụ... đã có hay dự tính phát triển, dựa vào kỹ thuật công não để tìm ra nhiều phương

án giải đáp hàng loạt câu hỏi. Các câu hỏi được đặt ra theo trình tự với mục tiêu thu thập nhiều ý tưởng theo khả năng cho phép.

Kể từ khi ra đời vào đầu những năm 1970, cho đến nay, cùng với một số kỹ thuật khác, SCAMPER đã khẳng định giá trị của mình khi được rất nhiều người và nhiều tổ chức trên thế giới sử dụng như một trong những cách thức phổ biến để tư duy sáng tạo. Đó là một danh sách kiểm tra hỗ trợ việc làm thay đổi suy nghĩ để có thể tạo ra một sản phẩm mới. Những thay đổi này được sử dụng như là các gợi ý trực tiếp hoặc là các điểm khởi đầu cho các suy nghĩ về sau.

SCAMPER dựa trên quan điểm mọi điều mới mẻ là một vài bổ sung hoặc điều chỉnh cho những gì đã tồn tại. Kỹ thuật này được sử dụng trong việc khởi tạo ra những ý tưởng cho sản phẩm mới hay một dịch vụ mới.

Tách rời đối tượng mà bạn muốn suy nghĩ và đặt câu hỏi trong danh sách kiểm tra để xem có những ý tưởng hay suy nghĩ mới nào nổi lên không. Hãy suy nghĩ về bất kì vấn đề nào, từ việc phát triển cái kẹp giấy thông thường đến việc tái tổ chức công ty và áp dụng danh sách các câu hỏi. Bạn sẽ nhận thấy các ý tưởng bắt đầu vô tình bật ra khi đặt những câu hỏi đúng như: Tôi có thể thay thế điều gì đó không? Tôi có thể kết hợp nó với cái gì khác không? Tôi có thể mở rộng hay thêm vào điều gì đó không? Tôi có thể điều chỉnh hay thay đổi nó theo chiều hướng khác không? Tôi có thể đặt nó vào những mục đích khác không? Tôi có thể loại bỏ điều gì từ nó không? Tôi có thể tái sắp xếp nó không? Điều gì xảy ra khi tôi lật ngược vấn đề?... Và đó cũng chính là những câu hỏi mà SCAMPER đặt ra:

- **Substitute** (*Thay thế*) – Điều gì xảy ra nếu thay đổi nhân sự, vật thể, địa điểm, quy trình, phương pháp, yêu cầu, cách nhìn?

- **Combine** (*kết hợp*) - Điều gì xảy ra nếu kết hợp sản phẩm hay dịch vụ khác, kết hợp với mục đích và mục tiêu khác, kết hợp nguồn lực mới để sáng tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới?

- **Adapt** (*Thích nghi*) – Làm sao để sản phẩm, dịch vụ thích nghi với những mục tiêu mới: Tái cấu trúc? Hiệu chỉnh? Giảm tải?

- **Magnify/Modify** (*Tăng cường/Điều chỉnh*) - Có thể thay đổi sản phẩm, dịch vụ thế nào: Hình dáng? Phóng to, thu nhỏ? Thay đổi công năng để gia tăng giá trị?

- **Put to other uses** (*Đổi cách dùng*) – Có thể ứng dụng trong lĩnh vực mới nào, những đối tượng mới nào có thể quan tâm, còn có công dụng nào khác?
- **Eliminate** (*Loại ra*) - Làm sao cải thiện hay đơn giản hóa sản phẩm, dịch vụ? Có thể loại bỏ bớt điều gì?
- **Rearrange, Reverse** (*Sắp xếp lại/Lật ngược vấn đề*) – Điều gì xảy ra nếu thay đổi trật tự cấu trúc, chương trình, kế hoạch hay làm ngược lại?

3.2. Sử dụng SCAMPER

Giải pháp được xem là tối ưu hình thành trên cơ sở tổng hợp những ý tưởng tốt xuất hiện qua các bước triển khai. Cũng như các phương pháp tư duy sáng tạo khác, SCAMPER dựa trên nguyên tắc chung là thúc đẩy đặt sự việc dưới nhiều góc nhìn khác nhau để hình thành các ý tưởng.



Hình ảnh ví dụ về SCAMPER

Hãy tưởng tượng bạn là 1 nhà sản xuất về máy tính và máy in, bạn đang cần tìm những sản phẩm mới, SCAMPER có thể cho bạn những hướng đi như sau:

- **Substitute** – Dùng nguyên vật liệu công nghệ cao làm thành phần tạo ra sản phẩm.
- **Combine** – tích hợp máy tính với máy in, máy in với máy quét.

- Adapt – đặt mực in chất lượng cao và loại giấy thật tốt.
- Modify – đa dạng hoá về hình dáng, kích thước và thiết kế của máy in cũng như máy tính.
- Put to other uses - nghĩ cách dùng khác cho sản phẩm: có thể tích hợp thành máy photo, máy fax.
- Eliminate – loại bỏ âm thanh, màn hình màu, mực màu, ...
- Reverse – chế tạo thêm bàn kê máy cũng như ghế ngồi...

Kỹ thuật này được sử dụng nhiều nhất trong việc phát ra

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể cho việc sử dụng SCAMPER:

*** Thay thế một điều gì đó (SUBSTITUTE):**

Thay thế là một phương pháp thích hợp để phát triển những ý tưởng khác nhau thành bất kỳ điều gì có thể tồn tại. Hãy nghĩ các cách để thay đổi cái này thành cái kia và cái kia thành cái khác nữa. Nhà khoa học Paul Ehrlich liên tục thay thế một màu này bằng một màu khác – khoảng hơn 500 màu – cho đến khi ông tìm ra màu chính xác để nhuộm tĩnh mạch cho những con chuột thí nghiệm. Bạn có thể thay thế sự vật, quá trình, địa điểm, con người, ý tưởng và thậm chí cảm xúc. Những câu hỏi sau đây có thể giúp bạn làm điều này:

- Có thể thay thế hay hoán đổi bộ phận nào trong hệ thống?
- Có thể thay thế nhân sự nào?
- Qui tắc nào có thể được thay đổi?
- Có thể dùng nguyên liệu, vật liệu nào khác?
- Có thể dùng qui trình / thủ tục nào khác?
- Có thể thay tên khác?
- Có thể dùng ý tưởng này tại địa điểm khác?...



Hình: Ví dụ về phép thay thế

*** Kết hợp với một điều gì khác (COMBINE):**

Nhiều suy nghĩ sáng tạo bao gồm việc kết hợp những ý tưởng và đối tượng trước đó không liên quan đến nhau để tạo ra một điều mới mẻ. Quá trình này được gọi là quá trình tổng hợp và nhiều chuyên gia lưu ý nó là bản chất của sự sáng tạo. Gregor Mendel đã tạo ra một hệ thống nguyên tắc khoa học hoàn toàn mới – di truyền học – bằng việc kết hợp toán học với sinh học. Hãy đặt câu hỏi:

- Ý tưởng / thành phần nào có thể kết hợp được?
- Tôi có thể kết hợp / tái kết hợp mục đích của các đối tượng?
- Tôi có thể kết hợp hoặc hòa trộn yếu tố này với các yếu tố khác?
- Cái gì có thể kết hợp để gia tăng tính hữu dụng?
- Những vật liệu nào có thể kết hợp với nhau?
- Tôi có thể kết hợp những năng lực khác nhau để cải thiện vấn đề?...



Hình vẽ phép kết hợp

*** Thích ứng một điều gì đó (ADAPT):**

Một trong số những nghịch lý của sự sáng tạo là để suy nghĩ một cách độc đáo, chúng ta phải làm quen với những ý tưởng của những người khác. Thomas Edison diễn giải nó như sau: “Hãy tạo một thói quen giữ quan điểm về những ý tưởng mới mẻ và thú vị mà người khác đã sử dụng thành công. Ý tưởng của bạn chỉ trở nên mới mẻ khi nó đặt trong vấn đề mà bạn đang xử lý”.

- Đối tượng ta đang xem xét giống với cái gì khác?
- Có cái gì tương tự với đối tượng ta đang xem xét nhưng trong một tình huống khác?
- Ý tưởng nào khác có thể đề xuất?
- Cái gì tôi có thể copy, mượn hay đánh cắp?
- Tôi có thể tương tác với ai?
- Ý tưởng nào tôi có thể hợp nhất?
- Quá trình nào có thể được thích ứng?
- Ý tưởng nào ngoài lĩnh vực của tôi có thể hợp nhất?...



Phép thích ứng

*** Tăng cường/Điều chỉnh (MAGNIFY/MODIFY):**

Một cách đơn giản để nghĩ ra ý tưởng mới là chọn đối tượng và thêm một số điều vào đó. Kỹ sư người Nhật Yuma Shirashi đã đưa VCR gia đình trở thành điều có thể thực

hiện được bằng cách tìm ra phương pháp kéo dài băng video ra sao để đủ cho một bộ phim có độ dài thông thường.

- Yếu tố nào có thể điều chỉnh lớn hơn?
- Yếu tố nào có thể cường điệu hoặc cực đoan?
- Yếu tố nào có thể cao hơn, to hơn hay mạnh hơn?
- Tôi có thể gia tăng tần số của hệ thống?
- Yếu tố nào có thể lặp lại? Tôi có thể tạo ra nhiều bản sao?
- Tôi có thể bổ sung thêm những đặc trưng mới hoặc giá trị mới?

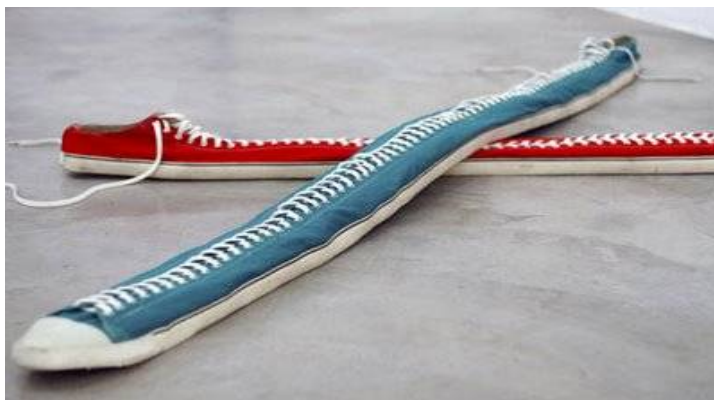
Nếu suy nghĩ sáng tạo, có thể thấy, bất cứ khía cạnh nào của bất kì vấn đề gì cũng có thể được điều chỉnh. Hãy đặt câu hỏi:

- Vấn đề này có thể được thay đổi như thế nào để tốt hơn? Điều gì có thể được điều chỉnh? Có khuynh hướng nào mới không?

- Thay đổi ý nghĩa, màu sắc, chuyển động, âm thanh, mùi hương, dạng thức? Thay đổi tên?

- Những thay đổi nào có thể tiến hành trong kế hoạch? Trong quá trình? Trong khâu marketing? Những biến đổi khác?

- Vấn đề này có thể có dạng, khối nào khác? Có thể kết hợp dạng với khối không?...



Những đôi giày được kéo dài

*** Đặt vào những ứng dụng khác (PUT TO OTHER USES):**

Một đối tượng có được ý nghĩa của nó từ bối cảnh xung quanh. Thay đổi bối cảnh và bạn sẽ thay đổi được ý nghĩa. Nhà hóa học và thực vật học George Washington Carver đã khám phá hơn 300 ứng dụng khác nhau của cây lạc lùn. Hãy đặt những câu hỏi:

- Đối tượng đang xem xét có thể dùng vào mục đích khác?
- Đối tượng đang xem xét có thể dùng bởi người khác với mục đích khác?
- Trẻ em hay người già sử dụng đối tượng đang xem xét như thế nào?
- Có cách nào khác sử dụng đối tượng đang xem xét không?
- Có thể sử dụng ý tưởng này trong lĩnh vực khác, thị trường khác?



Bồn Toilet để cắm hoa

*** Loại bỏ (ELIMINATE):**

Đôi khi loại trừ một số vấn đề sẽ mang lại những ý tưởng mới. Giảm bớt số ý tưởng, sự vật, quá trình thể dần dần thu hẹp vấn đề xuống còn bộ phận hoặc chức năng thực sự cần thiết của nó – hoặc tập trung vào một bộ phận thích hợp một số ứng dụng khác. Vận dụng những câu hỏi sau:

- Tôi có thể đơn giản hóa đối tượng như thế nào?
- Bộ phận nào có thể loại bỏ mà không làm thay đổi tính năng hệ thống?
- Bộ phận nào không mang tính cốt lõi hay không cần thiết?
- Qui tắc nào có thể hạn chế hoặc loại bỏ?
- Tôi thực hiện với qui mô nhỏ hơn sẽ ra sao?
- Tính chất nào của hệ thống tôi có thể giảm thiểu hoặc loại bỏ?
- Tôi có thể chia tách hệ thống thành các bộ phận khác nhau?
- Tôi có thể làm cho đối tượng tinh gọn hơn?



Cắt ngắn chân bàn

*** Tái cấu trúc/đảo ngược (REARRANGE/REVERSE):**

Tái cấu trúc thành điều gì đó khác? Có thể nói sự sáng tạo bao gồm rất nhiều lần tái sắp xếp những gì chúng ta đã biết để tìm ra những gì chúng ta không biết. Việc tái sắp xếp này mang lại vô số những lựa chọn cho ý tưởng, mặt hàng và dịch vụ. Ngoài ra, chúng ta có thể lật ngược vấn đề để xem điều gì xảy ra? Lật ngược cách nhìn nhận sẽ mở rộng suy nghĩ của bạn. Nhìn vào điều đối nghịch và bạn sẽ thấy những gì bình thường bạn bỏ qua. Đặt câu hỏi: “Mặt đối nghịch của nó là gì?” để tìm kiếm một điều gì mới về sự vật. Những đột phá lịch sử của Columbus và Copernicus là những điều trái ngược hoàn toàn với niềm tin đương đại lúc đó.

- Có phương án cấu trúc khác tốt hơn phương án hiện hành?
- Có thể hoán đổi bộ phận này với bộ phận khác trong hệ thống?
- Có thể bố trí theo lớp hay theo chuỗi?
- Có thể hoán đổi giữa tác nhân và hệ quả?
- Có thể thay đổi nhịp điệu hay lịch trình của kế hoạch?
- Có thể hoán đổi giữa yếu tố tích cực và yếu tố tiêu cực?
- Có thể tác động ngoại vi thay vì chính diện? Tác động bên trên thay vì bên dưới?
- Tác động bên dưới thay vì bên trên?
- Xem xét vấn đề/bài toán theo chiều hướng ngược lại?
- Thực hiện ngược lại với dự định ban đầu?



Hình đảo ngược vai trò trong sở thú

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Michael Michalko, *Đột phá sức sáng tạo - Bí mật của những thiên tài sáng tạo*, NXB Tri thức, 2006
2. Jack Foster, *Bí quyết sáng tạo*, Nguyễn Minh Hoàng (biên dịch), NXB Trẻ, 2005
3. Nguyễn Huy Tú, *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, Viện KHGD, 2000
4. Huỳnh Văn Sơn, *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, NXB GD, 2009
5. Trang web: <http://www.creativeeducationfoundation.org>

D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN

* CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Cho biết ý nghĩa của phương pháp SCAMPER trong việc phát triển các ý tưởng sáng tạo?
2. Trình bày những nguyên tắc cơ bản trong phương pháp SCAMPER.
3. Hãy thảo luận về việc vận dụng phương pháp SCAMPER trong học tập và công việc.

* BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN

4. Dựa vào hình vẽ dưới đây hãy phân tích ý tưởng phát triển ý tưởng để tạo ra một sản phẩm mới theo kỹ thuật SCAMPER mà hình vẽ mô tả:

CHƯƠNG 4: SÁU CHIẾC MŨ TƯ DUY

A. MỤC TIÊU

Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể:

- Nhận thức được ý nghĩa của phương pháp 6 chiếc mũ tư duy trong việc nhìn nhận, xem xét, đánh giá vấn đề và tìm kiếm những giải pháp sáng tạo.
- Trình bày cách thức tiến hành phương pháp 6 chiếc mũ tư duy.
- Vận dụng được phương pháp tư duy theo 6 chiếc mũ trong việc tư duy độc lập, trong hoạt động nhóm và ra quyết định cho công việc của bản thân.

B. NỘI DUNG

4.1. Khái quát về kỹ thuật “6 chiếc mũ tư duy”

Năm 1980, phương pháp 6 chiếc mũ tư duy được gắn liền với cái tên của Tiến sĩ Edward De Bono. Đến năm 1985, công cụ này đã được mô tả chi tiết trong cuốn “Six thinking Hats” của chính tác giả.



Edward De Bono

Phương pháp này đã được áp dụng ở nhiều trường học, nhiều tổ chức lớn trên thế giới như: IBM, Federal Express, British Airways, Pepsi, Polaroid, Prudential, Dupon..

Sáu chiếc mũ tư duy là một kỹ thuật được thiết kế nhằm giúp các cá thể có được nhiều cái nhìn về một đối tượng mà những cái nhìn này sẽ khác nhiều so với một người thông thường có thể thấy được. Đây là một khuôn mẫu cho sự suy nghĩ và nó có thể kết hợp thành lối suy nghĩ định hướng (lateral thinking). Trong phương pháp này thì các phán xét có giá trị sẽ có chỗ đứng riêng của nó nhưng các phê phán đó sẽ không được phép thống trị như là thường thấy ở lối suy nghĩ thông thường.

Kỹ thuật này có nhiều ứng dụng to lớn:

- Kích thích suy nghĩ song song
- Kích thích suy nghĩ toàn diện
- Tách riêng cá tính (như là bản ngã, các thành kiến ...) và chất lượng
- Đào tạo về sáng tạo, điều phối cuộc họp, quản lý cuộc họp
- Tăng năng suất làm việc và trao đổi trong nhóm
- Cải tiến sản phẩm và quá trình quản lý dự án
- Phát triển tư duy phân tích, và ra quyết định

4.2. Cách thức tiến hành

Dùng 6 cái mũ đại diện cho 6 dạng thức của suy nghĩ. Nó đề cập đến chiều hướng suy nghĩ hơn là tên gọi. Mỗi mũ có một màu (mà màu này chỉ đại diện cho 1 dạng thức duy nhất của suy nghĩ).



Các đặc tính của mũ màu:

- **Mũ trắng:** mang hình ảnh của một tờ giấy trắng, thông tin, dữ liệu. Khi chúng ta tưởng tượng đang đội chiếc mũ trắng, chúng ta chỉ cần suy nghĩ về các thông tin, dữ kiện

liên quan đến vấn đề đang cần giải quyết, tập trung trên thông tin rút ra được, các dẫn liệu cứ liệu và những thứ cần thiết, làm sao để nhận được chúng.

Một số câu hỏi có thể sử dụng:

- Chúng ta có những thông tin gì về vấn đề này?
- Chúng ta cần có những thông tin nào liên quan đến vấn đề đang xét?
- Chúng ta thiếu mất những thông tin, dữ kiện nào?

- **Mũ đỏ:** mang hình ảnh của lửa đang cháy, con tim, sự ấm áp. Khi tưởng tượng đang đội chiếc mũ đỏ, chúng ta chỉ cần đưa ra các cảm giác, cảm xúc, trực giác, những ý kiến không có chứng minh hay giải thích, lý lẽ của mình về vấn đề đang giải quyết. Chỉ đưa ra các điều bộc phát đó, không cần giải thích.

Một số câu hỏi có thể sử dụng:

- Cảm giác của tôi ngay lúc này là gì?
- Trực giác của tôi mách bảo điều gì về vấn đề này?
- Tôi thích hay không thích vấn đề này?

- **Mũ vàng:** mang hình ảnh của ánh nắng mặt trời, sự lạc quan, các giá trị, các lợi ích. Khi tưởng tượng đang đội chiếc mũ vàng, bạn sẽ đưa ra các ý kiến lạc quan, có logic, các mặt tích cực, các lợi ích của vấn đề

Một số câu hỏi có thể sử dụng:

- Những lợi ích khi chúng ta tiến hành công việc này?
- Đây là mặt tích cực của vấn đề này?

- **Mũ đen:** mang hình ảnh của đêm tối, đất bùn. Người đội mũ đen sẽ phê phán, bình luận, liên tưởng đến các điểm yếu, các lỗi, sự bất hợp lý, sự thất bại, sự phản đối, thái độ bi quan. Vai trò của chiếc mũ đen là giúp chỉ ra những điểm yếu trong quá trình suy nghĩ của chúng ta. Chiếc mũ đen để dùng cho "sự thận trọng", nó chỉ ra các lỗi, các điểm cần lưu ý, các mặt yếu kém, bất lợi của vấn đề hay dự án đang tranh cãi. Chiếc mũ đen đóng vai trò hết sức quan trọng, nó đảm bảo cho dự án của chúng ta tránh được các rủi ro, nó ngăn chúng ta làm điều sai, bất hợp pháp hay nguy hiểm.

Một số câu hỏi có thể sử dụng:

- Những rắc rối, nguy hiểm nào có thể xảy ra?
- Những khó khăn nào có thể phát sinh khi tiến hành làm điều này?

- Những nguy cơ nào đang tiềm ẩn?

- **Mũ xanh lục:** khiến ta liên tưởng đến cây cỏ xanh tươi, sự nảy mầm, sự đâm chồi, sự phát triển. Chiếc mũ xanh lục tượng trưng cho sự sinh sôi, sáng tạo. Khi đội chiếc mũ này, chúng ta sẽ đưa ra các giải pháp, ý tưởng mới cho vấn đề đang thảo luận.

Một số câu hỏi có thể sử dụng:

- Có những cách thức khác để thực hiện điều này không?
- Chúng ta có thể làm gì khác trong trường hợp này?
- Các lời giải thích cho vấn đề này là gì?

- **Mũ xanh dương:** Chiếc mũ xanh dương sẽ có chức năng giống như nhạc trưởng, nó sẽ tổ chức các chiếc mũ khác - tổ chức tư duy: Điều khiển, chi phối quá trình, các bước, tổ chức lãnh đạo.

4.3. Các bước tiến hành

Mọi người trong nhóm làm việc sẽ cùng tham gia góp ý – tùy theo tính chất của ý đó mà người đó (hay người trưởng nhóm) sẽ đề nghị đội mũ màu gì. Người trưởng nhóm sẽ lần lượt chia thời gian tập trung ý cho mỗi mũ màu... Tuy nhiên, một số trường hợp đặc biệt, nếu cần bất kỳ thành viên nào cũng có thể đề nghị góp thêm ý vào cho một mũ màu nào đó (tuy vậy phải giữ đủ thời lượng cho mỗi mũ màu).

- Bước 1:

Mũ trắng: tất cả các ý kiến nào chỉ chứa sự thật, bằng chứng, hay dữ kiện, thông tin. Đội mũ này có nghĩa là “hãy cởi bỏ mọi thành kiến, mọi tranh cãi, mọi dự định và hãy nhìn vào cơ sở dữ liệu”.

- Bước 2:

Mũ lục: tạo ra các ý kiến làm sao để giải quyết. Các sáng tạo, các cách thức khác nhau, các kế hoạch, các sự thay đổi.

- Bước 3:

Đánh giá các giá trị của các ý kiến trong mũ lục.

Viết ra danh mục các lợi ích dùng mũ vàng.

Mũ vàng: tại sao vài ý kiến sẽ chạy tốt và tạo sao nó mang lại lợi ích. Ở đây cũng có thể dùng về các kết quả của các hành động được đề xuất hay các đề án. Nó còn dùng để tìm ra những vật hay hiệu quả có giá trị của những gì đã xảy ra.

Viết các đánh giá, và các lưu ý trong mũ đen.

Đây là mũ có giá trị nhất. Dùng để chỉ ra tại sao các đề nghị hay ý kiến không thích hợp (hay không hoạt động được) cùng với các dữ kiện, với kinh nghiệm sẵn có, với hệ thống đang hoạt động, hoặc với chế độ đang được theo. Mũ đen lúc nào cũng phải tính đến sự hợp lý.

- Bước 4: Viết các phản ứng, trực giác tự nhiên và các cảm giác xuống trong mũ đỏ.

Mũ này cho phép người suy nghĩ đặt xuống các trực cảm mà không cần bào chữa.

- Bước 5: Tổng kết và kết thúc buổi làm việc – mũ xanh dương

Mũ này là sự nhìn lại các bước trên hoặc là quá trình điều khiển. Nó sẽ không nhìn đến đối tượng mà là nghĩ về đối tượng (thí dụ như ý kiến “đội cho tôi cái mũ lục, tôi cảm giác rằng có thể làm được nhiều hơn về cái mũ xanh này”).

Lưu ý: Các bước trên không hoàn toàn nhất thiết phải theo đúng thứ tự như nêu trên mà ở nhiều trường hợp nên chỉnh lại theo thứ tự như sau: Trắng → Đỏ → Đen → Vàng → Lục → Xanh Dương.

Hãy xem xét các ví dụ sau để hiểu rõ hơn về cách thức tiến hành phương pháp 6 chiếc mũ tư duy nhằm giải quyết vấn đề:

VÍ DỤ 1:

Giải quyết vấn đề sau đây trong lớp học “HỌC SINH NÓI CHUYỆN TRONG LỚP”

Dùng phương pháp sáu mũ để cho các học sinh nhìn vào vấn đề ở các góc cạnh khác nhau. Có thể dùng sáu phần màu khác nhau để ra hiệu (thay cho mũ). Học sinh chủ động cho ý kiến và giáo viên sẽ điều khiển toàn buổi qua các bước như sau:

1. Mũ trắng: Các sự kiện

- *Các học sinh nói chuyện trong khi cô giáo đang nói.*
- *Có sự ồn ào làm cho các học sinh khác bị xao lãng hoặc không nghe được (cô giáo nói gì).*
- *Học sinh không biết làm gì sau khi cô giáo đã hướng dẫn cách thức.*
- *Nhiều học sinh bực mình hay không muốn học nữa.*

2. Mũ đỏ: Cảm tính

- Cô giáo cảm giác bị xúc phạm.
- Các học sinh nản chí vì không nghe được hướng dẫn (của cô).
- Người nói chuyện trong lớp vui vẻ được “tán dóc” và “nghe dóc”.

3. Mũ đen: Các mặt tiêu cực

- Lãng phí thì giờ.
- Buổi học bị làm tổn thương.
- Nhiều người bị xúc phạm rằng những người nghe bất cần đến những gì được nói.
- Mất trật tự trong lớp.

4. Mũ vàng: Các mặt tích cực của tình trạng được kiểm nghiệm

- Mọi người được nói những gì họ nghĩ.
- Có thể vui thú.
- Mọi người không phải đợi tới lượt của mình để nói nên sẽ không bị quên cái gì mình muốn nói.

- Không chỉ những học sinh giỏi mới được nói.

5. Mũ lục: Những cách giải quyết đến từ cách nhìn theo vấn đề trên

- Cô giáo sẽ nhận thức hơn về “thời lượng” mà cô nói.
- Cô giáo sẽ cố gắng tác động qua lại (để ý cho phép nhiều đối tượng tham gia) với nhiều học sinh không chỉ với các học sinh “giỏi”.

• Học sinh sẽ phải làm việc để không phải phát biểu linh tinh. Học sinh sẽ tự hỏi “Điều muốn nói có liên hệ đến bài học hay không?” và “Có cần để chia sẻ ý kiến với ai khác hay không?” Sẽ cần thêm bàn thảo làm sao học sinh vượt qua khó khăn này!

- Học sinh sẽ suy nghĩ rằng có nên chen vào phá việc học của người khác hay không?

- Sẽ giữ bản tường trình này lại làm tài liệu về sau xem xét có tiến bộ hay không?

6. Mũ xanh dương: Tổng kết những thứ đạt được

- Cô giáo rút kinh nghiệm rằng cần phải giới hạn thời gian dùng để nói.
- Cô giáo cần tham gia bàn luận với tất cả học sinh và cần phải ưu tiên hơn đến những học sinh ít khi tham gia phát biểu hay là các học sinh chỉ thụ động im lặng chờ

được gọi trả lời.

• Cô giáo cần để học sinh có thời gian suy nghĩ trước khi họ tham gia vào bàn luận. Thì giờ cho học sinh suy nghĩ trong buổi học quan trọng và rất cần thiết.

• Học sinh hiểu rằng “nói chuyện làm ồn trong lớp” sẽ làm cho các học sinh khác bị ảnh hưởng và bực mình.

• Học sinh hiểu rằng chỉ cần cười giỡn trong một tí thì cũng đủ phá hỏng việc học của người khác.

• Học sinh ý thức rằng nói bất kỳ lúc nào mình muốn là hành động thiếu kỷ luật với chính những giá trị kiến thức của bản thân.

• Học sinh và giáo viên cần xem lại đề tài này để kiểm tra xem có tiến bộ hay không.

(Trích trong cuốn sách “*Hành trình đi tìm ý tưởng sáng tạo*”
của TS. Huỳnh Văn Sơn và ThS. Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu)

VÍ DỤ 2:

Sử dụng phương pháp 6 chiếc mũ tư duy để giúp Giám đốc Công ty hoàn thiện quyết định: "Đầu tư 2 tỷ để mở chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng phục vụ cho việc phát triển thị trường Miền Trung của Công ty trong năm nay".

1. Nón trắng: Các sự kiện

- Sản phẩm của Công ty hiện đang được bán lẻ tại một số tỉnh miền Trung do các nhà buôn nhanh nhạy mang về.
- Trên thị trường miền Trung cũng có sản phẩm của một số đối thủ cạnh tranh.
- Chưa có Công ty nào trong ngành mở chi nhánh tại miền Trung.
- Thương hiệu của Công ty khá mạnh tại thị trường Miền Nam.
- 2 tỷ là số tiền khá lớn so với tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

2. Nón đỏ: Cảm xúc

- Một số nhân viên sẽ rất thích thú vì đây là quê hương của họ. Họ sẽ có cơ hội làm việc tại quê hương.
- Công ty ta sẽ trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại miền Trung.

- Cơ hội đã tới! Công ty ta sẽ có tăng trưởng mạnh.
- Hơi lo lắng nhưng không sao! Cơ hội chỉ dành cho những người dám mạo hiểm.

3. Nón vàng: Tích cực

- Cơ hội rất lớn để chiếm lĩnh thị trường miền Trung, vượt qua các đối thủ cạnh tranh và trở thành doanh nghiệp dẫn đầu.
- Chi nhánh miền Trung sẽ đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng địa phương đồng thời phản ứng nhanh hơn để thỏa mãn họ.
- Là bàn đạp vững chắc để Công ty tiến lên phân phối toàn quốc.
- Mang lại doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cho Công ty trong năm tới.
- Là cơ hội tốt để đào tạo các nhà lãnh đạo trong tương lai.
- Là cơ hội để phân tán rủi ro hơn là chỉ tập trung vào một thị trường duy nhất.

4. Nón đen: Tiêu cực

- Khách hàng miền Trung chi tiêu rất dè dặt, không dễ để thâm nhập.
- Tại sao không hỏi lý do các đối thủ không tấn công vào thị trường miền Trung, liệu rằng có phải là do lợi nhuận không bù chi phí bỏ ra ?
- Quá trình đầu tư mở chi nhánh mà chưa có khách hàng sẵn có thật sự quá mạo hiểm, nguy cơ lỗ vốn rất cao.
- Nếu thất bại tại miền Trung, Công ty ta sẽ mất vốn 2 tỷ, khi đó càng khó khăn hơn?
- Lực lượng quản lý và nhân viên phải tuyển mới tại miền Trung liệu có đủ khả năng gánh vác công việc hay không?
- Thị trường miền Nam còn chưa tốt mà đã lo nhảy ra miền Trung, coi chừng sẽ rơi vào trường hợp cả 2 miền đều bị phân tán và dễ thất bại.

5. Nón lục: Sáng tạo ý tưởng

- Tại sao không thận trọng làm từng bước nhỏ một? Thành công từng bước sẽ ổn định hơn?
- Có nên vội vã đầu tư một số tiền lớn không? Nếu theo ý kiến chia nhỏ giai đoạn thì kinh phí đầu tư cũng sẽ chia nhỏ để kiểm soát hơn không?

- Nhà phân phối tại địa phương sẽ giúp ta phát triển thị trường mà ta không cần đầu tư cơ sở vật chất cũng như con người.
- Chỉ cần chiết khấu tốt thì sẽ có người làm nhà phân phối cho ta tại miền Trung.
- Có thể hỗ trợ nhà phân phối để tự họ phát triển mạng lưới đại lý và sản phẩm sẽ thâm nhập sâu hơn, rộng hơn tại miền Trung.
- Hệ thống phân phối có sẵn sẽ giúp Công ty giảm gánh nặng kinh phí và ngân sách hoạt động cho chi nhánh.
- Quá trình phát triển hệ thống phân phối sẽ giúp Công ty dễ chọn được nhà quản lý và nhân viên tốt cho chi nhánh sau này.
- Cả Công ty sẽ phát triển tốt nếu mỗi chi nhánh đều tự thân phát triển tốt.

6. Nón lam: Tổng kết

Thị trường miền Trung vẫn nên phát triển - nhưng thận trọng hơn và chia ra thành tối thiểu 3 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 - 6 tháng - hỗ trợ chiết khấu cao để phát triển các nhà phân phối độc quyền tại các tỉnh thành lớn ở khu vực miền Trung, nếu cần có thể hỗ trợ thêm quảng cáo và khuyến mãi.
- Giai đoạn 2 - 6 tháng tiếp theo - thúc đẩy doanh số và phát triển mạng lưới phân phối tại các tỉnh thành đã có nhà phân phối độc quyền, đồng thời phát triển thêm hệ thống tương tự tại các tỉnh còn lại ở miền Trung.
- Giai đoạn 3 - sau khi đã có mạng lưới phân phối khá ổn định mới tính đến việc xây dựng chi nhánh Miền Trung tại Đà Nẵng. Chi nhánh này chịu trách nhiệm quản lý và phát triển thị trường đã có sẵn.

Như vậy sau 3 giai đoạn phát triển như trên, Công ty chỉ đầu tư khi khả năng kinh doanh và thị trường đã ổn định, số tiền đầu tư cho chi nhánh sẽ đi đúng mục đích và lại chia theo từng giai đoạn nên không gây áp lực tài chính cho Công ty.

Và như vậy, một quyết định của Giám đốc đã được hoàn thiện hơn dưới góc nhìn hợp lý hơn, sáng tạo hơn và khả thi hơn nhờ phương pháp 6 chiếc mũ tư duy.

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu, *Hành trình đi tìm ý tưởng sáng tạo*, NXB Đại học Sư phạm TPHCM, 2010
2. Edward De Bono, *Tư duy là tồn tại (6 sắc thái tư duy – 6 chiếc mũ tư duy)*, NXB Văn hóa thông tin, 2005.
3. Edward De Bono, *Sáu chiếc nón tư duy*, NXB Trẻ, 2008.

D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN

*** CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Trình bày cách thức tiến hành phương pháp 6 chiếc mũ tư duy.
2. Cho biết ý nghĩa của phương pháp 6 chiếc mũ tư duy trong việc nhìn nhận, xem xét, đánh giá vấn đề và tìm kiếm những giải pháp sáng tạo?

*** BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN**

3. Sử dụng phương pháp 6 chiếc mũ tư duy để đề xuất các giải pháp sáng tạo hơn cho các quyết định sau đây:
 - a. Chinh phục khách hàng bằng giá rẻ hơn đối thủ cạnh tranh
 - b. Toàn bộ nhân viên Công ty phải được học tập và thực hành liên tục "Nụ cười thân thiện" khi tiếp xúc với khách hàng và đối tác.
 - c. Đầu tư 20 tỉ để mua dây chuyền sản xuất mới với công suất lớn hơn và công nghệ hiện đại hơn trong năm nay.
4. Sử dụng kỹ thuật 6 chiếc mũ tư duy để phân tích các ý kiến sau:
 - a. Sữa DHA sẽ làm cho con bạn thông minh. Quan điểm của bạn?
 - b. Sống thử trước hôn nhân là một việc không nên làm. Tỉ lệ những cặp sống thử trước hôn nhân cưới nhau rất ít vì sau một thời gian sống chung họ mất cảm giác yêu đương.
 - c. Những khảo sát cho thấy: độ tuổi càng cao thì trình độ tư duy và kỹ năng quản lý càng tốt. Vì thế, khi chọn người quản lý, nhà tuyển dụng có xu hướng chọn những người lớn tuổi hơn là ứng viên trẻ tuổi.
 - d. Khách hàng là thượng đế vì thế khách hàng luôn đúng trong mọi tình huống.

e. Tăng lương là giải pháp để gia tăng sự hăng say làm việc của nhân viên vì hiển nhiên rằng tăng lương làm cho người lao động hài lòng hơn trong công việc.

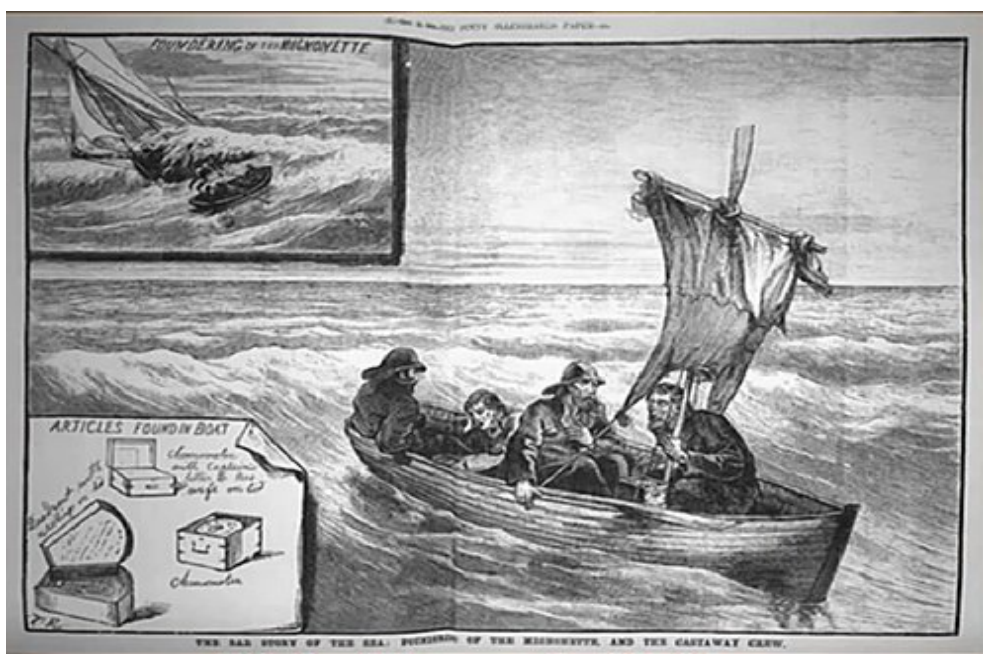
f. Người miền Nam có văn hóa cởi mở, dễ dàng chấp nhận cái mới hơn người miền Bắc. Người Miền Nam sáng tạo hơn người miền Bắc.

5. Đọc tình huống và thảo luận để trả lời các câu hỏi bên dưới:

CÂU CHUYỆN VỀ NHỮNG NGƯỜI SỐNG SỐT TRÊN TÀU MIGNONETTE

“Con tàu Mignonette bị chìm ở Nam Đại Tây Dương, cách mũi đất 130 dặm. Thủy thủ đoàn có 4 người, Dudley là thuyền trưởng, Stephens là thuyền phó thứ nhất, Brooks là thủy thủ. Tất cả đều có tính tình tuyệt vời. Thành viên thứ tư là một cậu nhóc làm trong cabin, Richard Parker 17 tuổi, một cậu bé mồ côi không gia đình. Và đây là hành trình dài đầu tiên của cậu bé.

Một cơn sóng to ập vào tàu và tàu Mignonette bị chìm. Bốn người trên tàu nương mình trên một chiếc thuyền cứu sinh, và thức ăn duy nhất mà họ có là hai can củ cải ướp bảo quản và không có nước ngọt trên thuyền.



Trong ba ngày đầu họ chẳng ăn gì, ngày thứ 4 họ khai một can củ cải và ăn. Ngày hôm sau họ bắt được một can củ cải khác và một con rùa. Con rùa giúp họ cầm cự thêm được vài ngày. Và tám ngày sau họ chẳng có gì, không thức ăn, không nước uống.

Lúc đó, cậu bé Parker nằm dưới thuyền cứu hộ, cậu bị kiệt sức bởi không nghe lời của những người kia vì đã uống nước biển và cậu đang chết từ từ.

Vào ngày thứ 19, thuyền trưởng Dudley đề nghị họ nên bắt thăm rằng ai sẽ hy sinh để cứu những người còn lại. Brooks từ chối, ông ta không thích ý tưởng bắt thăm và cuối cùng ý tưởng bắt thăm cũng không diễn ra.

Ngày hôm sau, họ không nhìn thấy tàu bè nào cả. Vì vậy, Dudley bảo Brooks nhìn đi chỗ khác và ra hiệu với Stephens rằng cậu bé Parker nên bị giết. Dudley cầu nguyện và nói với cậu bé rằng đã đến lúc và dùng dao giết cậu ta (đâm vào động mạch cổ).

Brooks đổi quan điểm phản đối đầy tính đạo đức để được chia một phần thức ăn kinh khủng này. Trong 4 ngày ba người còn lại đã ăn thịt và uống máu cậu bé. Và sau đó họ đã được cứu sống.



Dudley miêu tả việc họ được cứu sống trong nhật ký của mình như sau: "Vào ngày thứ 24, khi chúng tôi đang ăn sáng thì cuối cùng cũng xuất hiện một con tàu, một con tàu Đức đã cứu 3 người họ và đưa họ trở lại Anh". Tại đây họ bị bắt và đem xử. Tại phiên tòa:

- Dudley và Stephens đến tòa. Họ không phủ nhận các sự kiện, họ cho rằng họ làm trong tình cảnh bắt buộc, đó là lời biện hộ của họ. Họ lý luận rằng: tốt hơn nếu một người chết để cứu sống cả 3 người còn lại.

- Công tố viên: *Giết người là giết người!*”

(Nguồn: Phải trái đúng sai, Michael Sande, Nhà xuất bản Trẻ 2012)

Câu hỏi:

Bạn hãy sử dụng phương pháp 6 chiếc mũ tư duy để đánh giá về tình huống trên nếu bạn làm quan tòa: Giết người hay Vô tội? Giải thích lý do của bạn và tìm dữ liệu để bảo vệ quan điểm của bạn.

PHẦN 3

SÁNG TẠO TRONG CÔNG VIỆC VÀ HỌC TẬP

A. MỤC TIÊU

Sau khi học xong phần này, sinh viên có thể:

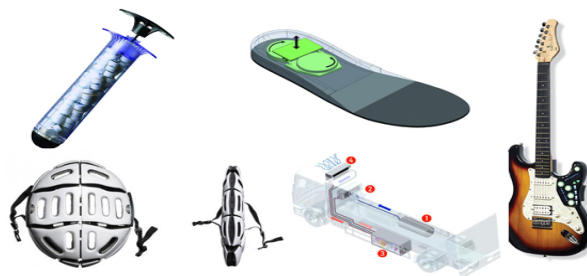
- Nhận thức được ý nghĩa của sáng tạo trong công việc và học tập đối với đời sống cá nhân và xã hội.
- Biết cách tạo dựng không gian, điều kiện học tập và làm việc kích thích tính sáng tạo cá nhân.
- Vận dụng các cách thức, thủ thuật sáng tạo để cải thiện tư duy theo hướng tích cực và tạo môi trường học tập, làm việc phù hợp.
- Có thái độ yêu thích việc sáng tạo, ham học hỏi, tìm tòi những phát minh, sáng chế của con người, những sản phẩm sáng tạo độc đáo phục vụ cuộc sống.

B. NỘI DUNG

1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA SÁNG TẠO TRONG CÔNG VIỆC VÀ HỌC TẬP

NHỮNG SÁNG CHẾ LÀM ĐỔI THAY CUỘC SỐNG

Giải thưởng sáng chế năm 2014 vừa được tạp chí hàng đầu về công nghệ và thiết bị của Mỹ Popular Science công bố trên số tháng 5. 10 phát minh được bình chọn cao nhất năm nay không chỉ đáp ứng tiêu chí “giải quyết các vấn đề thực tại một cách thiết thực và sáng tạo” mà còn đề cao những cá nhân, các nhóm sáng chế độc lập khát khao làm “thay đổi thế giới”. Hãy điểm qua một số sáng chế tiêu biểu.



1. Cầm máu trong 15 giây

Để giảm tình trạng tử vong do mất máu cấp, RevMedx - một nhóm các cựu chiến binh, các nhà khoa học và kỹ sư người Mỹ đã tạo ra thiết bị bỏ túi gọi là XStat rịt vết thương nhanh chóng, hiệu quả hơn. Chiếc bơm tiêm bằng vật liệu polycarbonate khi được sử dụng sẽ trượt sâu vào vết thương, bắn ra hàng chục viên thuốc bột biển để ngăn chảy máu. Những viên bột biển này có chứa chất chống nhiễm trùng, lại có khả năng nở ra sau khi bị nén nên có tác dụng cầm máu rất tốt. Thiết bị này có thể sử dụng trong quân đội, trong lực lượng thực thi pháp luật, xe cứu thương và cơ quan ứng cứu khẩn cấp khác.

2. Sạc pin từ đế giày

Mỗi bước chân đủ tạo ra năng lượng để thắp sáng một bóng đèn, tại sao chúng ta lại lãng phí điều đó? Matt Stanton, một kỹ sư yêu thích thể thao cùng cộng sự đã mất 3 năm để tạo ra hệ thống SolePower, đặt trong đế giày có khả năng sản xuất điện. Bộ phát điện này có cấu tạo như trong đèn pin, có điều là rất nhỏ gọn với một pin và đầu sạc điện qua cổng USB. Cuối năm 2014, SolePower mới ra mắt. Hiện tại để sạc được chiếc điện thoại thông minh, người sử dụng cần phải đi bộ chừng 20km, nhưng ông Stanton cho biết, công ty đang hướng đến thiết kế có thể sạc đầy chiếc iPhone mà chỉ cần đi bộ chưa đầy 8km.

3. Mũ bảo hiểm gấp gọn

Là người sống sót sau tai nạn 20 năm trước ở London nhờ đội mũ bảo hiểm, ông Jeff Woolf đã sáng chế ra chiếc mũ bảo hiểm có thể gấp gọn bằng kích thước một cuốn sách. Với mũ bảo hiểm, người đi xe 2 bánh cảm thấy bất tiện nhất là sự nóng nực và khó bảo quản nhưng chiếc mũ mang tên Morpher của Jeff Wood khắc phục được cả 2 vấn đề đó. Nó chỉ dày bằng một nửa chiếc mũ thông thường, trong khi có thể gấp gọn, để trong túi đựng máy tính xách tay. Nguyên liệu chính của mũ vẫn là nhựa cứng và xốp để bảo vệ đầu nhưng ở giữa có một lớp liên kết hoạt động như bản lề cho phép mũ có thể gấp đôi. Qua kiểm tra, sản phẩm đã đạt tiêu chuẩn an toàn chất lượng châu Âu.

4. Đôi cánh guitar

Ngay cả với giao diện kỹ thuật số dành cho nhạc cụ (MIDI) giúp phối hợp nhiều công cụ điện tử với nhau rất phổ biến hiện nay, các nhạc công guitar vẫn cảm thấy “sương” nếu thiết bị là cả bộ công kênh. Hiểu rõ điều này, một nhóm nghệ sĩ đã sáng tạo ra một bộ điều khiển MIDI không dây gọi là Guitar Wing (Đôi cánh guitar). Nó có thể kẹp vào bất kỳ cây đàn guitar nào trong vài giây để kiểm soát toàn bộ phần hiệu ứng, phần mềm, âm thanh kỹ thuật số... Nghĩa là chỉ bằng đầu ngón tay, người nghệ sĩ chơi guitar có thể có cả một phòng thu điện tử trong đó. Jay Smith và các đồng nghiệp cho hay, phiên bản mới của phát minh này sẽ ra mắt thị trường trong năm nay với giá 199 USD.

5. Xe tải đông lạnh chạy nhiệt

Các loại xe tải chở thực phẩm đông lạnh, rau quả tươi, hàng hóa dễ hư hỏng hiện giờ đốt cháy nhiên liệu nhiều hơn 25% so với các xe tải thông thường, chưa kể chất thải carbon gây ô nhiễm môi trường.

Trong nỗ lực kiểm chế tiêu thụ nhiên liệu và giảm ô nhiễm, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, nơi nhu cầu về xe đông lạnh tăng cao để phù hợp với nhu cầu tiêu dùng, nhà sáng chế người Mỹ Peter Dearman đã phát triển một hệ thống động cơ đông lạnh hoạt động theo cơ chế nhiệt hấp thụ từ hàng trong thùng xe hòa với nito lỏng, chất lỏng này đến nhiệt độ sôi sinh ra khí, trở thành nhiên liệu chạy thiết bị điện lạnh. Một nguyên mẫu đầy đủ chức năng dự kiến sẽ được thử nghiệm ở Vương quốc Anh tháng 7 này.

(Nguồn: www.anninhthudo.vn)

Sáng tạo là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của chúng ta. Không phải chỉ có những người làm nghệ thuật mới phải thường xuyên sáng tạo mà những người hoạt động trong các ngành nghề khác nhau cũng sử dụng nó trong công việc hằng ngày. Chúng ta có thể điều khiển suy nghĩ của bộ não bằng cách nắm bắt và luyện tập, đó là một cách giúp mình có những ý tưởng thật thú vị, giúp ích cho việc học tập, công việc và cuộc sống nói chung.

Cuốn sách The World is Flat xuất bản gần đây, tác giả Thomas Friedman cho rằng các quốc gia như Mỹ từ lâu xem tính sáng tạo đương nhiên phải có - bởi lẽ nó đã ăn quá

sâu vào tiềm thức của người dân. Trong khi nhiều quốc gia khác vẫn đang tìm cách hệ thống các phương pháp nhằm xây dựng và khai thác tính sáng tạo. Có thời Trung Quốc, Việt Nam và Ấn Độ được xem là mảnh đất tốt để tận dụng sức sản xuất kiểu vệ tinh - nhờ chi phí lao động thấp hơn châu Âu hay Bắc Mỹ. Tuy nhiên, ngày càng rõ nét hơn, việc chú trọng vào giáo dục và tính sáng tạo đang làm cho Châu Á trở thành điểm hấp dẫn cho các hoạt động đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D). Chẳng hạn Microsoft có ba trung tâm R&D tầm cỡ toàn cầu - ngoài trụ sở chính ở Redmond, bang Washington (Mỹ), hai trung tâm còn lại thì một ở London (Anh), và một ở Thượng Hải (Trung Quốc). Ai trong chúng ta cũng có sự sáng tạo, và chúng ta có thể học để trở nên sáng tạo hơn. Công việc càng khó thì não hoạt động càng tích cực. Theo nghiên cứu thì đến thiên tài cũng mới sử dụng khoảng 15% hiệu suất não của mình. Cho nên, học tư duy sáng tạo để não bạn đi xa hơn là hoàn toàn có thể. Ở Mỹ, nơi lòng say mê sáng tạo đã được coi như kim chỉ nam của mọi thành công, sinh viên luôn phải tự tìm cách nghiên cứu hay giải quyết lấy mọi vấn đề mà học tập đặt ra. Chẳng hạn như kỳ thi tuyển đặc biệt vào trường đại học Oxford (Mỹ). Giáo sư chỉ cầm một tờ báo đọc sau khi đã yêu cầu cậu thí sinh hãy làm điều gì đó khiến ông bất ngờ nhất, nhằm đo chỉ số sáng tạo của anh ta. Sau vài giây suy nghĩ, anh bèn châm lửa đốt tờ báo và rồi ung dung bước vào trường đại học danh tiếng nhất nước Mỹ.

Trái với Mỹ, phương pháp tạo dựng năng lực tư duy sáng tạo cho sinh viên ở Nhật lại khác hẳn. Sinh viên chỉ sáng tạo sau khi tư duy đã chín muồi. Nói cách khác, sinh viên Nhật phải tích lũy một khối lượng kiến thức cần thiết trước khi có thể có những sáng tạo một cách đúng nghĩa. Tuy nhiên, trên thực tế, khi bước vào quá trình sáng tạo theo kiểu ngẫu hứng như sinh viên Mỹ, năng lực tư duy sáng tạo của họ rất bị hạn chế và họ buộc phải tuân theo những điều thuộc về nguyên tắc và vốn là truyền thống của đất nước mặt trời mọc. Đây cũng là đặc trưng của các nước Châu Á nói riêng.

Quay trở lại Việt Nam, tư duy sáng tạo dường như chỉ được chú ý và đề cập gần đây. Trong một thời gian dài, sáng tạo không phải là lối tư duy mà người trẻ Việt Nam được đào tạo trong môi trường giáo dục, thay vào đó là sự tuân thủ, rập khuôn, giáo điều. Sự rập khuôn trong giáo dục tạo ra một lớp người rập khuôn khi suy nghĩ. Một bạn sinh viên mới ra trường luôn luôn phải vượt qua những kì tuyển dụng IQ test để có thể được

nhận vào làm việc. Những kiểu phỏng vấn khả năng giải quyết vấn đề cũng chỉ mới đề cập trong những năm gần đây. Trong một cuốn sách về tuyển dụng nổi tiếng “Làm thế nào để dịch chuyển núi Phú Sĩ”, tác giới thiệu một trong những cách tuyển dụng mà ở đó các nhà tuyển dụng luôn đòi hỏi sự sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề của ứng viên. Muốn độc lập trong tư duy, hãy biết vận dụng trí não để giải quyết mọi vấn đề xung quanh. Chớ ỷ lại người khác hay để người khác áp đặt. Không ai khác ngoài bạn có thể giải quyết vấn đề của chính mình. Bằng tư duy có phương pháp, bạn sẽ gỡ dần những gì phức tạp sang đơn giản. Kể cả khi bạn không phải là một thiên tài, bạn có thể dùng cách mà Aristotle và Einstein đã dùng để tăng sức mạnh của khối óc sáng tạo và đồng thời tạo dựng một tương lai vững chắc.

Phát huy tư duy sáng tạo sẽ giúp bạn tìm ra phương cách đối phó với những thách thức, hơn thế nữa còn tạo ra những cơ hội từ chính những thách thức đó. Với tư duy sáng tạo, bạn sẽ góp phần nhỏ bé của mình vào sự phát triển chung của xã hội và đạt được nhiều thành công hơn trong cuộc sống. Muốn vậy, bạn cần biết cách khai thác và phát huy những tiềm năng sáng tạo của mình. Bạn cần lưu ý những điểm căn bản sau:

- Cần nhớ rằng ai cũng có khả năng sáng tạo.
- Hãy thay đổi lối tư duy thông thường.
- Sự thay đổi bắt đầu bằng việc đặt câu hỏi đối với những điều thông thường.
- Vận dụng kinh nghiệm để tìm ra giải pháp, vận dụng tư duy sáng tạo để tăng thêm cơ hội.
- Cần thăm dò mọi khả năng trước khi đi đến quyết định, vận dụng tư duy logic để đánh giá các khả năng.
- Vận dụng trí tưởng tượng để tìm ra các giải pháp khác nhau.
- Luôn cố gắng xem xét thông tin một cách sâu sắc và hữu ích.
- Hãy nhớ động lực sáng tạo là ước vọng hoàn thiện mọi điều.
- Luôn tin rằng bạn có khả năng tìm ra các giải pháp mới.
- Cố gắng đừng để bị gò bó bởi các qui tắc thông thường.
- coi những vấn đề gặp phải là động lực cho sự sáng tạo.
- Cần hiểu rõ lối tư duy của bạn để có thể điều chỉnh nó.
- Luôn xem xét sự việc dưới nhiều góc độ khác nhau.

- Cần biết rằng phát triển khả năng sáng tạo đòi hỏi thời gian và sự luyện tập.
- Nghĩ về những thay đổi bạn muốn thực hiện và cách thức thực hiện nó.

2. NHỮNG CÁCH THỨC GIÚP CÁ NHÂN SÁNG TẠO HƠN

Trong phần này, chúng tôi sẽ đề cập đến những cách thức giúp cá nhân trở nên sáng tạo hơn trong học tập, công việc cũng như trong cuộc sống nói chung.

2.1. Tạo ra môi trường thúc đẩy sự sáng tạo

Chúng ta bị tác động bởi môi trường xung quanh. Ví dụ khi bước vào thư viện, chúng ta nói chuyện nhẹ nhàng và di chuyển cẩn thận. Khi đến một buổi tiệc, chúng ta nói và cười nhiều hơn bình thường. Khi đến văn phòng, chúng ta trở nên lịch sự và nghiêm túc hơn. Chúng ta ứng xử theo sự thay đổi của môi trường bên ngoài.

Và môi trường cũng có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến sáng tạo. Vì vậy, bằng cách tạo ra một môi trường học tập, làm việc thoải mái, tư duy của chúng ta cũng sẽ được cải thiện theo hướng sáng tạo hơn.

Giám đốc sáng tạo của một công ty quảng cáo có thói quen đi coi phim để tìm kiếm ý tưởng. Anh cho rằng làm một tác phẩm điện ảnh khá giống việc sáng tạo một phần mềm, bởi những công việc này đòi hỏi việc kết hợp các tài năng lại với nhau để đưa ra sản phẩm có tính sáng tạo cao, với những giới hạn về tiền bạc và thời gian. Trong môi trường doanh nghiệp, nếu được làm việc trong một môi trường sáng tạo, dường như ở các nhân viên cũng nảy sinh nhiều sáng kiến hơn.

Có những người chỉ ở nơi đông người mới nghĩ được nhiều. Người khác lại phải ngồi một mình yên tĩnh mới suy nghĩ được. Bạn hãy tạo một môi trường mà ở đó bạn có thể có được nguồn cảm hứng để suy nghĩ sáng tạo. Những người trong các ngành đòi hỏi sự sáng tạo như: nhà văn, copywriter, designer... luôn làm việc ở những nơi không gò bó sự sáng tạo.

Vì vậy, việc tạo một không gian thoải mái, độc đáo, phù hợp với sở thích, cá tính của bạn có thể giúp kích thích sự sáng tạo. Bạn có thể tham khảo những gợi ý dưới đây để thiết kế góc học tập, phòng làm việc phù hợp với điều kiện của bản thân cũng như điều kiện của công việc:

- Không gian có thể là ở phòng học tập hay làm việc của bạn. Chỉ cần chịu khó tạo vài thay đổi nhỏ là bạn sẽ có một nguồn cảm hứng làm việc mới cho mình. Hãy trang trí phòng bằng những bức ảnh, ánh sáng, màu sắc, vật dụng... mà bạn yêu thích.



- Nếu bạn cảm thấy bí bách trong phòng, hãy ra khỏi đó và tìm một không gian học tập khác, bởi sự gò bó của không gian ít nhiều sẽ hạn chế sức sáng tạo. Không gian mới sẽ đem đến tâm trạng thoải mái, những cảm giác mới và giúp bạn giảm bớt sự bế tắc. Một buổi họp trong công viên xanh mát hay trong một quán cà phê tĩnh lặng, ấm cúng... sẽ lên tinh thần và khuyến khích những ý tưởng mới nảy sinh. Hãy tìm một không gian tốt nhất có thể phát huy hết khả năng của mình. Đó có thể là công viên, bờ hồ hoặc bất cứ nơi nào đó có thể khơi nguồn sáng tạo cho bạn.

- Nghe những bản nhạc không lời êm dịu khi bạn suy nghĩ hoặc lúc căng thẳng. Nghe những thể loại nhạc thích hợp sẽ mang đến cho bạn nhiều lợi ích khác nhau. Có thể thấy một số tác dụng tích cực mà âm nhạc đem đến và đã được nhiều nghiên cứu khoa học chứng minh: tăng trí nhớ, tăng sự tập trung, giúp bạn sáng tạo hơn, giảm stress, giúp cơ thể mau hồi phục, giúp học sinh ghi điểm cao hơn trong các kỳ thi, kích thích cả hai bán cầu não (não trái và não phải) khi học tập.

Bạn có thể tham khảo bài viết cùng những bức ảnh sống động, độc đáo về không gian làm việc của những công ty lớn trên thế giới. Từ đây, bạn có thể thấy được tầm quan

trọng của không gian làm việc, đặc biệt đối với sự sáng tạo của nhân viên, một yếu tố mà các công ty đang hướng tới.

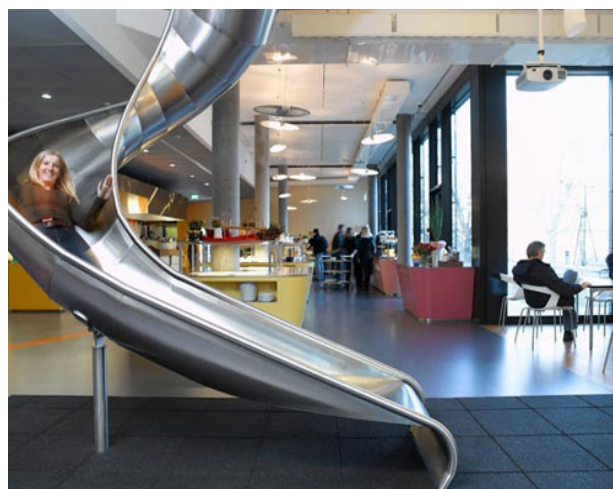
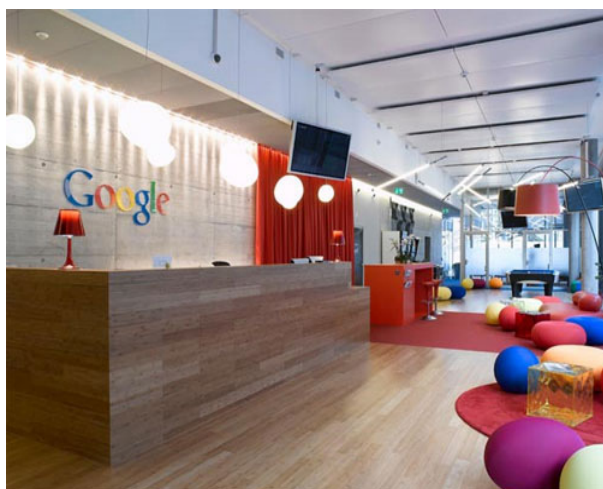
15 VĂN PHÒNG LÀM VIỆC ÁN TƯỢNG NHẤT

Ngày nay cuộc chạy đua ý tưởng giữa các công ty lớn trên thế giới diễn ra ngày càng khốc liệt. Bởi vậy, làm sao để các nhân viên của mình phát huy tối đa sức sáng tạo cho công ty? Có rất nhiều cách, nhưng một trong các cách đó là tạo ra một môi trường làm việc thoải mái, tiện nghi, đẹp đẽ, sáng tạo.

Bài viết này chọn ra 15 văn phòng làm việc được thiết kế vô cùng ấn tượng của các công ty trên thế giới. Mong rằng chúng ta sẽ thấy nhiều nơi làm việc "hoàn hảo" như thế này ở Việt Nam.

1. Google Zurich

Chắc bạn đã thấy nhiều lần những văn phòng làm việc của Google. Văn phòng làm việc được thiết kế rất vui tươi, nhiều phòng được trang trí đặc biệt để nhân viên có thể làm tốt công việc của họ. Đâu đó có phòng chơi game để giải trí và tập thể dục.



2. Yahoo Barcelona

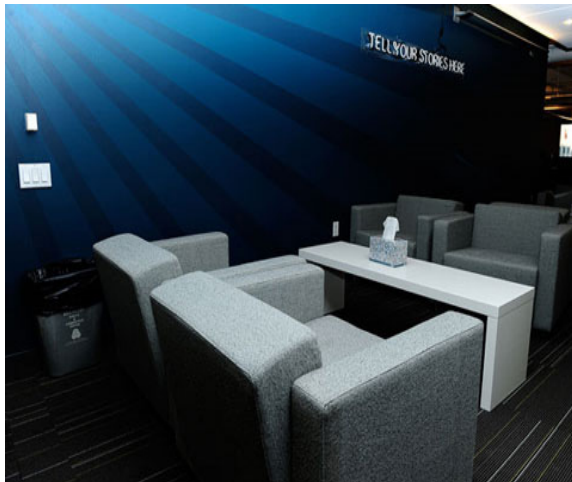
[Yahoo](#) có rất nhiều văn phòng trên khắp thế giới. Văn phòng làm việc dưới đây đặt tại Barcelona, Tây Ban Nha. Văn phòng này cùng phong cách với phong cách thiết kế văn phòng của Yahoo trên toàn thế giới, tập trung vào sự vui vẻ và sáng tạo. Điều này có thể

thấy trên các tác phẩm nghệ thuật như là những bức tranh đặt trên tường.



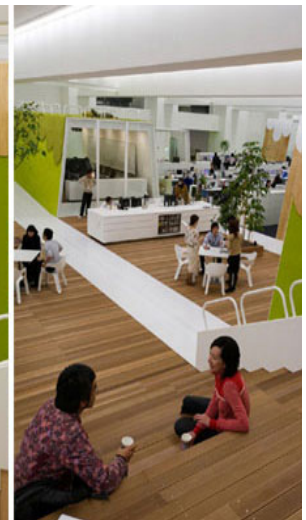
3. Twitter

Trừ khi bạn sống trong một hang đá trong năm năm, bạn mới không nghe nói về Twitter. Công ty đã lớn cực nhanh trong thời gian qua và chuyển tới một văn phòng mới. Văn phòng này nhìn sạch sẽ, đơn giản. Bạn sẽ tìm thấy rất nhiều sự liên qua của Twitter với văn phòng của họ, như chú chim hay chữ @.



4. TBWA Hakuhodo

[TBWA Hakuhodo](#) là một công ty quảng cáo của Nhật. Văn phòng tuyệt vời này được thiết kế bởi Công ty kiến trúc Klein Dytham. Được thiết kế với mục đích tạo không gian tự nhiên như đang làm việc ngoài trời, với nhiều cây và thảm cỏ.



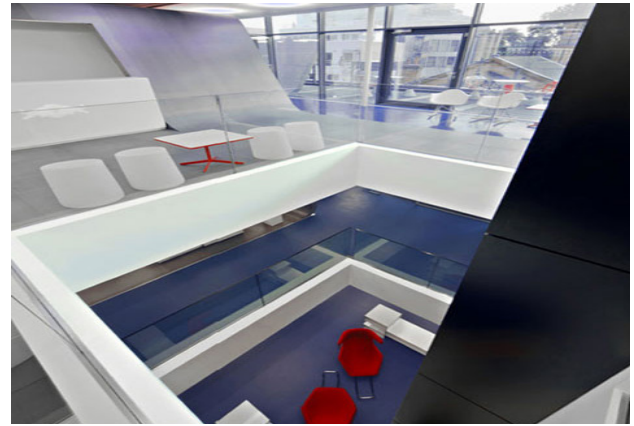
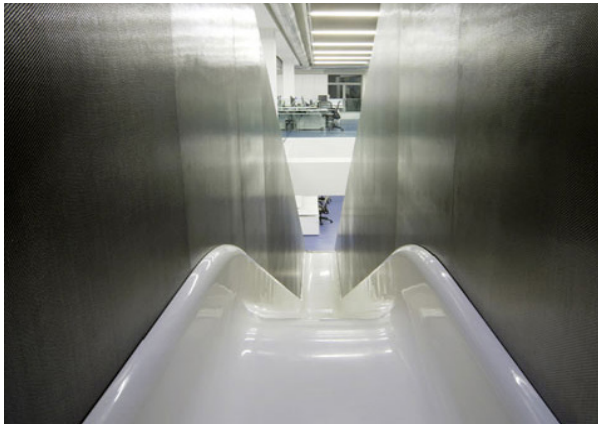
5. Selgas Cano Architecture

Công ty Kiến Trúc Selgas Cano, được thiết kế bởi [Iwan Baan](#), khiến bạn trở thành một phần của thiên nhiên. Một phần văn phòng ở dưới đất, phần trên thì có những ô cửa sổ lớn, bạn làm việc dưới những tán cây xanh mát. Một khung cảnh yên bình, đầy tính sáng tạo, tuyệt vời.



6. Red Bull London

Đây là một trong những văn phòng rất thú vị. Đặc biệt bởi phong cách mượt mà được tạo bởi những đường trượt bằng sợi Carbon. 3 Tầng văn phòng tuyệt vời của Red Bull' được thiết kế bởi [Jump Studios](#), một công ty thiết kế từ London, Anh.



7. Pixar

Một tên tuổi quá quen thuộc với thể loại phim hoạt hình 3D với các tác phẩm kinh điển như: *Toy Story*, *Finding Nemo*, *Wall-E* và *The Incredibles*. Nhưng bạn có biết nơi làm việc của họ? Đây là văn phòng được vẽ và sắp xếp bởi các họa sĩ từ xưởng phim Pixar. Bạn có thể làm việc trong những không gian sáng tạo hoặc chơi game mới trò đá bóng bàn (ping-pong) hoặc...đi bơi.



8. Pallotta Teamworks

Pallotta Teamworks đã đề nghị Công ty thiết kế Clive Wilkinson tạo ra một kiểu văn phòng mới. Và đây là những thứ họ muốn. Văn phòng này được thiết kế bởi những công ten nơ (container) xếp lên nhau. Những chiếc công ten nơ được thiết kế nhiều màu để tạo nên sự thú vị cho nơi làm việc.



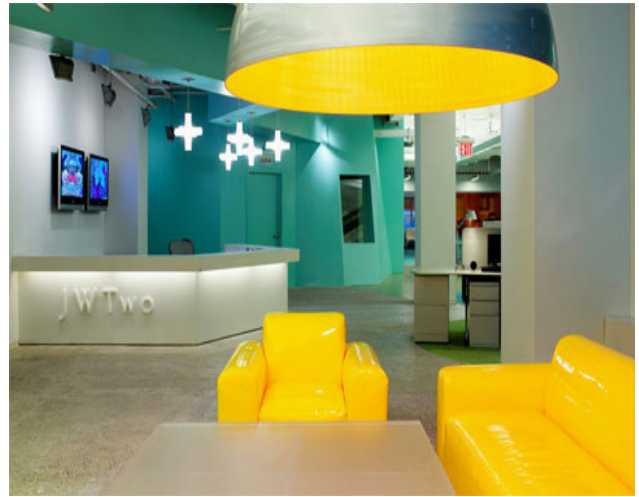
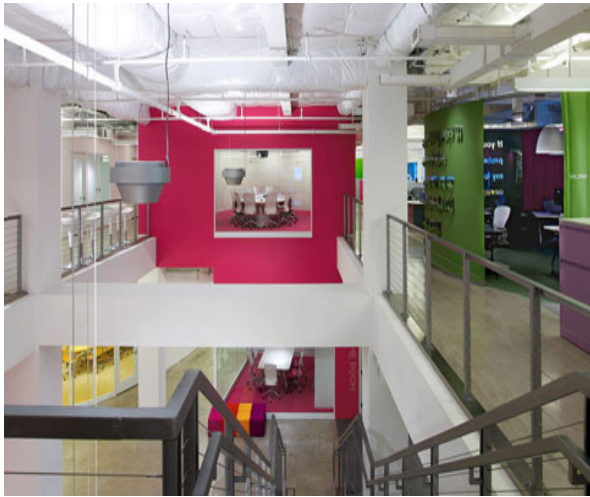
9. White Mountain Office

Văn phòng này khiến ta nhớ tới những bunker (hầm kiên cố) của 1 nhà máy nguyên tử trong phim Terminator 3.



10. JWT New York

JWT là một trong số những công ty quảng cáo lâu đời nhất thế giới. Văn phòng công ty này được thiết kế chứa 900 người trong 5 tầng lầu. Văn phòng này phản ánh ngành kinh doanh mà JWT đang làm, nhận diện được thương hiệu. Nó được thiết kế bởi Công ty thiết kế Clive Wilkinson.



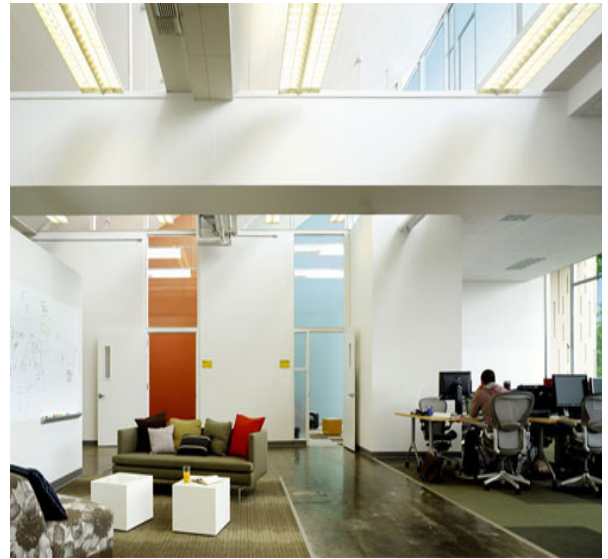
11. Hyves

Hyves.net là một mạng xã hội phổ biến tại Hà Lan. Như văn phòng của FaceBook, văn phòng là nơi tất cả cùng làm việc. Chỉ có điều khác là Hyves sử dụng tone màu tươi sáng.



12. Facebook

Văn phòng mới của Facebook tập trung vào những gì những người ở đây muốn. Rất nhiều "hàng xóm" được tạo ra khiến các bộ phận có một phong cách độc đáo. Mọi người ở đây cũng được khuyến khích vẽ lên tường, treo các tác phẩm hoặc bày các đồ nội thất bất kỳ nào họ thích.



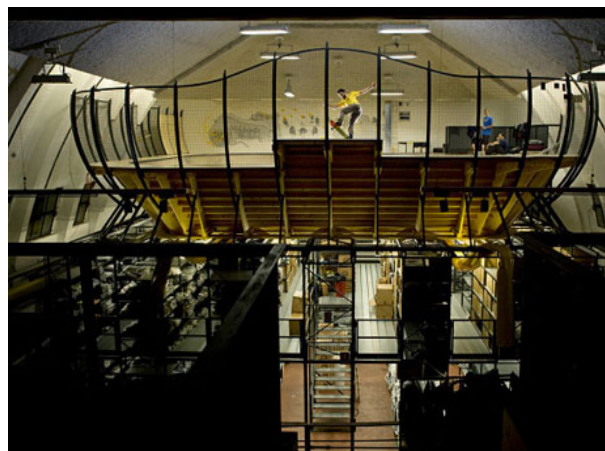
13. Chamber of Commerce and Industry, Slovenia

Đây có lẽ là văn phòng "xanh" nhất có thể. Bạn cứ như đang làm việc trong một cái lồng kính trồng cây xây.



14. Bastard Store and Office

Cửa hàng, văn phòng Bastar giống như thiên đường dành cho những người đam mê skateboard (trượt ván). Nó thực sự là sự kết hợp giữa các nền trượt và và thiết kế văn phòng. Chắc hẳn không ít nhân viên ở đây thư giãn bằng cách trượt ván.



15. NCT



Văn phòng thứ 15 chúng tôi muốn giới thiệu ở đây là văn phòng công ty [NCT](#), với trang web mà nhiều bạn nghe nhạc biết [Nhaccuatui.com](#). Dẫu cho thiết kế này có gì đó lấy chút ý tưởng từ Pixar với những ngôi nhà gỗ, ánh đèn vàng ấm áp, thì việc một công ty Việt Nam quan tâm tới môi trường làm việc của nhân viên như NCT là điều rất đáng trân trọng.

Hy vọng cảm hứng từ những văn phòng ở trên đây khiến những ông chủ doanh nghiệp tại Việt Nam quan tâm tới việc nâng cấp văn phòng của mình. Điều đó vừa tăng sức cống hiến của mỗi nhân viên cho công ty, vừa chứng tỏ doanh nghiệp rất quan tâm tới mỗi nhân viên của mình.

(Nguồn: [idesign.vn](#))

Ngoài ra, bạn cũng cần mang theo công cụ lưu trữ ở bất cứ đâu. Bởi lẽ, những ý tưởng hay chợt đến nhưng cũng dễ dàng bay đi. Ý tưởng có thể xuất hiện vào lúc chúng ta không ngờ tới. Nếu không nắm bắt và ghi lại ngay, chúng ta sẽ rất dễ quên. Các nghệ sĩ hay những người làm công việc sáng tạo biết rõ điều này và luôn mang theo mình một cuốn sổ để ghi lại những ý tưởng ấy. Tuy nhiên, đâu cần phải là một nhà văn mới có những ý nghĩ hay xuất hiện trong đầu. Vì vậy, hãy luôn mang theo các công cụ lưu trữ để có thể giữ lại những suy nghĩ thoáng qua đó.

Khi học tập và ôn thi cũng vậy, lời giải và ý tưởng luôn có thể bất ngờ nảy ra. Một tờ giấy nhỏ và chiếc bút sẽ giúp bạn không bỏ quên nó.



2.2. Tạo ra những sự kết hợp mới

Sự sáng tạo xảy ra trong giai đoạn nhận thức của não bộ, khi mà tri giác và các khái niệm đang được hình thành từ những yếu tố tạo nên chúng và cũng là giai đoạn chúng thay đổi vị trí. Chính sự kết hợp ngẫu nhiên theo trật tự mới những yếu tố này sẽ tạo ra những khái niệm mới. Nhà sáng tạo đơn giản chỉ tạo ra nhiều ý tưởng hơn người bình thường. Cách thức tư duy của thiên tài thường dựa trên những nguyên tắc cơ bản. Và từ những nguyên tắc đó, họ có nhiều cách độc đáo để tạo ra nhiều ý tưởng cho vấn đề của mình. Một họa sỹ thiên tài nói “Khi tôi bó một bó hoa để vẽ nó, tôi luôn luôn quay vào mặt mà tôi không định vẽ”. Khi họa sỹ vẽ tranh theo trường phái ấn tượng Reoir có lời

phát biểu như trên, ông ta đã đề cao tầm quan trọng của sự phát triển những tầm nhìn mới đầy sáng tạo. Để làm ra một điều mới lạ thì chúng ta phải nhận thấy một điều gì đó mới lạ. Một điều mới lạ không hẳn là bạn nhìn vào sẽ thấy liền, nó là những điều bình thường trong cuộc sống hàng ngày. Khi thấy một hiện tượng như vậy, những người sáng tạo sẽ biết cách liên kết và suy tưởng ra các ý tưởng sáng tạo mới. Vì thế, điều ta nhận thấy có thể là những yếu tố đã được xem xét trước đó ở một vấn đề hoặc một giải pháp nào đó từ việc kết hợp hai thành phần không liên kết của vấn đề hay những ý tưởng lại với nhau.

Có lẽ ví dụ nổi tiếng nhất trong lịch sử về một sự đột phá ra ý tưởng là câu chuyện về Archimedes. Ông đã nhảy ra khỏi bồn tắm và trần truồng chạy trên đường, la lớn rằng “Eureka! Eureka!”. Đây là một hành động kì lạ và vui nhộn khi ông này phát minh ra định luật về lực đẩy của nước. Khi đang tắm, ông ta đã chú ý tới việc trọng lượng cơ thể của ông đã thay thế cho một lượng nước bằng với trọng lượng cơ thể như thế nào. Điều này đã làm cho một tia sáng loé lên trong ông, hay một cách nhìn mới về cách làm thế nào để xác định xem vương miện của vua có được làm hoàn toàn bằng vàng ròng hay không.

Một ví dụ cũng cùng thời với ví dụ trên là của Art Fry - người phát minh ra những mẫu giấy ghi chú Notes. Ông là một người đánh đàn ở nhà thờ và luôn cần những mẫu giấy để dán lên chiếc đàn và giữ nguyên một chỗ. Kết quả là ông đã kết hợp nhu cầu của mình về một miếng giấy mà có thể ở yên một chỗ khi đánh dấu những bài thánh ca của nhà thờ với một mảnh giấy dùng keo dính được làm bởi Spencer Silver, một trong những đồng nghiệp của ông ở 3M. Cả Archimedes và Art Fry đã tạo ra một tầm nhìn sáng tạo hơn khi họ kết hợp những thành phần của phần không liên quan trước đó của vấn đề để tạo ra những thành quả mới. Cũng như Newton liên tưởng khi nhìn quả táo rụng và Galile phát minh ra con lắc đồng hồ khi nhìn thấy chuyển động quả chuông trong nhà thờ. Đôi khi sự sáng tạo được định nghĩa là sự sắp xếp những cái cũ có sẵn theo một trật tự mới.

Kỹ thuật kết hợp này được gọi là kỹ thuật Da Vinci. Những cái đầu kỳ quái và những bức tranh biếm họa nổi tiếng của Leonardo da Vinci được tạo ra bằng cách kết hợp ngẫu nhiên từ các đặc điểm tương ứng với các bộ phận trên khuôn mặt. Ông chia khuôn mặt thành 5 yếu tố: Đầu, Mắt, Mũi, Miệng, Cằm. Liệt kê những đặc điểm tương ứng với mỗi yếu tố. Ví dụ như Mắt: Lòi, Trùng, Ốc, Lác, Tròn, Xéch..

Đầu	Mắt	Mũi	Miệng	Cằm
Đầu tròn	Lồi	Hình mõ vẹt	Méo	Che
Xương xẩu	TRŨNG	Hình móc	Sút môi	Trề
Đầu vòm	Ốc nhồi	HÉCH	Mỏng	Vuông
Sâu róm	Lác	Hình mỏ	TRỀ	Sệ
Hình vuông	Tròn	Mỏng	Cong	Lệch
Hình trứng	Xéch	Khoằm	Dày	Nhô ra
TRÁN NHĂN	Hí	Hình xì gà	Mọng	THỤT

Sau đó, ông kết hợp 5 đặc điểm tương ứng bất kỳ vào tạo ra một khuôn mặt mới hoàn toàn.



Hình vẽ bức tranh tạo ra từ sự kết hợp theo bảng trên

Hãy tìm cách chia nhỏ vấn đề thành các nhân tố riêng lẻ và với mỗi nhân tố như vậy sẽ bao gồm những đặc điểm cụ thể. Và sau đó chúng ta tìm cách kết hợp chúng một cách ngẫu nhiên giống như trò chơi tổ hợp. Để áp dụng kỹ năng của Leonardo da Vinci, bạn có thể theo 5 bước sau:

- Lựa chọn các đặc điểm hoặc chiều hướng. Bạn có thể chọn nhiều bao nhiêu tùy thích. Nhưng ít nhất nên là ba hoặc bốn.
- Liệt kê nhiều hết mức có thể những biến đổi có thể cho mỗi đặc điểm.
- Nối ngẫu nhiên một hay nhiều biến đổi ở mỗi cột với một hay nhiều biến đổi ở các cột khác.
- Đưa những kết hợp ngẫu nhiên này thành những ý tưởng mới.

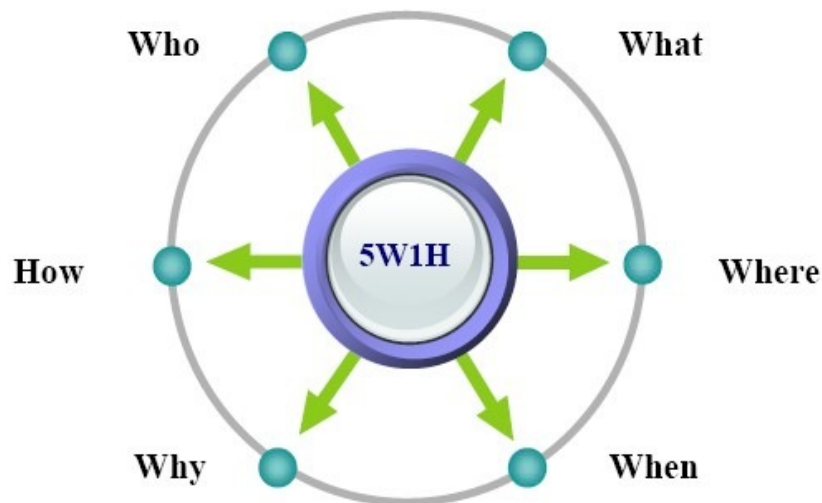
- Tiếp tục thử những kết hợp khác nhau.

2.3. Đặt những câu hỏi hợp lý

Albert Einstein từng nói: “Điều quan trọng là đừng bao giờ ngừng đặt câu hỏi”. Hãy đặt thật nhiều câu hỏi về bất kỳ vấn đề nào mà bạn đang tìm cách giải quyết. Càng đặt nhiều câu hỏi bao nhiêu, bạn sẽ hiểu nhiều về vấn đề đó bấy nhiêu.

Những người sáng tạo, đặc biệt là người có tính sáng tạo cao, thường biết vượt qua cái bóng của mình để đặt ra những câu hỏi, đây là bản tính của họ. Những câu hỏi không sợ những lời phê phán. Những chất vấn tự nhiên thường bị nhầm lẫn là sự chỉ trích trong khi đơn giản chỉ là chất vấn, thăm dò. Bạn hãy đặt ra những câu hỏi cho những sự việc thường ngày ví dụ như: “Nếu thang máy không chỉ đi lên và xuống mà còn từ đầu này sang đầu kia thì sẽ thế nào?”, “Nếu cơ quan yêu cầu mỗi ngày mọi người phải cười ít nhất 30 phút thì sao?”...

Có nhiều cách đặt câu hỏi tùy vào mục đích. Có thể sử dụng kỹ thuật “Hỏi tại sao năm lần” (ask why five times) để tìm gốc rễ vấn đề khi thắc mắc một vấn đề gì đó chưa được giải đáp. Kỹ thuật này yêu cầu hỏi “Tại sao?” ít nhất năm lần. Đến khi không còn câu trả lời cho câu hỏi “tại sao” nữa thì nguyên nhân gốc đã được nhận dạng. Hoặc sử dụng những câu hỏi “5W và 1H” căn bản của nghề báo. Đó là: Ai, cái gì, ở đâu, khi nào, tại sao và như thế nào?



Chẳng hạn, bạn có thể đặt những câu hỏi: Ai là đối thủ cạnh tranh của ta? Ai là khách hàng của ta? Tổ chức của chúng ta làm gì? Nhiệm vụ của chúng ta là gì? Chúng ta có thể tạo được những bước cải tiến ở đâu? Chúng ta có thể lấy những thông tin về đối

thủ của mình ở đâu? Khi nào chúng ta nên thâm nhập vào một thị trường mới? Khi nào là thời điểm thích hợp nhất để khách hàng mua sản phẩm của chúng ta? Tại sao khách hàng chọn sản phẩm của chúng ta? Tại sao chúng ta lại muốn thâm nhập thị trường mới? Đặt thật nhiều câu hỏi, bạn sẽ hiểu rõ hơn về tổ chức, về cơ quan của bạn và môi trường xung quanh. Nếu có sự hiểu biết tốt hơn, bạn sẽ có những cái nhìn sáng tạo về cách cải tạo nó.

Bài tập vận dụng

Hãy nghĩ ra càng nhiều công dụng của một vật thể, một dụng cụ bất kì càng tốt, ví dụ:

- Mũ bảo hiểm?
- Ly uống nước?
- Hòn đá?
- Chiếc lược?
- Cây bút?
- Ghim kẹp giấy?
-

Chẳng hạn, bạn lấy ra ghim kẹp giấy và tự hỏi: “Cái này dùng để làm gì?”. Đầu tiên, hãy thay đổi cách đặt câu hỏi, bạn nên để đầu óc của mình được “mở” hơn với một câu hỏi khiến bạn phải nghĩ ra thật nhiều đáp án, như: “Có thể dùng cái cái ghim này vào những việc nào?”

Tiếp theo là những câu trả lời. Nếu câu trả lời của bạn là “để kẹp giấy” thì đây là cách thông thường. Tuy nhiên, nếu bạn xem đây không chỉ là chiếc ghim kẹp giấy mà còn là một mẫu dây thép, có nghĩa là bạn bắt đầu quá trình tư duy sáng tạo. Từ cách nhìn đó, bạn sẽ thấy được nhiều công dụng mới của ghim kẹp giấy. Ví dụ, nó có thể dùng làm dây cầu chì cho một mạch điện, một dụng cụ dùng để đánh dấu hoặc một chiếc kẹp để giữ hộp. Hãy bắt đầu chú ý tới các khả năng trong các trường hợp khác nhau, những tiện ích khác mà chiếc ghim này có thể mang lại.

2.4. Tạo ra những góc nhìn mới

Chúng ta đang bị ảnh hưởng bởi thói quen và những giới hạn. Tất cả chúng ta đều có một cách thoải mái và khác biệt để làm mọi thứ, và chẳng có gì sai khi làm như vậy cả.

Tuy nhiên, có một vấn đề nảy sinh ra bất kỳ khi nào chúng ta cố gắng vượt ra khỏi đường mòn thói quen. Mỗi suy nghĩ để làm một việc gì đó khác thường có thể làm bạn lo sợ. Nhưng tư duy sáng tạo luôn yêu cầu ta làm điều đó. Charles Kettering, một nhà phát minh ra động cơ điện tự động đã có lần nói rằng: “Chúng ta sẽ không bao giờ có được một cái nhìn mới mẻ từ tận cùng của con đường mòn thói quen”.

Đôi lúc một nhà bác học với một kiến thức uyên thâm không thể giải quyết một vấn đề đơn giản mà một đứa trẻ lên mười có thể làm được. Một người trưởng thành suy nghĩ quá nhiều, bị trói buộc bởi quá nhiều tri thức, quá nhiều giới hạn và quá nhiều thành kiến. Đôi lúc có những vấn đề khá đơn giản nhưng ta lại tư duy quá cao siêu và gặp thất bại. Lúc bé, chúng ta học nhiều về thường thức trong cuộc sống. Tất nhiên, những hiểu biết đó đã giúp ích cho ta trong đời sống hàng ngày. Tuy vậy, cũng có những lúc nó không những vô dụng mà còn làm hạn chế tư duy của chúng ta khi giải quyết một số vấn đề. Thực tế cho thấy, nhiều vấn đề đơn giản đến nỗi trẻ con cũng làm được mà người lớn lại cảm thấy vô cùng khó khăn.

Đầu óc của con người vì sao lại bị ràng buộc bởi những “hiểu biết về kiến thức thông thường” hoặc là những “kiến thức và kinh nghiệm của quá khứ”. Suy nghĩ cũng làm cho con người mệt mỏi, nên cần có thời gian thích đáng để nghỉ ngơi. Nhất là gặp những trường hợp nhiều lần được giải quyết một cách thuận lợi bởi những kinh nghiệm sẵn có, lúc đó đầu óc của chúng ta sẽ chọn cách ‘tiết kiệm tư duy’ để ứng phó với những vấn đề đó. Chúng ta đã trở nên rất quen thuộc khi làm mọi thứ theo một cách nhất định mà chúng ta có thể mất đi khả năng thoát ra khỏi những thói quen của mình. Có lẽ điều quan trọng nhất là gia tăng nhận thức của chúng ta về những người là nạn nhân của lối tư duy theo khuôn mẫu như thế nào. Khi làm điều này, ta hiểu biết rõ hơn khi nào chúng ta sẽ bị lạc vào đường mòn ấy.



Hãy ra khỏi thành phố thói quen

Sự quen thuộc về một thứ gì đó là một kẻ tiếp tay cho thói quen. Sau đây là những cách thức giúp chúng ta tạo ra những góc nhìn mới:

- **Lắng nghe từ đám đông và đi theo cách khác:** Những người sáng tạo hiệu quả đều nghi ngờ cái gọi là trí tuệ đám đông. Họ hiểu rằng đám đông không có tầm nhìn tổng quát và thường bị dẫn dắt bởi những kích thích hiếm khi phù hợp với các mục tiêu sáng tạo. Những người sáng tạo hiệu quả không sợ đi một con đường khác và tìm ra một lộ trình mới. Các nhà sáng tạo cũng là những nhà lãnh đạo, và điều này có nghĩa là họ dẫn mọi người tới những miền đất mà họ chưa từng đặt chân tới.

- **Tin vào điều không thể là hoàn toàn có thể:** Những người sáng tạo tin những điều người khác không thể. Thay vì những thách thức lớn, họ nhìn thấy những cơ hội lớn. Điều này có lẽ là những lời mà các nhà tạo động lực thường xuyên muốn nói. Mọi sáng tạo lớn đều chứa đựng một thách thức thực sự. Nếu bạn không tin, bạn sẽ khó nhận được sự thành công.

- **Thực hành sáng tạo ở khắp mọi nơi:** Những người sáng tạo cao luôn rất tích cực khi nói tới sáng tạo. Họ luôn luôn thử những điều mới trong cuộc sống và có tư duy cải tiến để thay đổi nhanh hơn.

2.5. Loại bỏ những thói quen tiêu cực

Hãy thử làm một vài bài tập nhỏ cho riêng bạn hoặc nhóm của bạn: trong 5 phút, bạn hãy viết xuống bất kỳ một phản ứng tiêu cực mà bạn thường có đối với một ý tưởng mới. Khi hoàn tất, bạn hãy so sánh những điểm được ghi trong giấy của bạn với những

những điểm dưới đây. Sẽ có nhiều điểm giống nhau đấy, nếu không phải thế thì có thể là danh sách của bạn là bản sao của danh sách dưới đây.

- Vấn đề của chúng ta khác mà
- Chúng ta đã đề cập tới điều đó rồi
- Chúng ta không còn đủ thời gian nữa
- Chúng ta không có đủ sự giúp đỡ đâu
- Hệ thống của chúng ta quá nhỏ bé để làm điều đó
- Chúng ta vẫn làm theo cách đó đấy thôi
- Phương pháp mà chúng ta đang làm cũng đáng tin cậy mà
- Nó không thực tế chút nào
- Nó tốn nhiều thời gian lắm
- Nó cũ rích rồi
- Chúng ta chưa sẵn sàng để làm điều đó
- Chúng ta còn nhiều việc khác phải làm vào lúc cấp bách này
- Đừng có tỏ ra trứng khôn hơn vịt nhé
- Một nhóm nhỏ và tiến bộ như nhóm của chúng ta không nhất thiết phải làm điều đó.

- Điều này đòi hỏi phải đầu tư kỹ lưỡng lắm mới được
- Chúng ta không bao giờ phải chịu tổn kém về nó cả
- Nếu không cần phải đầu tư kỹ lưỡng thì làm sao mà nó hoạt động được
- Nó quá cực đoan
- Nó gần giống như những gì chúng ta đang làm đó thôi
- Điều này ghi trên sách vở thì được đó, nhưng còn làm được điều này thì chắc không được đâu

- Nó trái với những tiêu chuẩn chuyên nghiệp
- Cấp trên sẽ không thích nó đâu
- Nó ngoài giới hạn và trách nhiệm của tôi

Cố gắng thêm một chút nữa có thể là bạn sẽ nghĩ ra nhiều ví dụ hơn nữa. Bây giờ thì điều gì sẽ xảy ra nếu bạn cố làm một danh sách về các phản ứng tích cực? Trong 5 phút, bạn hãy viết ra tất cả những phản ứng tích cực mà bạn có thể có về một ý tưởng

mới. Rất có thể danh sách này sẽ ngắn hơn danh sách trước. Và bạn cũng có thể thấy khó hơn để nghĩ về những phản ứng tích cực đấy.

Để loại bỏ thói quen suy nghĩ tiêu cực, hãy cố gắng phát triển nhiều hơn những phản ứng cân bằng với một ý tưởng mới. Có nhiều cách để làm điều đó. Sau đây là một vài cách thức:

- **Ý tưởng luôn cần được hoàn thiện:** Hãy cố gắng nhìn nhận những ý tưởng đó như là những nguyên liệu thô, tức là những ý tưởng ban đầu là những thứ mong manh, yếu ớt mà chúng ta thường chuyển tới những giải pháp khả quan hơn. Vì thế hãy nhẹ nhàng và từ tốn khi có một ý tưởng mới.

- **Ủng hộ tất cả những ý tưởng mới:** để chúng có thể thường xuyên được hỗ trợ và có thể giúp khuyến khích mở rộng thêm những ý tưởng mới hơn. Một ý tưởng mới không hẳn là một điều gì đó vĩ đại, nó có thể là một ý tưởng rất nhỏ giúp bạn tiết kiệm chi phí, chẳng hạn, một lúc nào đó bạn nghĩ ra một điều đơn giản: thay vì mua báo hàng ngày, bạn đặt báo tháng thì sẽ tiết kiệm hơn và có người giao báo sớm hơn. Người Nhật luôn luôn khuyến khích những ý tưởng nhỏ như vậy để cải tiến liên tục và với hàng ngàn ý tưởng nhỏ cho mỗi năm trong một công ty, họ được coi là một nước có chỉ số sáng tạo cao nhất thế giới.

- **Tư duy tích cực:** Trong phương pháp tư duy “Six thinking hats” (sẽ được đề cập chi tiết ở phần 2), chiếc mũ màu vàng tượng trưng cho sự lạc quan và suy nghĩ tích cực. Mỗi lần bạn nghe thấy một ý tưởng mới, hãy tập cho mình nghĩ hoặc nói rằng: “Điều này có điểm gì tốt?”, “Đặc điểm nổi bật của ý tưởng đó là gì?”. Nếu bạn có thể nghĩ một mặt tích cực, rồi sau đó bạn sẽ được lợi từ những điều có thể là vô ích mà đã xuất hiện trước đó. Hơn nữa, đặc điểm tích cực đó có thể kích thích tạo ra được một ý tưởng mới. Nói hoặc nghĩ những gì bạn thích về ý tưởng, những điểm thu hút bạn, rồi sau đó là những điểm bạn không thích về nó.

- **Theo đuổi và thử nghiệm:** Một vài người muốn nói rằng: để sáng tạo thành công, bạn cần phải thất bại. Những người sáng tạo hiệu quả không từ bỏ và chấp nhận thất bại khi lần đầu tiên họ đối mặt với một vấn đề. Họ tiếp tục phát triển ý tưởng cho tới khi họ đạt tới thành công. Chỉ sau khi theo đuổi và quyết liệt theo đuổi ý tưởng của mình và trải nghiệm tất cả các khả năng có thể, họ sẽ trở nên rất khó bị đánh bại.

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daniel Pink, A Whole New Mind, Bản dịch tiếng Việt: *Một tư duy hoàn toàn mới*, NXB Lao động - Xã hội, 2012
2. Daniel Pink, Motivation 3.0. Bản dịch tiếng Việt: *Động lực 3.0*, NXB Thời đại, 2013
3. Jack Foster, *Bí quyết sáng tạo*, Nguyễn Minh Hoàng (biên dịch), NXB Trẻ, 2005
4. Michael Michalko, *Đột phá sức sáng tạo - Bí mật của những thiên tài sáng tạo*, NXB Tri thức, 2006
5. Nguyễn Cảnh Toàn, Nguyễn Văn Lê, Châu An, *Khơi dậy tiềm năng sáng tạo*, NXB GD, 2005

D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN

*** CÂU HỎI, BÀI TẬP THẢO LUẬN**

1. Hãy nêu ra một ý tưởng nhỏ để cải tiến phòng học của môn Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo. Sau đó hãy cố gắng biến ý tưởng này thành hiện thực.
2. Hãy tìm những bức ảnh mà bạn cho là sáng tạo và chỉ ra những điểm sáng tạo ấy.
3. Sử dụng kỹ thuật Da Vinci phát triển sản phẩm mới là: Dịch vụ rửa xe.

Các thành phần gợi ý cho dịch vụ rửa xe:

- Đối tượng được rửa
- Dụng cụ rửa xe
- Cách thức rửa
- Nơi chốn
- Khách hàng
- Giá cả

4. Những kết hợp dưới đây giúp người sáng chế đạt những thành công. Bạn thử chỉ ra những liên kết nào dưới đây:

a. Những sản phẩm nào được tạo thành từ những kết hợp dưới đây:

- + Tăm xỉa răng và bông gòn
- + Xe hơi và nhà
- + Bụi nước hoa và động cơ xe

+ Ghế ngồi và bánh xe

b. Tên một số thương hiệu ẩm thực trên thế giới được kết hợp từ nhiều yếu tố với nhau:

+ Pizza và dịch vụ giao hàng

+ Café và nhạc rock

+ Nhà hàng và ngôi sao phim ảnh

c. Những ý tưởng về sản phẩm dưới đây được kết hợp từ những điều gì?

+ Phở 24

+ Lẩu băng chuyền

+ Ipad

5. Hãy đọc bài viết dưới đây và trả lời những câu hỏi bên dưới:

TỰ HỌC VÀ SÁNG TẠO - VÌ SAO PHẢI TỰ HỌC?

1. Tự học là bản năng của con người

Con người mới sinh ra chỉ có một số ít hoạt động do di truyền mà có như bú mẹ, khóc khi đói, khi khát... Nhờ tự học, bé phân biệt được người lạ, người quen, vật có lợi, vật có hại, vận động tay chân để lấy thức ăn, để đi lại...

Nhờ sự giúp đỡ (giáo dục) của người thân, của xã hội, sự tự học ấy được phát triển nhanh hơn. Tuy nhiên, trong một thời gian dài, sự giáo dục không đúng cách làm cho tính tự học của con người trở nên kém hiệu quả.

2. Tự học là xu thế của thời đại

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà tri thức của nhân loại tăng lên rất nhanh chóng, xã hội loài người vì vậy đang có những biến đổi cực kì sâu sắc, toàn diện với tốc độ cao, đòi hỏi mỗi người phải thường xuyên nâng cao trình độ, năng lực thích ứng với những biến đổi ấy. Khả năng thích ứng ấy có được hay không phụ thuộc rất nhiều vào năng lực tự học, tự bồi dưỡng liên tục, kịp thời của mỗi người. Bởi vì kiến thức tiếp thu trong nhà trường rất nhanh chóng bị lạc hậu.

Bắt đầu từ cuối thập kỷ 60, hầu hết các nước phát triển đã thay đổi quan niệm học tập một thời bằng quan điểm học tập suốt đời.

Nước Nhật cải tiến giáo dục vào những năm 70 đã thực hiện một xã hội giáo dục suốt

đời.

Nước Mỹ năm 1984, Bộ Giáo dục gửi lên Nhà Trắng một báo cáo đề cập đến vấn đề “Mọi người phải biết tự học để có thể học tập suốt đời”.

3. Tự học, tự bồi dưỡng là nội dung trong nhiều văn bản của Đảng, của Bộ Giáo dục, trong Luật Giáo dục:

“Cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập, phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của học sinh...” (NQ TU 2 – Luật Giáo dục).

4. Tự học mới thành tài

Hầu hết các nhà sáng tạo lớn như nhà khoa học, nhà kinh doanh, nhà chính trị, quân sự, nhà văn, nhà thơ... lỗi lạc trong nước và trên thế giới đều tự học mà nên. Edison là một trong những người như thế.

Lúc 7-8 tuổi, Edison rất hiếu động, thích tò mò, tìm tòi khảo sát từng góc ngách mọi nơi, có lần té xuống con kênh suýt chết đuối, một lần suýt chết ngạt dưới một núi thóc trong vựa lúa.

Edison luôn đặt nhiều câu hỏi với mẹ, chẳng hạn: Tại sao gà mái nằm trên ổ trứng? Mẹ trả lời: Để truyền sức nóng cho trứng nở ra gà con.

Thế là Edison bắt chước: khi gà mái đi vắng, cậu trèo lên ổ gà. Đến giờ ăn cơm, cậu không về. Mọi người trong nhà đi tìm, thấy cậu đang nằm áp bụng lên ổ trứng gà!

Vào học lớp một trường làng, Edison đặt nhiều câu hỏi cho giáo viên. Có câu khó trả lời, giáo viên rất bực mình.

Một hôm trong giờ Toán, Edison hỏi thầy giáo:

- Thừa Thầy, vì sao 2 cộng 2 thành 4?
- Thầy giáo bực mình quát: 2 với 2 không bằng 4 thì bằng 5 hử? Em cố làm

loạn lớp, rút ra ngay!

Edison phải bước ra lớp học, khóc nức nở vì em không cố ý làm loạn lớp mà thật lòng muốn biết bí mật của những con số.

Mẹ Edison đến xin con học lại nhưng bị từ chối. Thế là cậu bé mới học 3 tháng đã phải xa trường, xa bạn.

Mẹ Edison vốn dĩ là giáo viên tiến bộ. Thấy được triển vọng của con nên lập trong nhà một “phòng thí nghiệm nhỏ” để nuôi mầm sáng tạo cho con.

Sau này, với vốn kiến thức do nỗ lực tự học, tính sáng tạo cao, Edison đã trở thành một nhà khoa học sáng tạo lớn nhất nước Mỹ và thế giới, với hơn 2000 sáng chế, phát minh. Nhiều công trình còn phục vụ nhân loại cho đến ngày nay.

5. Tự học mới hiểu sâu, nhớ lâu

Tự học mới hiểu sâu, nhớ lâu kiến thức vì đó là đặc điểm thu nhận thông tin của bộ não đa số người:

- *Nếu chỉ nghe thì thu nhận tối đa được 20%*
- *Nếu chỉ nghe và nhìn thì thu nhận tối đa được 50% (tham quan, xem phim ảnh, minh họa).*
- *Nếu nghe, nhìn, thảo luận và tái hiện, vận dụng thì thu nhận tối đa 90%.*

Hiểu sâu, nhớ lâu còn vì trong quá trình nghiên ngẫm điều mình học, lật đi lật lại vấn đề, hình thành những thắc mắc, những câu hỏi, cố gắng tự trả lời. Trong quá trình tự học đó, tư duy độc lập, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo được nảy nở và phát triển.

Nguồn: Trích trong cuốn sách “Khơi dậy tiềm năng sáng tạo”

Câu hỏi:

1. Thảo luận về tầm quan trọng của việc tự học đối với sự sáng tạo của con người?
2. Hãy tìm những tấm gương tự học đã được xã hội vinh danh nhờ những phát minh/sáng chế phục vụ cuộc sống?

6. Hãy đọc bài viết dưới đây và trả lời câu hỏi bên dưới:

Suy nghĩ khác biệt của những người đặc biệt thành công

Không phải lúc nào thành công cũng xuất phát từ việc tài năng hơn, may mắn hơn hoặc làm việc chăm chỉ hơn tất cả mọi người. Thành công có thể đến từ việc suy nghĩ khác biệt về cách bạn kinh doanh.

Dưới đây là cách suy nghĩ khác biệt của những người đặc biệt thành công.

1. Thay vì để yên các chính sách không hiệu quả, họ thay đổi chúng



Donna Morris, phó chủ tịch Adobe.

Khi Donna Morris gia nhập Adobe vào năm 2002 với tư cách là tổng giám đốc phụ trách quản lý nhân tài toàn cầu, bà đã nhận thấy rằng quá trình đánh giá hiệu quả công việc hàng năm chẳng phục vụ cho bất cứ ai trong công ty.

Bà chia sẻ với trang Business Insider rằng: "Về cơ bản, chúng tôi tin rằng nhân lực là tài sản quan trọng nhất của công ty, thế mà mỗi năm một lần chúng tôi lại có một quá trình để người này chống lại người kia".

Vì thế, bà đã nhanh chóng bãi bỏ quy chế đánh giá hiệu quả công việc hàng năm và thay thế bằng việc kiểm tra thường xuyên.

Khi phê phán cách đánh giá cũ, bà đã nói rằng: "Mọi người phải có can đảm phá bỏ một quy trình không còn đem lại giá trị gì cho công ty nữa".

2. Thay vì cố gắng thay đổi mọi thứ, họ tập trung vào những yếu tố quan trọng đang có vấn đề.



Paul O'Neill, cựu CEO của Alcoa.

Khi Paul O'Neill trở thành CEO của “ông lớn” trong lĩnh vực sản xuất nhôm Alcoa, ông đã công bố rằng công ty sẽ có một cam kết tập trung mới. Không phải là về doanh thu hoặc nghiên cứu và phát triển mà là sự an toàn.

Ông cho hay: “Nếu bạn muốn hiểu Alcoa đang làm thế nào, bạn cần xem xét các số liệu về độ an toàn tại nơi làm việc của chúng tôi”.

Việc mà O'Neill chú trọng không chỉ làm tăng độ an toàn mà còn thay đổi cả công ty. Trong suốt nhiệm kỳ của ông, Alcoa đã giảm được số ngày nghỉ làm việc do bị thương từ con số 1,86 ngày/100 công nhân xuống còn 0,2 ngày. Một năm sau, lợi nhuận của công ty đã tăng đến mức kỷ lục, và khi ông về hưu sau đó 13 năm, thu nhập ròng của công ty hàng năm đã tăng gấp năm lần so với hồi đầu nhiệm kỳ của ông.

Ông chia sẻ: “Tôi biết tôi phải chuyển đổi Alcoa. Nhưng bạn không thể ra lệnh cho mọi người thay đổi. Vì thế tôi quyết định mình sẽ bắt đầu bằng cách tập trung vào một thứ. Nếu tôi có thể bắt đầu phá vỡ các thói quen trong một việc, thì nó sẽ lan tỏa ra toàn bộ công ty”.

3. Thay vì cố gắng tạo ra một thứ hoàn toàn mới, họ vay mượn nó từ những người giỏi nhất



George R.R. Martin, người sáng tác "A Song Of Ice And Fire" (Băng dữ hỏa chi ca) Người sáng tác "Game of Thrones" (Trò chơi vương quyền) - George R.R. Martin đã tạo ra một thế giới mà mọi người yêu thích sống trong đó.

Tiểu thuyết nhiều tập "A Song of Ice And Fire" (Băng dữ hỏa chi ca) đã bán được 24 triệu bản in, và buổi ra mắt mùa thứ tư loạt phim truyền hình được chuyển thể từ bộ tiểu thuyết được phát trên kênh HBO đã thu hút 6,6 triệu người xem.

Martin chia sẻ: "Bạn hãy xem Shakespeare, người đã vay mượn tất cả các cốt truyện của mình. Trong bộ "In 'A Song of Ice and Fire", tôi đã lấy mọi thứ từ "Wars of the Roses" và những điều tuyệt vời khác. Tất cả những thứ đó cứ quanh quẩn trong đầu tôi và bằng cách nào đó chúng đã hình thành nên thứ mà tôi hy vọng là chỉ của riêng tôi". Điều này luôn xảy ra trong kinh doanh. Apple không tạo ra chiếc máy nghe nhạc MP3 đầu tiên. Nhưng họ đã tạo ra chiếc máy nghe nhạc đẹp nhất.

4. Thay vì làm theo một thời gian biểu, họ ưu tiên những việc cần phải làm



Sheryl Sandberg, Giám đốc điều hành Facebook.

Thay vì bó hẹp trong thời gian biểu, quy trình làm việc của Giám đốc điều hành Facebook - Sheryl Sandberg lại phụ thuộc vào những việc cần phải làm.

Đó là lý do tại sao bà luôn mang theo mình cuốn sổ ghi chép gáy xoắn trong mọi cuộc họp. Trong cuốn sổ đó là một danh sách các điểm cần thảo luận và các đầu việc phải làm.

Tờ Fortune cho hay: "Bà sẽ gạch chéo từng mục một và khi mọi mục trên một trang đã được kiểm tra hết, bà sẽ xé trang đó đi và chuyển sang trang kế tiếp. Nếu mọi mục đều được thực hiện, cuộc họp sẽ kết thúc".

5. Thay vì chấp nhận định nghĩa tiêu chuẩn về thành công, họ tự đặt ra định nghĩa cho riêng họ



Arianna Huffington, người sáng lập nên The Huffington Post.

Arianna Huffington đạt mọi tiêu chuẩn về sự thành công. Bà lập nên và bán tờ The Huffington Post rồi bỏ túi 21 triệu đô la. Bà sống trong một căn hộ sang trọng và là một nhân vật nổi tiếng trong giới truyền thông, có hàng triệu người theo dõi trên mạng Facebook và Twitter.

Nhưng năm 2007, bà đã từng không cảm thấy thành công như thế khi phát hiện ra mình nằm trên vũng máu trong phòng làm việc. Bà bị đột quỵ vì kiệt sức.

Đó là một cú thức tỉnh: Bà phải thêm từ “hạnh phúc” vào khái niệm thành công của mình.

Huffington đã chia sẻ với trang Business Insider rằng: "Giờ đây sự khác biệt chính là một ưu tiên thường xuyên trong cuộc đời tôi" và bà giải thích mình đã tích hợp yoga,

thiền và việc nghỉ ngơi vào trong thời gian biểu như thế nào. Bà nói thêm: "Điều này không có nghĩa là tôi phải làm những việc này hoàn hảo bằng mọi giá. Nhưng nó chiếm phần lớn cuộc đời tôi mỗi ngày".

6. Thay vì để việc suy nghĩ về bức tranh lớn tự xảy ra, họ lên kế hoạch cho nó



Dan Cathy, CEO của Chick-fil-A.

Mặc dù Dan Cathy, CEO của Chick-fil-A - chuỗi công ty sản xuất bánh sandwich, có thể thua trong một vài trận chiến về quan hệ công chúng nhưng chúng ta vẫn phải ghi nhận việc lên kế hoạch suy nghĩ của ông.

Cuốn sách "How Successful People Think" hé lộ rằng Cathy đã dành nhiều thời gian để suy nghĩ: nửa ngày mỗi 2 tuần và 1 ngày/tháng. Rất nhiều giám đốc điều hành đã áp dụng cách làm tương tự: CEO của LinkedIn - Jeff Weiner dành ra một khoảng thời gian không làm việc gì cả, trong khi tổng thống Mỹ Obama lại dành thời gian đi bộ để suy nghĩ khi ông làm việc tại Nhà Trắng.

7. Thay vì trung thành với truyền thống, họ thay đổi toàn bộ ngành kinh doanh



James Patterson

James Patterson là tác giả có sách bán chạy nhất trong thập kỷ trước. Ông đang lên kế hoạch xuất bản 15 cuốn sách trong năm nay.

Ông đã không thực hiện điều đó một mình.

Patterson đã thay đổi tiêu chuẩn viết của các nhà xuất bản, theo đó một tác giả chỉ được viết một cuốn sách. Thay vào đó, ông xử lý những cuốn sách của mình như một người viết kịch bản truyền hình thực hiện mùa mới của chương trình "The West Wing" - ông làm việc với hơn 20 đồng tác giả.

Theo ông, phương pháp phối hợp đang được thực hiện ở mọi nơi.

Ông chia sẻ với trang Business Insider: "Kịch bản truyền hình dài 60 trang có tới 2 người viết. Kịch bản phim có 4 người viết. Điều này thịnh hành hơn rất nhiều so với mọi người nghĩ".

8. Thay vì tìm kiếm câu trả lời đúng, họ cố tìm ra câu hỏi đúng



Steven Levitt, đồng tác giả của "Freakonomics."

Steven Levitt- đồng tác giả của cuốn "Freakonomics" đang tư vấn cho một công ty công nghệ về một vấn đề khó khăn.

Levitt nhớ lại: "Câu hỏi mà họ đặt ra là: Làm thế nào chúng ta có thể giảm doanh thu để giữ người đăng ký lâu hơn?". Ông gợi ý họ nên xem dữ liệu.

Đào sâu dữ liệu, Levitt phát hiện ra rằng có những khách hàng sử dụng sản phẩm thường xuyên, nhưng khi thử gia hạn thì họ lại không dùng được thẻ tín dụng.

Ông cho hay: "Không ai hiểu vì sao. Dữ liệu cho thấy như vậy, nhưng không ai nghĩ ra

cách chính xác để giải quyết vấn đề”.

Công ty đã có sự can thiệp và tỷ lệ người dùng ở lại đã tăng vọt.

Levitt giải thích: "Không phải là họ không có dữ liệu để đi đến kết luận. Chỉ là rất hiếm người có đủ kiên nhẫn xem xét số liệu trước khi cố gắng giải quyết vấn đề thay vì phản ứng với vấn đề mà họ hiểu”.

(Nguồn: www.kienthuckinhhte.com)

Câu hỏi:

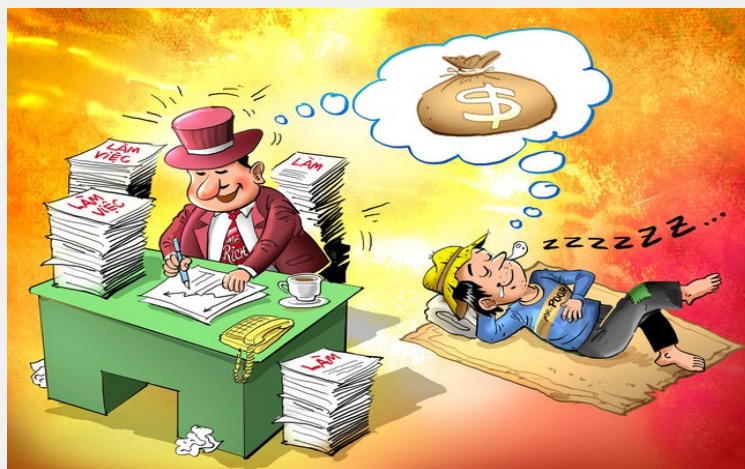
Hãy thảo luận về những khác biệt trong tư duy tạo nên thành công của các nhân vật trong bài viết so với cách tư duy thông thường?

7. Hãy đọc bài viết dưới đây và trả lời câu hỏi bên dưới:

9 TƯ DUY KHÁC BIỆT BIẾN NHÂN VIÊN THÀNH ÔNG CHỦ

Những tình huống và hoàn cảnh khác nhau đòi hỏi tư duy khác nhau. Nếu bạn muốn từ bỏ công việc làm thuê để tự mở công ty riêng, bạn phải ý thức được điều này. Nếu không thay đổi tư duy, bạn sẽ không thể có được thành công trong kinh doanh.

Và nếu bạn mong muốn thay đổi vị trí hiện tại thì cần đầu tư cho giáo dục, thay đổi những lối mòn trong suy nghĩ, lập trình lại thói quen để vượt phá trong mọi lĩnh vực của đời sống như Adam Khoo đã khẳng định: “Người khác làm được thì bạn cũng làm được”.

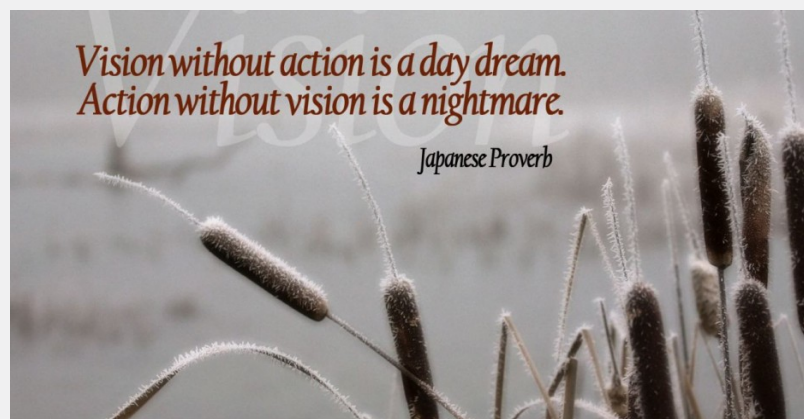


Tư duy có lẽ là nhân tố quyết định đối với thành công trong hầu hết mọi lĩnh vực của cuộc sống. Nói cách khác, thói quen suy nghĩ của bạn sẽ chi phối rất lớn các kết quả bạn có thể đạt được. Vậy làm thế nào để một người từng là nhân viên có thể nghĩ khác đi để

thành công?

1. Bạn chịu trách nhiệm với tất cả các quyết định – dù tốt hay xấu. Các doanh nhân có cơ hội tuyệt vời để tạo ra tất cả từ con số 0, theo cách có thể không hiệu quả với người khác. Nhưng điều này có nghĩa là bạn phải đưa ra quyết định xung quanh những việc cần làm. Bạn không thể chờ mọi việc xảy ra hoặc chờ ai đó bảo bạn phải làm gì, bạn phải hành động. Các doanh nhân thành công cũng hiểu rằng cơ hội không tồn tại lâu và vì vậy tạo ra sự bức thiết sẽ giúp họ đạt được các mục tiêu.

2. Bạn cần giữ cả tầm nhìn ngắn hạn và dài hạn. Làm việc cho những người khác thì bạn chủ yếu chịu trách nhiệm đảm bảo rằng những việc nào cần làm bây giờ sẽ được hoàn thành. Là một doanh nhân, bạn phải lên kế hoạch, nghĩ trước về những cạm bẫy và cơ hội còn ẩn dấu đó và đưa ra quyết định dựa trên những điều không chắc chắn. Điều này đòi hỏi bạn phải quen với thực tế rằng những việc bạn làm hay không làm hôm nay sẽ có tác động đến công ty bạn trong ba tháng hoặc thậm chí là 5 năm sau này.



Giữ tầm nhìn ngắn hạn và dài hạn

3. Cảm giác không thoải mái là “vùng thoải mái” mới của bạn. Là nhân viên, bạn quen với việc nghĩ “trong hộp” hơn là ngoài hộp. Là doanh nhân thì chẳng có chiếc hộp nào cả. Bạn thấy những điều những người khác không thấy, thực hiện các ý tưởng mới, nắm giữ thị trường mới, đón nhận rủi ro. Điều này đòi hỏi sự dũng cảm và khả năng tiếp tục tiến lên bất chấp sự từ chối và hoài nghi.

4. Học tập là một hành trình liên tục. Là nhân viên, bạn có một bản mô tả công việc, yêu cầu phải có một chuỗi kỹ năng nhất định. Là doanh nhân đòi hỏi bạn phải học nhiều kỹ năng mới trừ khi bạn có vốn để thuê người khác làm những việc bạn không giỏi hoặc

không muốn làm. Đó có thể là học cách sắp xếp một bảng tính, tìm kiếm các nhà đầu tư, tiếp thị ý tưởng của bạn, vẽ ra cách bán hàng hoàn hảo hoặc sử dụng một công nghệ xa lạ với bạn. Những gì cần làm thì phải làm – không có lý do để bao biện.

5. Con số không biết nói dối. Về các con số, hầu hết nhân viên chỉ cần biết những gì sắp xảy ra và những gì đã trải qua là đủ. Là doanh nhân, bạn nên học cách yêu các con số thật nhanh vì dòng tiền chính là thứ quyết định bạn sẽ đi hay ở lại với công việc kinh doanh. Sau cùng, chính doanh số bán hàng, các chi phí, lợi nhuận và sự thua lỗ sẽ cho bạn những đêm mất ngủ hay một lối sống đáng thèm muốn. Không có ngọn đèn dẫn đường – chính là những con số, doanh nghiệp của bạn sẽ liên tục gặp khó khăn.



Bắt đầu từ ngay hôm nay để đạt được thành công

6. Yêu công ty bạn nhưng phải khách quan. Là nhân viên, bạn có thể tiếp tục làm những việc bạn không thích chỉ để nhận lương. Là doanh nhân, bạn sẽ cần phải yêu doanh nghiệp của bạn vì công sức và thời gian đã bỏ ra vì nó. Nhưng bạn không nên sa vào chiếc bẫy suy nghĩ và hành động như một nhân viên trong chính công ty của bạn, làm việc “trong” thay vì tác động tới công ty, một người làm chuyên môn thay vì người chèo lái nó tiến lên phía trước.

7. Yêu thích việc phá luật. Là nhân viên, phá luật bạn có thể bị sa thải. Là doanh nhân thì khác, bạn không thích giữ nguyên hiện trạng – bạn luôn tìm ra cách làm mọi thứ khác đi. Điều đó có nghĩa là tiếp nhận quan điểm toàn cục, luôn nhìn lên chân trời hay chỉ ít cũng về phía đó, nơi điều to lớn tiếp theo đang chờ đợi bạn.

8. Thời gian không dài. Là nhân viên, bạn có thời gian biểu để tuân theo. Là doanh nhân, mặc dù bạn không phải ngồi tại bàn làm việc hoặc trước máy tính 24/7, nhưng bạn sẽ luôn phải nghĩ về công ty bạn, những việc đang làm hiệu quả và những việc có thể làm

tốt hơn. Sẽ không có thời gian nghỉ ngơi – bạn sẽ phải sống và hít thở nó.



9. Bắt đầu từ bây giờ. Hầu hết mọi người đều đánh giá thấp thời gian cần thiết để chuyển sang làm doanh nhân, vì thế dễ nhất là bạn bắt đầu chuyển cách suy nghĩ của bạn khi bạn vẫn còn là nhân viên, có thể là mở một công ty song song với công việc hiện tại. Điều này có thể tạo cơ hội phát triển những kỹ năng và xây dựng kinh nghiệm trong khi vẫn tận hưởng sự an toàn của khoản lương tháng, điều mà tại thời điểm nào đó bạn sẽ cần từ bỏ nếu muốn tạo dựng doanh nghiệp riêng.

Maite Baron – đồng sáng lập Thecorporateescape.com

(Nguồn: adamkhooeducation.com.vn)

Câu hỏi:

Từ bài viết trên đây và liên hệ với chương 1 (phần “Suy nghĩ khác biệt”), hãy thảo luận về tầm quan trọng và các trở ngại (nếu có) của những suy nghĩ khác biệt đối với sự thành công trong công việc và học tập của cá nhân?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Xuân Bảo, *Hãy vượt qua tính ì tâm lý*, NXB GD, 2006
2. Dương Xuân Bảo, *Những mẫu chuyện về phương pháp luận sáng tạo*, NXB Giáo dục, 2006
3. Dennis Berg, *Kỹ năng tư duy phê phán*, Trung tâm SEAMEO – Việt Nam
4. Phan Dũng, *Phương pháp luận tư duy sáng tạo*, NXB TP HCM, 1998
5. Nguyễn Đức Dân, “Về khái niệm lập luận trong sách giáo khoa”, trang web: www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
6. Daniel Pink, *A Whole New Mind*, Bản dịch tiếng Việt: *Một tư duy hoàn toàn mới*, NXB Lao động - Xã hội, 2012
7. Daniel Pink, *Motivation 3.0*. Bản dịch tiếng Việt: *Động lực 3.0*, NXB Thời đại, 2013
8. Jack Foster, *Bí quyết sáng tạo*, Nguyễn Minh Hoàng (biên dịch), NXB Trẻ, 2005
9. Jack Trout, Steve Rivkin, *Khác biệt hay là chết*, NXB Trẻ, 2013
10. Trần Kiều (chủ biên), *Trí tuệ và đo lường trí tuệ*, NXB CTQG, 2005
11. Đỗ Trung Kiên, “Về vai trò của tư duy phản biện và những yêu cầu cho việc giảng dạy ở Việt Nam”, Tạp chí PHÁT TRIỂN & HỘI NHẬP Số 5 (15) - Tháng 7-8/2012
12. Lê Nguyên Long, *Hãy trở thành người thông minh tài trí*, NXB GD, 2006 (tái bản)
13. Michael Michalko, *Đột phá sức sáng tạo - Bí mật của những thiên tài sáng tạo*, NXB Tri thức, 2006
14. Phạm Thành Nghị, *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012
15. Nhóm Eureka, *Bốn mươi thủ thuật sáng tạo*, NXB Trẻ, 2007
16. Huỳnh Văn Sơn và nhiều tác giả, *Phương pháp tổ chức giáo dục - Tư duy sáng tạo*, Trường Đoàn Lý Tự Trọng, 2004
17. Huỳnh Văn Sơn, *Đề cương bài giảng Tâm lý học sáng tạo*, 2004
18. Huỳnh Văn Sơn, *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, NXB GD, 2009
19. Huỳnh Văn Sơn - Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu, *Hành trình đi tìm ý tưởng sáng tạo*, NXB Đại học Sư phạm TPHCM, 2010
20. Nguyễn Huy Tú, *Giáo trình Tâm lý học sáng tạo*, Viện KHGD, 2000

21. Nguyễn Huy Tú, *Tài năng - quan niệm, nhận dạng và đào tạo*, NXB GD, 2004
22. Nguyễn Hữu Thụ, *Tâm lý học tuyên truyền quảng cáo*, NXB ĐHQGHN, 2006
23. Trần Trọng Thủy, *Khoa học chẩn đoán tâm lý*, NXB GD, 1992
24. Nguyễn Cảnh Toàn, Nguyễn Văn Lê, Châu An, *Khơi dậy tiềm năng sáng tạo*, NXB GD, 2005
25. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP HN, 1999
26. Đức Uy, *Tâm lý học sáng tạo*, NXB Giáo dục, 1999
27. Cẩm nang kinh doanh, *Quản lý tính sáng tạo và đổi mới*, Tạp chí BHR, NXB Tổng hợp Hồ Chí Minh
28. Những bài giảng của Võ Quang Nhân và Trần Thế Vỹ, *Các phương pháp suy luận và sáng tạo*
29. Business Edge, *Để trở nên hiệu quả hơn*, NXB Trẻ, 2006
30. Roger Von Oech, *Cú đánh thức tinh trí sáng tạo*, Alphabooks, 2009
31. Tony Buzan, *Sức mạnh của trí tuệ sáng tạo*, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2013.
32. Tony Buzan, *10 cách đánh thức tư duy sáng tạo*, NXB Từ điển Bách khoa, 2007.
33. Tony Buzan, *Hướng dẫn sử dụng Bản đồ tư duy*, NXB Từ điển Bách khoa, 2007
34. Edward De Bono, *Tư duy là tồn tại (6 sắc thái tư duy – 6 chiếc mũ tư duy)*, NXB Văn hóa thông tin, 2005.
35. Edward De Bono, *Sáu chiếc nón tư duy*, NXB Trẻ, 2008.
36. Thomas Armstrong, *7 loại hình thông minh*, NXB Lao động, 2007.
37. Shozo Hibino, G. Nadler, *Tư duy đột phá*, NXB Trẻ, 2013.
38. Sylvan Barnet, Hugo Bedau, *Critical Thinking, Reading and Writing: A Brief Guide to Argument*, Bedford/St. Martin, 2007.

Các trang web:

- ✓ www.agilecriticalthinking.com
- ✓ www.pinterest.com
- ✓ ProCon.org - Critical thinking video series
- ✓ tusach.thuvienkhoahoc.com
- ✓ skills.hieuhhoc.com - Phương pháp “Tư duy 6 chiếc mũ”
- ✓ chuongtrinhchuyende.com

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	0
PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ TƯ DUY SÁNG TẠO	3
A. MỤC TIÊU.....	3
B. NỘI DUNG	3
1. KHÁI NIỆM TƯ DUY SÁNG TẠO.....	5
2. CƠ SỞ SINH LÝ THẦN KINH CỦA TƯ DUY SÁNG TẠO	14
3. CÁC RÀO CẢN CỦA TƯ DUY SÁNG TẠO	19
4. ĐẶC ĐIỂM CỦA NHỮNG NGƯỜI SÁNG TẠO	23
5. SÁNG TẠO VÀ TRÍ THÔNG MINH	31
C. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	56
D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN.....	57
 PHẦN 2: CÁC CÔNG CỤ SÁNG TẠO	72
CHƯƠNG 1: CÔNG NẪO	72
A. MỤC TIÊU	72
B. NỘI DUNG.....	72
C. TÀI LIỆU THAM KHẢO	77
D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN.....	77
CHƯƠNG 2: SƠ ĐỒ TƯ DUY	79
A. MỤC TIÊU	79
B. NỘI DUNG.....	79
C. TÀI LIỆU THAM KHẢO	89
D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN.....	89
CHƯƠNG 3: SCAMPER.....	91
A. MỤC TIÊU	91
B. NỘI DUNG.....	91

C. TÀI LIỆU THAM KHẢO	100
D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN	100
CHƯƠNG 4: SÁU CHIẾC MŨ TƯ DUY	102
A. MỤC TIÊU	102
B. NỘI DUNG.....	102
C. TÀI LIỆU THAM KHẢO	111
D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN.....	111
 PHẦN 3: SÁNG TẠO TRONG CÔNG VIỆC VÀ HỌC TẬP	 115
A. MỤC TIÊU	115
B. NỘI DUNG.....	115
1. TẦM QUAN TRỌNG CỦA SÁNG TẠO TRONG CÔNG VIỆC VÀ HỌC TẬP	115
2. NHỮNG CÁCH THỨC GIÚP CÁ NHÂN SÁNG TẠO HƠN	120
C. TÀI LIỆU THAM KHẢO	139
D. CÂU HỎI ÔN TẬP; BÀI TẬP, CÂU HỎI, TÌNH HUỐNG THẢO LUẬN.....	139
 TÀI LIỆU THAM KHẢO	 153